

# DOANH NGHIỆP & QUYỀN CON NGƯỜI

Một số vấn đề cơ bản



NGUYỄN THANH HẢI  
LÃ KHÁNH TÙNG  
ĐINH HỒNG HẠNH

**DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI**  
**- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN**

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



**DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN** | | Nguyễn Thị Thanh Hải, Lê Khánh Tùng, Đinh Hồng Hành

© 2017 Trung tâm Nâng cao Năng lực Cộng đồng (CECEM)

Nhà xuất bản xuất bản theo giấy chấp nhận xuất bản của Trung tâm Nâng cao Năng lực Cộng đồng.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử mà không có sự cho phép của NXB Tri thức là vi phạm pháp luật.

**Liên lạc:**

**Trung tâm Nâng cao Năng lực Cộng đồng (CECEM)**

Địa chỉ: Số 1, ngõ 7, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (8424) 39 44 7060

- Fax: (8424) 39 44 7061

Email: [info.learning@cecem.org](mailto:info.learning@cecem.org)

- Website: [www.cecem.org](http://www.cecem.org)

**NGUYỄN THỊ THANH HẢI - LÃ KHÁNH TÙNG  
ĐINH HỒNG HẠNH**

# **DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN**



# MỤC LỤC

<b>LỜI GIỚI THIỆU</b> .....	<b>11</b>
<b>CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP VỀ QUYỀN CON NGƯỜI</b> .....	<b>15</b>
1. Quyền con người là gì?.....	17
2. Ai có quyền con người và ai có nghĩa vụ bảo vệ quyền con người? .....	18
3. Nhà nước có những nghĩa vụ gì đối với các quyền con người? .....	19
4. Toàn cầu hóa tác động như thế nào đến các quyền con người?.....	20
5. Quyền con người có mối quan hệ như thế nào với phát triển?.....	22
6. Quyền con người có mối quan hệ như thế nào với phát triển bền vững?.....	23
7. Vì sao doanh nghiệp cần quan tâm đến vấn đề quyền con người?.....	25
8. Doanh nghiệp tác động như thế nào đến quyền con người? .....	27
9. Nêu một số ví dụ về tác động tích cực và tiêu cực của doanh nghiệp đến các quyền con người? .....	30
10. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là gì? .....	32
11. Trách nhiệm quyền con người khác với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp như thế nào? .33	
12. Mô hình doanh nghiệp xã hội có phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ quyền con người? .....	34
<b>CHƯƠNG II: CÁC CHUẨN MỰC VÀ SÁNG KIẾN QUỐC TẾ VỀ DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI</b> .....	<b>37</b>
1. Quá trình hình thành và xây dựng các chuẩn mực quốc tế về doanh nghiệp và quyền con người đã diễn ra như thế nào? .....	39

2.	Thỏa ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc là gì?.....	40
3.	Dự thảo Quy tắc về Trách nhiệm của tập đoàn xuyên quốc gia và doanh nghiệp khác đối với quyền con người của Liên Hợp Quốc là gì? .....	42
4.	Đại diện đặc biệt của Liên Hợp Quốc về vấn đề quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác có vai trò gì? .....	43
5.	Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người của Liên Hợp Quốc là gì? ..	44
6.	Nhóm công tác về chủ đề quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác của Liên Hợp Quốc có vai trò gì? .....	46
7.	Nhóm công tác mở liên chính phủ về doanh nghiệp và quyền con người của Liên Hợp Quốc có vai trò gì? .....	48
8.	Diễn đàn Doanh nghiệp và nhân quyền của Liên Hợp Quốc là gì? .....	49
9.	Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển có vai trò gì trong việc thúc đẩy và thực hiện trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp?.....	50
10.	Tổ chức Lao động quốc tế có vai trò gì đối với vấn đề trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp? .....	52
11.	Tập đoàn Tài chính quốc tế có vai trò gì đối với vấn đề trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp? .....	54
12.	Các doanh nghiệp đã có những sáng kiến gì để thực hiện trách nhiệm tôn trọng quyền con người? .....	55

**CHƯƠNG III: NGHĨA VỤ CỦA NHÀ NƯỚC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI DOANH NGHIỆP ..... 59**

1.	Nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước đối với quyền con người liên quan đến doanh nghiệp là gì? ..	61
2.	Các nguyên tắc cơ bản để nhà nước thực thi nghĩa vụ bảo vệ quyền con người liên quan đến doanh nghiệp là gì? .....	62
3.	Có những khía cạnh nào cần lưu ý trong mối quan hệ giữa nhà nước và doanh nghiệp?.....	64
4.	Yêu cầu đảm bảo “sự nhất quán của chính sách” đặt ra những nghĩa vụ nào cho nhà nước? .....	65
5.	Nhà nước có phải chịu trách nhiệm về các vi phạm của doanh nghiệp bên ngoài lãnh thổ quốc gia hay không? .....	66

6.	Khi tham gia vào các hiệp định thương mại và đầu tư, nhà nước cần lưu ý đến các khía cạnh nào? .....	68
7.	Cơ quan nhân quyền quốc gia có thể làm gì để thúc đẩy trách nhiệm bảo vệ quyền con người của nhà nước? .....	69
8.	Cơ quan nhân quyền quốc gia có thể làm gì để thúc đẩy trách nhiệm tôn trọng quyền con người của các doanh nghiệp? .....	72
9.	Cơ quan nhân quyền quốc gia có thể làm gì để thúc đẩy các cơ chế khắc phục đối với vi phạm quyền con người do doanh nghiệp gây nên? .....	73
10.	Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người là gì? .....	75
11.	Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người có vai trò gì? .....	76
12.	Chu trình của một kế hoạch hành động quốc gia thường bao gồm các giai đoạn nào? .....	77
13.	Nhà nước có các nghĩa vụ chung nào liên quan đến các cơ chế bảo vệ quyền? .....	79
14.	Có những loại cơ chế nào để khắc phục, bồi thường các vi phạm nhân quyền do doanh nghiệp gây nên? .....	80
15.	Các cơ chế tư pháp có vai trò gì trong việc khắc phục, bồi thường các vi phạm nhân quyền do doanh nghiệp gây nên? .....	81
16.	Các cơ chế ngoài hệ thống tư pháp có vai trò gì trong việc khắc phục, bồi thường các vi phạm nhân quyền do doanh nghiệp gây nên? .....	82
17.	Để đánh giá hiệu quả của cơ chế khắc phục ngoài tư pháp có thể căn cứ vào các tiêu chí nào? .....	84
18.	Tham nhũng đặt ra những thách thức gì đối với lĩnh vực doanh nghiệp và quyền con người? .....	85

#### **CHƯƠNG IV: TRÁCH NHIỆM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA DOANH NGHIỆP ..... 87**

1.	Trách nhiệm tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp là gì? .....	89
2.	Doanh nghiệp cần tôn trọng quyền con người bằng cách nào? .....	90
3.	Tuyên bố chính sách về quyền con người là gì? .....	91
4.	Rà soát quyền con người của doanh nghiệp là gì? .....	92
5.	Đánh giá tác động về quyền con người là gì? .....	93
6.	Doanh nghiệp cần làm gì để đưa kết quả của đánh giá tác động quyền con người vào chính sách, quy trình, hoạt động của doanh nghiệp? .....	96

7. Doanh nghiệp có trách nhiệm gì để giải quyết các vi phạm về quyền con người do mình gây nên? .....	100
8. Doanh nghiệp cần làm gì khi hoạt động ở các quốc gia mà hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật ở quốc gia đó không tương thích với luật quốc tế quyền con người? .....	101
9. Doanh nghiệp vừa và nhỏ có phải chịu trách nhiệm tôn trọng quyền con người khác với các doanh nghiệp đa quốc gia hay không?.....	102
10. Chuỗi cung ứng có tác động như thế nào đến quyền con người? .....	104
11. Doanh nghiệp có tác động như thế nào đến quyền của các nhóm dễ bị tổn thương? .....	105
12. Doanh nghiệp có vai trò đối với việc bảo đảm quyền trẻ em? .....	106
13. Doanh nghiệp vai trò gì đối với vấn đề lao động trẻ em? .....	108
14. Doanh nghiệp có vai trò đối với việc bảo đảm quyền phụ nữ? .....	109
15. Doanh nghiệp có vai trò đối với việc bảo đảm quyền của các nhóm thiểu số? .....	110
16. Doanh nghiệp có tác động như thế nào đến quyền về đất đai? .....	112
17. Doanh nghiệp có tác động như thế nào đến quyền lao động và điều kiện làm việc? .....	113
18. Doanh nghiệp có trách nhiệm gì đối với vấn đề bảo vệ quyền về môi trường? .....	114

## **CHƯƠNG V: DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM ..... 119**

1. Sự quan tâm và nhận thức về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với quyền con người ở Việt Nam hiện nay như thế nào? .....	121
2. Các doanh nghiệp Việt Nam phải tuân thủ các quy định pháp lý nào về tôn trọng, bảo vệ các quyền con người? .....	123
3. Doanh nghiệp Việt Nam vi phạm quyền con người có thể phải gánh chịu các hậu quả pháp lý nào? .....	125
4. Hiện nay có những thách thức nào đối với việc thực thi trách nhiệm của doanh nghiệp về quyền con người ở Việt Nam? .....	127
5. Tình trạng các doanh nghiệp vi phạm quyền con người tại Việt Nam hiện nay đang diễn ra như thế nào? .....	129
6. Nêu một số thực hành tốt về tôn trọng quyền con người của các doanh nghiệp ở Việt Nam? .....	132



<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>135</b>
<b>PHỤ LỤC 1: THỎA ƯỚC TOÀN CẦU CỦA LIÊN HỢP QUỐC .....</b>	<b>137</b>
<b>PHỤ LỤC 2: CÁC NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI: THỰC THI KHUÔN KHỔ “BẢO VỆ, TÔN TRỌNG VÀ KHẮC PHỤC” CỦA LIÊN HỢP QUỐC.....</b>	<b>139</b>
<b>PHỤ LỤC 3: MỘT SỐ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN QUYỀN VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI.....</b>	<b>155</b>
<b>PHỤ LỤC 4: BÌNH LUẬN CHUNG SỐ 24 VỀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ NƯỚC THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....</b>	<b>158</b>
<b>PHỤ LỤC 5: BÌNH LUẬN CHUNG SỐ 16 CỦA ỦY BAN QUYỀN TRẺ EM VỀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÁC ĐỘNG CỦA KHU VỰC DOANH NGHIỆP LÊN QUYỀN TRẺ EM.....</b>	<b>209</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>266</b>

## CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG SÁCH

CSR:	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility)
DNXH:	Doanh nghiệp xã hội
ICC:	Ủy ban điều phối quốc tế các cơ quan nhân quyền quốc gia (International Coordinating Committee)
LHQ:	Liên Hợp Quốc
OECD:	Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (Organisation for Economic Cooperation and Development)
KTXH:	Kinh tế xã hội
MDG:	Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (Millennium Development Goals)
SDG:	Mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals)
ILO:	Tổ chức Lao động Quốc tế (International Labour Organization)

## LỜI GIỚI THIỆU

Tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người là nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội, mà đầu tiên là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, cùng với quá trình toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại, các doanh nghiệp - đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia (MNC), xuyên quốc gia (TNC) - ngày càng có ảnh hưởng rộng lớn, cả tích cực và tiêu cực đến đời sống nhân loại.

Trong khoảng hai thập niên vừa qua, chủ đề doanh nghiệp và quyền con người ngày càng được các quốc gia và cộng đồng quốc tế quan tâm. Liên Hợp Quốc đã hình thành nên nhiều cơ chế (như *Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký về Doanh nghiệp và quyền con người* (giai đoạn 2005-2011), *Nhóm Công tác về Quyền con người, các tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp khác...*) và chuẩn mực (như *Thỏa ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc - 2000*, *Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người - 2011*) để thúc đẩy doanh nghiệp nhận thức rõ hơn trách nhiệm tôn trọng quyền con người và giúp giải quyết những vi phạm quyền con người do doanh nghiệp gây ra.

Trong khi đó, các tài liệu bằng tiếng Việt về các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp và quyền con người vẫn còn khá hiếm hoi. Đáp ứng nhu cầu hiểu biết cơ bản của bạn đọc về chủ đề này, theo sáng kiến của Trung tâm Nâng cao Năng lực Cộng đồng (CECEM) và nhóm Không gian Nhân quyền (*Human Rights Space - HRS*) với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Đan Mạch, chúng tôi biên soạn cuốn sách nhỏ này dưới dạng các câu hỏi đáp. Chúng tôi mong muốn cuốn sách nhỏ này trở thành một tài liệu tham khảo hữu ích cho các công chức nhà nước làm việc trong lĩnh vực liên quan đến doanh nghiệp, bao gồm ở cả các cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, các doanh nghiệp và người lao động cùng những người có quan tâm đến chủ đề này.

Cuốn sách gồm 5 chương: Chương I giới thiệu tổng quan về chủ đề doanh nghiệp và quyền con người; Chương II tìm hiểu các chuẩn mực, thể chế, sáng kiến quốc tế về doanh nghiệp và quyền con người; Chương III và IV đề cập tới các nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ quyền của nhà nước và doanh nghiệp, chủ yếu căn cứ vào Các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc; Chương V nêu một số vấn đề liên quan đến Việt Nam.

Bản thảo cuốn sách đã nhận được nhiều góp ý, hỗ trợ quý báu của một số bạn đồng nghiệp. Bên cạnh đó, do giới hạn về thời gian và năng lực, cuốn sách khó tránh khỏi

những hạn chế và thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc để các tác giả có thể hoàn thiện thêm trong những lần tái bản tiếp theo.

**Tháng 8/2017**  
**CÁC TÁC GIẢ**

**CHƯƠNG I**

**KHÁI QUÁT VỀ  
TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP VỀ  
QUYỀN CON NGƯỜI**

## 1. Quyền con người là gì?

Các chủ đề liên quan đến quyền con người ngày càng được thảo luận nhiều tại các diễn đàn quốc gia và quốc tế. Có nhiều cách hiểu, cách tiếp cận dẫn tới những định nghĩa khác nhau về quyền con người. Khuynh hướng tiếp cận thứ nhất nhấn mạnh thuộc tính tự nhiên của các quyền con người (đã là con người thì có các quyền, sinh ra là con người đã có các quyền và tự do). Khuynh hướng thứ hai nhấn mạnh thuộc tính kiến tạo của quyền con người, cho rằng các quyền là do con người thỏa thuận với nhau hoặc do nhà nước quy định trong pháp luật.

Theo Văn phòng Cao ủy Nhân quyền (OHCHR) Liên Hợp Quốc thì: “Quyền con người là những bảo đảm pháp lý mang tính phổ quát (*universal legal guarantees*) có tác dụng bảo vệ các cá nhân và nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm và tự do cơ bản của con người”.<sup>1</sup> Cách định nghĩa này có thể bị phê phán vì cho rằng quyền con người là có sau luật pháp, có sau sự bảo vệ ở phạm vi quốc tế. Tuy nhiên, định nghĩa này nhấn mạnh

---

<sup>1</sup> United Nations, *Human Rights: Questions and Answers*, New York and Geneva, 2006, tr.4.

tính chuẩn mực chung (phổ quát) của các quyền con người, và để làm căn cứ cho sự đồng thuận, cũng như thuận tiện cho việc vận động các quốc gia tôn trọng tiêu chuẩn chung trong hoạt động lập pháp (xây dựng pháp luật), tư pháp (xét xử) và các thực hành khác. Bên cạnh thuật ngữ “quyền con người”, ở Việt Nam còn hay sử dụng thuật ngữ “nhân quyền” (từ Hán - Việt), cả hai đều có nội hàm như nhau.

Quyền con người có những tính chất (hoặc “nguyên tắc”) cơ bản là: *tính phổ biến* (các quyền thuộc về tất cả mọi thành viên trong nhân loại, không có sự phân biệt đối xử vì bất cứ lý do gì); *tính không thể chuyển nhượng* (các quyền không thể bị tước bỏ hay hạn chế một cách tùy tiện bởi bất cứ chủ thể nào, kể cả nhà nước); *và tính không thể phân chia, phụ thuộc lẫn nhau* (vi phạm một quyền sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm các quyền khác, tiến bộ trong việc bảo đảm một quyền sẽ tác động tích cực đến việc bảo đảm các quyền khác).

## **2. Ai có quyền con người và ai có nghĩa vụ bảo vệ quyền con người?**

Trong khi chủ thể cơ bản của quyền con người là các cá nhân, các nhóm và dân tộc, chủ thể của nghĩa vụ cũng rất đa dạng. Chủ thể đầu tiên có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và



thúc đẩy các quyền con người là các nhà nước mà cụ thể là các chính phủ, các cơ quan nhà nước khác ở trung ương và địa phương, cùng các công chức và những người làm việc cho nhà nước. Các nhà nước đóng vai trò kép, vừa là thủ phạm chính của những vi phạm nhân quyền, song đồng thời cũng được coi là chủ thể có vai trò chính trong việc bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người.

Bên cạnh nhà nước, các tổ chức quốc tế, đảng phái chính trị, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, các cộng đồng, gia đình và cá nhân, đều có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và góp phần thúc đẩy các quyền con người (những chủ thể này được gọi chung là các chủ thể phi nhà nước). Các chủ thể này cũng có thể trở thành thủ phạm vi phạm quyền con người trong những hoàn cảnh nhất định. Ví dụ, các bậc cha mẹ có thể vi phạm quyền của con em, các cộng đồng có thể vi phạm quyền của một cá nhân thành viên, một số doanh nghiệp hủy hoại môi trường sống của người dân cư trú ở vùng lân cận nhà máy.

### **3. Nhà nước có những nghĩa vụ gì đối với các quyền con người?**

Để bảo đảm các quyền con người, mỗi nhà nước đều có ba loại nghĩa vụ cụ thể là:

- Nghĩa vụ tôn trọng: đòi hỏi các nhà nước không được tùy tiện tước bỏ, hạn chế hay can thiệp, kể cả trực tiếp hoặc gián tiếp, vào việc hưởng thụ các quyền con người.
- Nghĩa vụ bảo vệ: đòi hỏi các nhà nước phải ngăn chặn sự vi phạm nhân quyền của các bên thứ ba.
- Nghĩa vụ thực hiện/ hỗ trợ: đòi hỏi các nhà nước phải có những biện pháp nhằm hỗ trợ các cá nhân trong việc thực hiện các quyền con người, đặc biệt là những người ở trong hoàn cảnh bất lợi hoặc dễ bị tổn thương.



John Ruggie, Đại diện Đặc biệt của Tổng thư ký LHQ về Doanh nghiệp và nhân quyền (2005-2011), là tác giả của các Nguyên tắc Hướng dẫn với ba trụ cột "bảo vệ, tôn trọng và cơ chế khắc phục".

#### 4. Toàn cầu hóa tác động như thế nào đến các quyền con người?

Toàn cầu hóa, với sự mở rộng và thâm nhập của nhà nước, thị trường, thông tin và tư tưởng ra ngoài biên giới quốc gia, là một trong những đặc điểm nổi bật của thế giới

ngày nay. Nhiều nghiên cứu cho thấy toàn cầu hóa về kinh tế đã và đang gây nên các tác động đến dân chủ, tự do và nhân quyền ở các quốc gia. Những tiến bộ về khoa học kỹ thuật, sự gia tăng hội nhập vào thị trường toàn cầu, cùng với nó là sự lưu thông tự do và mạnh mẽ của nguồn vốn, nguồn nhân lực, hàng hóa và thương mại đã giúp cho các quốc gia trở nên thịnh vượng hơn, nhờ đó thúc đẩy bình đẳng, tự do và quyền con người trên mọi lĩnh vực.

Toàn cầu hóa cũng giúp cho các quốc gia hội nhập cả về mặt chính trị, pháp luật, xã hội và văn hóa. Nhân quyền cũng là một sản phẩm của toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa không chỉ là quá trình mở rộng và ghi nhận các chuẩn mực quốc tế về quyền con người, mà hơn thế nữa, những biến đổi mạnh mẽ và sâu sắc của quá trình này còn tạo ra sự thay đổi mang tính bước ngoặt cho cả hệ thống luật nhân quyền quốc tế bằng việc ghi nhận vai trò các thiết chế tư nhân như là những chủ thể mới.

Quá trình toàn cầu hóa về kinh tế, tự do hóa thương mại và đầu tư cũng đã cũng mang lại sự lớn mạnh cả về quy mô và quyền lực cho các doanh nghiệp. Thông qua các hoạt động thương mại, đầu tư, sản xuất, kinh doanh, mà doanh nghiệp có thể góp phần cải thiện một số quyền con người nhất định, như các quyền về việc làm, quyền có mức sống thích đáng, quyền về nhà ở, quyền giáo dục, quyền chăm sóc

sức khoẻ. Tuy nhiên, hoạt động của doanh nghiệp cũng có thể gây nên các vi phạm, lạm dụng quyền con người liên quan đến lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, không bảo đảm điều kiện lao động an toàn, ô nhiễm môi trường, và những vấn đề khác.

## **5. Quyền con người có mối quan hệ như thế nào với phát triển?**

Phát triển có thể coi là quá trình hiện thực hóa từng bước các mục tiêu về quyền con người. Trước đây, phát triển chủ yếu được hiểu và tiếp cận đơn thuần là sự gia tăng năng lực sản xuất kinh tế. Ngày nay, các lý thuyết phát triển hiện đại đều coi phát triển là quá trình đạt được các tiêu chuẩn cả về kinh tế, xã hội và chính trị. Mục tiêu của phát triển, do vậy không còn lấy “sự tăng trưởng làm trung tâm” mà được chuyển đổi thành “lấy con người làm trung tâm”, trong đó, đặc biệt coi trọng nhu cầu và quyền cơ bản của mỗi cá nhân và sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển.

Nhà kinh tế học Amartya Sen cho rằng phát triển cần được hiểu như là quá trình mở rộng từng bước tự do cá nhân. Như vậy, theo cách tiếp cận của Sen, quyền con người chính là một khía cạnh cốt lõi của sự phát triển, và ngược lại, quyền con người có thể được coi là một công cụ cho quá

trình phát triển. Mỗi quan hệ giữa phát triển và nhân quyền có thể được coi như hai mặt của một đồng xu.

Ngày nay, các tổ chức quốc tế và các quốc gia đã đưa quyền con người vào quá trình xây dựng, thực hiện các chính sách, pháp luật và chương trình phát triển. Tiếp cận dựa trên quyền cũng được lồng ghép vào các chương trình phát triển. Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2000 của Liên Hợp Quốc, phát triển và quyền con người đều nhằm mục đích thúc đẩy tự do và hạnh phúc của cá nhân trên cơ sở tôn trọng phẩm giá và sự bình đẳng cho tất cả mọi người.

Quyền con người có thể đóng góp cho sự phát triển thông qua việc đảm bảo các bên có nghĩa vụ (bao gồm cả nhà nước và các chủ thể khác) có trách nhiệm thúc đẩy và thực hiện quá trình phát triển đó. Khi có sự vi phạm quyền thì các bên có nghĩa vụ cần đưa ra các biện pháp khắc phục phù hợp.

## **6. Quyền con người có mối quan hệ như thế nào với phát triển bền vững?**

Từ vài thập niên gần đây, khái niệm “phát triển bền vững” được sử dụng nhiều khi nói đến sự phát triển. Phát triển bền vững được hiểu là sự phát triển hướng đến việc đáp ứng nhu cầu về mọi mặt của xã hội hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu và khả năng phát triển của thế hệ

tương lai. Khái niệm này hiện đang là mục tiêu hướng tới của nhiều quốc gia trên thế giới. Để đạt được sự phát triển bền vững, các chuyên gia cho rằng cần phải có sự tôn trọng, thực thi quyền con người. Nói cách khác, cần coi quyền con người là điều kiện tiền đề của phát triển.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh về phát triển bền vững năm 2015, các nhà lãnh đạo của 170 quốc gia đã thông qua “Mục tiêu phát triển bền vững” (*Sustainable Development Goals - SDG*) đến 2030 với 17 mục tiêu cụ thể. Đây được coi là khuôn khổ phát triển toàn cầu, định hướng cho sự phát triển của các quốc gia trong những năm tới. Điểm nổi bật, đánh dấu sự chuyển đổi trong cách tiếp cận của SDG so với “Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ” (*Millennium Development Goals - MDG*) trước đây là việc hướng tới một mô hình phát triển bền vững nhằm đảm bảo các nguyên tắc, chuẩn mực về quyền con người. Cụ thể, Chương trình nghị sự mới khẳng định việc thực hiện SDG là nhằm “hiện thực hóa quyền con người cho tất cả mọi người” và các quốc gia có trách nhiệm phải tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, tuân theo các chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Nhiều mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của SDG liên quan đến các nguyên tắc và chuẩn mực về các quyền con người (mục tiêu 1 và 2 về chấm dứt đói nghèo, mục tiêu 3 về quyền sức khoẻ, mục tiêu 4 về quyền giáo dục, mục tiêu 5 về quyền phụ nữ,

trẻ em gái, mục tiêu 16 về quản lý nhà nước theo nguyên tắc dân chủ, pháp quyền, tiếp cận công lý và an toàn cá nhân).

Một điểm mới đáng lưu ý trong Chương trình nghị sự về phát triển bền vững đến 2030 là lần đầu tiên nhấn mạnh đến vai trò của doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là đối tác quan trọng của LHQ và chính phủ trong việc thực hiện SDG. Cụ thể, Mục tiêu 17 kêu gọi sự hợp tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững trong đó bao gồm cả hợp tác công - tư. Chương trình nghị sự cũng kêu gọi “các doanh nghiệp cần áp dụng sự sáng tạo và sáng kiến của mình để giải quyết các thách thức của phát triển bền vững” và yêu cầu chính phủ cần khuyến khích vai trò và sự năng động của doanh nghiệp nhưng đồng thời cũng yêu cầu doanh nghiệp cần bảo vệ môi trường, sức khỏe, quyền của người lao động, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

## **7. Vì sao doanh nghiệp cần quan tâm đến vấn đề quyền con người?**

Quyền con người đã trở thành giá trị chung của nhân loại, đòi hỏi mọi thiết chế, tổ chức trong xã hội, trong đó có doanh nghiệp, phải có nghĩa vụ đảm bảo. Trước đây, quyền con người và doanh nghiệp thường được coi là hai lãnh địa hoàn toàn khác biệt nhau cả về bản chất, phạm vi và cách

tiếp cận. Đây là quan niệm truyền thống, cho rằng nhà nước là chủ thể chịu trách nhiệm duy nhất trong việc đảm bảo quyền của các cá nhân.

Ngày nay, mặc dù quốc gia vẫn là chủ thể chính có nghĩa vụ đảm bảo quyền con người, nhưng sự tham gia của các chủ thể phi nhà nước như các doanh nghiệp, tập đoàn vào các quan hệ về quyền con người ngày càng nhiều hơn. Có thể nói, mối quan hệ giữa quyền con người và doanh nghiệp được coi là mối quan hệ hai bên cùng có lợi (win-win). Nhiều doanh nghiệp lo ngại rằng tham gia thực hiện nghĩa vụ quyền con người sẽ làm gia tăng chi phí, giảm lợi nhuận. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp không thực hiện tốt cam kết về nhân quyền, gây nên các vi phạm, lạm dụng quyền thì sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận, thậm chí là gia tăng rủi ro cho doanh nghiệp, nhất là trong trường hợp có liên quan đến kiện tụng hoặc đình công. Chẳng hạn tập đoàn Shell đã phải chi 15,5 triệu USD để giải quyết vụ kiện ở Nigeria liên quan đến các vi phạm quyền về môi trường ở đây.<sup>1</sup> Hơn thế nữa, đưa trách nhiệm quyền con người vào hoạt động kinh doanh

---

<sup>1</sup> David Usborne, *Shell settles Nigerian human rights abuses lawsuit for \$15.5m* (Shell chi trả 15,5 triệu đô cho vi phạm quyền con người ở Nigeria). The independent, 9/6/2009: <http://www.independent.co.uk/news/world/americas/shell-settles-nigerian-human-rights-abuses-lawsuit-for-155m-1700267.html> (truy cập 2/8/2017).



cũng sẽ góp phần tạo ra sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp thông qua việc nâng cao hình ảnh, cải thiện quan hệ giữa doanh nghiệp với người lao động và các bên liên quan, đặc biệt là với người tiêu dùng. Nhiều tập đoàn, doanh nghiệp trên thế giới đang đi theo hướng tiếp cận này. Theo số liệu của Trung tâm Dữ liệu về Kinh doanh và Quyền con người thì hiện nay đã có hàng trăm tập đoàn xuyên quốc gia ban hành chính sách riêng về quyền con người.<sup>1</sup>

## **8. Doanh nghiệp tác động như thế nào đến quyền con người?**

Hoạt động của doanh nghiệp có thể gây nên nhiều tác động tích cực và tiêu cực về nhân quyền. Tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp, từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và bối cảnh quốc gia, địa phương mà mức độ, hình thức tác động sẽ khác nhau. Hoạt động đóng thuế của doanh nghiệp sẽ góp phần làm tăng ngân sách nhà nước, nhờ đó đóng góp vào các chương trình phát triển xã hội, trong đó có vấn đề nhân quyền. Doanh nghiệp có thể trực tiếp góp phần thúc đẩy thực hiện quyền con người như quyền về việc làm,

---

<sup>1</sup> Trung tâm Dữ liệu về Kinh doanh và Quyền con người, *Tuyên bố về trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp*, <http://www.business-humanrights.org/Documents/Policies> (truy cập 2/8/2017)

quyền có mức sống thỏa đáng, quyền về nhà ở, quyền giáo dục, quyền chăm sóc sức khoẻ, v.v... Thậm chí, trong nhiều trường hợp, các tập đoàn này còn có ảnh hưởng tích cực đến quyền lực chính trị, pháp lý cả ở cấp độ quốc tế và quốc gia.<sup>1</sup>

Doanh nghiệp cũng là chủ thể có khả năng gây ra nhiều tác động tiêu cực về nhân quyền ở các hình thức, mức độ khác nhau. Trong một nghiên cứu về phạm vi và mức độ vi phạm quyền con người của doanh nghiệp, tác giả Michael Wright cho rằng tình trạng doanh nghiệp vi phạm quyền con người xảy ra ở nhiều ngành nghề và ở tất cả các cộng đồng, khu vực khác nhau.<sup>2</sup> Chẳng hạn, doanh nghiệp có thể vi phạm quyền con người do sử dụng lao động trẻ em, phân biệt đối xử với một số nhóm người lao động nhất định (như phụ nữ, người thuộc về một nhóm dân tộc, địa phương nào đó), không đảm bảo điều kiện lao động lành mạnh, an toàn, công bằng và đầy đủ, không tôn trọng tính độc lập của tổ chức công đoàn, không khuyến khích quyền được thương lượng tập thể của người lao động, v.v... Doanh nghiệp cũng

---

<sup>1</sup> David Kindley và Junko Tadaki, "The Emergence of Human rights responsibility for Corporation at International law", *Tạp chí Luật quốc tế Virginia*, 2003-2004, tr. 933

<sup>2</sup> Michel Wright, *Corporations and Human rights: A Survey of the Scope and Patterns of Alleged Corporate-Related Human rights Abuse*, 2008: <[http://www.hks.harvard.edu/m-rcbg/CSRI/publications/working\\_paper\\_44\\_Wright.pdf](http://www.hks.harvard.edu/m-rcbg/CSRI/publications/working_paper_44_Wright.pdf)>

có thể bị coi là góp phần gây nên những vi phạm nhân quyền xảy ra trong mạng lưới các chi nhánh và chuỗi cung ứng hoặc bán hàng của mình, đặc biệt với những doanh nghiệp có quy mô hoạt động trên toàn cầu. Một số ngành công nghiệp hay lĩnh vực kinh doanh như may mặc, giày da, khai khoáng thường có nguy cơ vi phạm quyền con người cao hơn.

Thực tế cho thấy nhiều tập đoàn lớn trong lĩnh vực giày da, như Nike, Adidas, Reebok, Gap, đều đã từng bị chỉ trích về tình trạng vi phạm quyền của người lao động. Chẳng hạn, Nike đã từng bị chỉ trích là sử dụng lao động giá rẻ, điều kiện làm việc không an toàn.<sup>1</sup> Ở phạm vi rộng hơn, doanh nghiệp có thể bị cáo buộc các vi phạm quyền về nước sạch, quyền sức khoẻ, quyền môi trường hay tình trạng chiếm dụng đất đai của các cộng đồng sở tại. Hãng dầu khí Shell từng bị kiện do những vi phạm về môi trường tại các cộng đồng ở Nigeria khi công ty này tiến hành khai thác dầu ở quốc gia này.<sup>2</sup> Công ty sữa lớn nhất của Trung Quốc cũng bị cáo buộc là đã sản xuất

---

<sup>1</sup> Tổ chức Giám sát Lao động, *Tình hình lao động của công ty Nike ở Việt Nam*, báo cáo ra ngày 20/3/1997.

<sup>2</sup> Kinh doanh và Quyền con người, Hồ sơ vụ việc: vụ kiện Shell: <<http://www.business-humanrights.org/Categories/Lawlawsuits/Lawsuitsregulatoryaction/LawsuitsSelectedcases/ShelllawsuitreNiger>>

sữa chứa chất melamine gây ảnh hưởng đến quyền sống, quyền về sức khỏe của hơn 53.000 trẻ em ở Trung Quốc.<sup>1</sup>

## 9. Nêu một số ví dụ về tác động tích cực và tiêu cực của doanh nghiệp đến các quyền con người?

Hoạt động của doanh nghiệp có thể có các tác động tích cực hoặc tiêu cực đến các quyền con người. Dưới đây là một số ví dụ:<sup>2</sup>

Quyền con người	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Quyền có mức sống thích đáng	Doanh nghiệp có thể mang lại việc làm cho người dân địa phương, nhờ đó góp phần nâng cao đời sống cho họ.	Doanh nghiệp có thể yêu cầu người dân phải di dời chỗ ở mà không có sự tham vấn hay đền bù thỏa đáng, dẫn đến tình trạng đời sống khó khăn.
Quyền có điều kiện làm việc công bằng, thỏa đáng	Doanh nghiệp đưa ra các chuẩn mực về an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc.	Doanh nghiệp không tuân thủ chế độ nghỉ giữa ca.

<sup>1</sup> BBC, China milk poisoning cases rise, 22/9/2008, thông tin có tại: <http://news.bbc.co.uk/2/hi/asia-pacific/7628622.stm>

<sup>2</sup> Nora Götzmann and Claire Methven O'Brien, *Business and human rights a guidebook for national human rights institutions*, International Coordinating Committee of National Human Rights Institutions (ICC) and Danish Institute for Human Rights (DIHR), 11/2013, tr. 8.

Khái quát về Trách nhiệm của doanh nghiệp...

<p>Quyền tiếp cận nước sạch</p>	<p>Doanh nghiệp có thể hỗ trợ nhà nước, chính quyền địa phương để cải thiện cơ sở hạ tầng giúp người dân tiếp cận nước sạch.</p>	<p>Ở nơi khan hiếm về nguồn nước, nếu doanh nghiệp sử dụng quá nhiều nước có thể dẫn đến tình trạng cạn kiệt nguồn nước, người dân không còn nước để sử dụng, làm nông nghiệp.</p>
<p>Quyền giáo dục</p>	<p>Doanh nghiệp đóng thuế cho chính phủ, góp phần vào ngân sách cho phát triển hạ tầng, bao gồm cả cơ sở hạ tầng cho giáo dục.</p>	<p>Doanh nghiệp sử dụng lao động trẻ em dẫn tới tình trạng trẻ em không được tiếp cận giáo dục.</p>
<p>Quyền tiếp cận thông tin</p>	<p>Doanh nghiệp công bố thông tin về tác động môi trường của doanh nghiệp mình để người dân có thể tiếp cận được.</p>	<p>Chính phủ không công khai đánh giá tác động môi trường, doanh nghiệp lại không cung cấp cho người dân, cộng đồng bị ảnh hưởng các thông tin về đánh giá tác động môi trường.</p>
<p>Quyền không bị phân biệt đối xử</p>	<p>Doanh nghiệp đối xử công bằng với người lao động trong tuyển dụng, thăng tiến, chế độ thưởng, hưu trí mà không có sự phân biệt đối xử nào.</p>	<p>Doanh nghiệp có thể phân biệt đối xử với phụ nữ, không tiếp nhận lao động nữ hoặc không tiếp nhận lại làm việc sau khi họ sinh con.</p>

## 10. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là gì?

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility - CSR) là một khái niệm được sử dụng từ khá sớm, gắn với thời kỳ cách mạng công nghiệp từ thế kỷ 18, đề cập tới việc bên cạnh mục đích tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp cần có trách nhiệm với xã hội. CSR là khái niệm rộng và được định nghĩa theo nhiều cách nhau tùy thuộc vào các phương thức tiếp cận, động cơ, lĩnh vực, quan điểm và phương pháp khác nhau. CSR có thể được hiểu là một hình thức tự quản doanh nghiệp hay là cách thức để doanh nghiệp đạt được sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, xã hội, môi trường. Theo Hội đồng Kinh doanh Thế giới vì Phát triển Bền vững (World Business Council for Sustainable Development) thì CSR được hiểu là “cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho sự phát triển kinh tế đồng thời với việc cải thiện chất lượng cuộc sống của lực lượng lao động, gia đình họ, cộng đồng và toàn xã hội”.<sup>1</sup>

Ngoài khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, một số khái niệm tương tự khác cũng thường được sử dụng như: trách nhiệm của doanh nghiệp (CR), doanh nghiệp

---

<sup>1</sup> Definitions of corporate social responsibility - What is CSR?: <http://mallenbaker.net/article/clear-reflection/definitions-of-corporate-social-responsibility-what-is-csr>

công dân (corporate citizenship), doanh nghiệp có trách nhiệm (responsible business)...

## **11. Trách nhiệm quyền con người khác với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp như thế nào?**

Cả hai khái niệm *trách nhiệm về quyền con người* (*trách nhiệm nhân quyền*) của doanh nghiệp và *trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp* (CSR) vừa có một số điểm tương đồng, vừa có một số khác biệt cả về nội hàm và phạm vi. CSR là cách tiếp cận theo hướng từ trên xuống, theo đó doanh nghiệp được quyền tự quyết định hay lựa chọn vấn đề mình quan tâm. Chẳng hạn có doanh nghiệp đóng góp cho giáo dục cộng đồng, nhưng doanh nghiệp khác lại muốn tham gia đóng góp từ thiện, cứu trợ thiên tai, v.v...

Trong khi đó, tiếp cận dựa trên quyền là cách tiếp cận từ dưới lên, lấy cá nhân làm trung tâm. Trách nhiệm nhân quyền yêu cầu doanh nghiệp phải tôn trọng tất cả các quyền con người, trong mọi công đoạn, hoạt động của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp có thể có nhiều thực hành tốt về CSR nhưng vẫn có thể có rủi ro vi phạm nhân quyền hoặc đồng lõa hoặc góp phần gây nên các vi phạm nhân quyền. Do đó, doanh nghiệp không được phép chỉ chọn một hay hai vấn đề mà mình quan tâm, muốn làm từ thiện để thực

hiện trách nhiệm xã hội một cách tự nguyện và bỏ qua các nội dung khác về quyền con người.

Khuôn khổ về quyền con người sẽ dựa trên cách tiếp cận toàn diện, nhấn mạnh nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể liên quan. Trước đây, doanh nghiệp chủ yếu tiếp cận các vấn đề xã hội thông qua CSR nhưng gần đây ngày càng có nhiều doanh nghiệp đưa nội dung quyền con người vào chính sách, chiến lược hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

Do vậy, có thể nói trách nhiệm nhân quyền là khái niệm toàn diện hơn CSR. CSR hướng tới việc tạo ra giá trị, còn trách nhiệm nhân quyền tạo ra khuôn khổ dựa trên các nguyên tắc có tính phổ quát toàn cầu, đặc biệt tập trung vào ngăn ngừa tình trạng vi phạm hoặc đồng lõa với vi phạm nhân quyền của doanh nghiệp.

## **12. Mô hình doanh nghiệp xã hội có phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ quyền con người?**

Theo Điều 10, Luật Doanh nghiệp Việt Nam (2014), doanh nghiệp xã hội (DNXH) là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí: a) Đăng ký thành lập theo quy định của luật; b) Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; c) Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký.



Đóng góp của các DNXH thường tập trung vào ba lĩnh vực: cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mang tính sáng tạo phù hợp với nhu cầu của cộng đồng có hoàn cảnh đặc biệt (người khuyết tật, người có HIV/AIDS...); tạo cơ hội hòa nhập xã hội cho các cá nhân và cộng đồng yếu thế thông qua các chương trình đào tạo phù hợp, tạo cơ hội việc làm; đưa ra các giải pháp mới cho những vấn đề xã hội chưa được đầu tư rộng rãi như biến đổi khí hậu, năng lượng thay thế, tái chế... Chính các mục tiêu xã hội này trở thành động lực thúc đẩy các doanh nhân xã hội thành lập DNXH và sử dụng phương án kinh doanh để giải quyết các vấn đề xã hội.

Trong thực tiễn hoạt động, mô hình DNXH hay bị nhầm lẫn với CSR.<sup>1</sup> Mục tiêu phát triển của DNXH so với các hoạt động thể hiện CSR thông thường có những điểm khác biệt. Trách nhiệm xã hội là một cam kết tự nguyện thể hiện sự nỗ lực cải thiện chất lượng sống của cộng đồng, tuân thủ các quy tắc về pháp luật môi trường, thông qua quá trình kinh doanh và đóng góp của các doanh nghiệp. Bản chất của trách nhiệm xã hội là ghi nhận sự cam kết tự nguyện của doanh nghiệp để thực hiện những chuẩn mực đạo đức và xã hội vì mục tiêu con người và phát triển bền vững. CSR mang

---

<sup>1</sup> Philip Kotler và Nancy Lee, *Corporate Social Responsibility Doing the Most Good for Your Company and Your Cause*, 2005.

tính chất là hoạt động bổ sung của doanh nghiệp, bản chất của doanh nghiệp vẫn là tìm kiếm lợi nhuận. Trong khi đó, tôn chỉ, mục đích và toàn bộ hoạt động của DNXH là để giải quyết vấn đề xã hội hay môi trường đã xác định ngay từ khi thành lập và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động, được thể hiện cụ thể, rõ ràng thông qua cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.

Nhiều học giả kinh tế hàng đầu, chẳng hạn như Michael Porter, đã chủ trương thay các tiêu chí quản trị doanh nghiệp, từ việc hướng tới “giá trị cổ đông” (shareholders value) chuyển sang “giá trị chia sẻ chung” (shared value) để tạo nên sự phát triển hài hòa và bền vững giữa doanh nghiệp và cộng đồng.

**CHƯƠNG II**

**CÁC CHUẨN MỤC VÀ  
SÁNG KIẾN QUỐC TẾ VỀ DOANH NGHIỆP  
VÀ QUYỀN CON NGƯỜI**

## **1. Quá trình hình thành và xây dựng các chuẩn mực quốc tế về doanh nghiệp và quyền con người đã diễn ra như thế nào?**

Doanh nghiệp và quyền con người là một chủ đề khá mới trong các tổ chức, diễn đàn quốc tế cũng như với các doanh nghiệp. Trong pháp luật quốc tế về quyền con người, trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp vẫn là nội dung đang trong quá trình xây dựng chuẩn mực.

Cũng như nhiều chủ đề nhân quyền khác, LHQ đóng vai trò chủ đạo trong việc nghiên cứu, xây dựng các chuẩn mực về trách nhiệm của doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, tổ chức này đã có một số sáng kiến nhằm xây dựng chuẩn mực quốc tế về doanh nghiệp và quyền con người. Ngoài các quy định và cơ chế bảo vệ quyền con người nói chung, LHQ đã xây dựng, thông qua được một số văn kiện và cơ chế liên quan đến vấn đề nhân quyền và doanh nghiệp sau:

- Thỏa ước Toàn cầu (2000);
- Dự thảo Quy tắc về trách nhiệm của các Tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác đối với quyền con người (2003);
- Đại diện đặc biệt về quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác (2005-2011);

- Nhóm công tác về chủ đề quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác (2011);

- Nhóm công tác mở liên chính phủ về xây dựng văn kiện quốc tế có tính ràng buộc quốc tế đối với vấn đề nhân quyền và doanh nghiệp (2014).<sup>1</sup>

Như vậy, có thể thấy là hiện nay LHQ vẫn chưa có một điều ước quốc tế có tính ràng buộc nào liên quan đến chủ đề này, mặc dù đang có những nỗ lực hướng đến xây dựng một Công ước.

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), OECD, Tổ chức tài chính quốc tế, và các tổ chức của doanh nghiệp cũng đã có một số văn kiện đề cập đến các vấn đề liên quan đến trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp. Nội dung cụ thể của các văn kiện và vai trò của các tổ chức này đối với vấn đề trách nhiệm nhân quyền của doanh nghiệp sẽ được làm rõ hơn ở các câu hỏi tiếp theo.

## **2. Thỏa ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc là gì?**

Thỏa ước Toàn cầu (*Global Compact*)<sup>2</sup> là một thỏa thuận quốc tế được thông qua năm 2000 theo sáng kiến của Tổng

---

<sup>1</sup> Nghị quyết thành lập Nhóm công tác mở này được sự ủng hộ của 20 quốc gia thành viên Hội đồng nhân quyền, trong đó có Việt Nam.

<sup>2</sup> Xem nội dung Thỏa ước trong phụ lục 1.

thư ký LHQ nhằm mục đích kêu gọi lãnh đạo các công ty, các cơ quan LHQ, tổ chức xã hội dân sự cùng ủng hộ 10 nguyên tắc cơ bản về ba lĩnh vực là: quyền con người, lao động và bảo vệ môi trường nhằm hỗ trợ việc thực hiện mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.<sup>1</sup>

Hai nguyên tắc đầu tiên trong Thỏa ước này đề cập trực tiếp về quyền con người:

1. Doanh nghiệp cần hỗ trợ và tôn trọng các quyền con người đã được quốc tế ghi nhận;
2. Doanh nghiệp cần đảm bảo không gây ra vi phạm quyền con người.

Thỏa ước Toàn cầu mang lại một số lợi ích nhất định cho các bên tham gia như làm gia tăng cơ hội hợp tác và đối thoại ở cấp độ toàn cầu và địa phương giữa các doanh nghiệp, NGO và chính phủ về một số vấn đề cơ bản liên quan đến con người; tạo diễn đàn trao đổi kinh nghiệm thực tiễn về các chiến lược và giải pháp thực tiễn để giải quyết những vấn đề thách thức; tạo điều kiện để các công ty được tiếp cận với nguồn thông tin, kiến thức của LHQ về các vấn đề phát triển; góp phần nâng cao danh tiếng của các công ty với người tiêu dùng và nhà đầu tư.

---

<sup>1</sup> Tại thời điểm được thông qua năm 2000, Thỏa ước Toàn cầu gồm 9 nguyên tắc. Đến năm 2004, nguyên tắc thứ 10 về chống tham nhũng được bổ sung thêm.

Thỏa ước Toàn cầu được đánh giá là sáng kiến quốc tế lớn nhất về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Ngay sau khi được thông qua, Thỏa ước này đã nhanh chóng nhận được sự ủng hộ của nhiều công ty, kể các tập đoàn xuyên quốc gia hàng đầu trên thế giới.

### **3. Dự thảo Quy tắc về Trách nhiệm của tập đoàn xuyên quốc gia và doanh nghiệp khác đối với quyền con người của Liên Hợp Quốc là gì?**

Trên cơ sở đề xuất của nhóm chuyên gia về vấn đề doanh nghiệp và quyền con người, Tiểu ban Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người (*Sub - Commission on the Promotion and Protection of Human Rights*) của LHQ đã soạn thảo Quy tắc về Trách nhiệm của tập đoàn xuyên quốc gia và doanh nghiệp khác đối với quyền con người (*Norms on the Responsibilities of Transnational Corporations and Other Business Enterprises with Regard to Human Rights*) vào năm 2003. Mục đích của Quy tắc là giúp cho các chính phủ xác định các loại quy định pháp lý cần áp dụng và cơ chế cần thực hiện để đảm bảo trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quy tắc này chỉ dừng lại là một bản dự thảo do gặp phải sự phản đối của một số quốc gia và giới doanh nhân, với lý do là doanh nghiệp không muốn Quy tắc đặt ra

yêu cầu xây dựng một khuôn khổ trách nhiệm mang tính ràng buộc pháp lý.<sup>1</sup>

Mặc dù không được Ủy ban Quyền con người thông qua, nhưng Quy tắc là bước đi đầu tiên của quá trình xây dựng chuẩn mực quốc tế về quyền con người và trách nhiệm của doanh nghiệp.

#### **4. Đại diện đặc biệt của Liên Hợp Quốc về vấn đề quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác có vai trò gì?**

Sau khi bản Quy tắc về Trách nhiệm của các tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác đối với quyền con người không được thông qua, năm 2005, Tổng thư ký LHQ đã quyết định bổ nhiệm chức danh Đại diện Đặc biệt của Tổng thư ký về vấn đề quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác (*Special Representative of the Secretary-General on human rights and transnational corporations and other business enterprises*) để tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này. Đại diện đặc biệt, ông John Ruggie, đã thực hiện nhiệm vụ của mình trong hai nhiệm kỳ kéo dài trong sáu năm (2005-2011). Trong thời gian thực hiện nhiệm

---

<sup>1</sup> Xem Điều 1 của Quy tắc về trách nhiệm của các tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác về quyền con người.



vụ của mình, ông John Ruggie đã có rất nhiều hoạt động nhằm làm rõ hơn các quy phạm, chuẩn mực quốc tế cũng như thúc đẩy vai trò của nhà nước và của chính giới doanh nghiệp trong việc bảo vệ quyền con người. Kết quả đáng ghi nhận là Đại diện đặc biệt đã xây dựng được một khuôn khổ về “bảo vệ, tôn trọng và khắc phục” năm 2008. Khuôn khổ về “bảo vệ, tôn trọng và khắc phục” đề cập ba vấn đề mang tính trụ cột: 1) Nghĩa vụ của nhà nước trong việc bảo vệ để bên thứ ba không vi phạm quyền con người; 2) Nghĩa vụ tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp; và 3) Bảo đảm để nạn nhân của các vụ vi phạm quyền con người do doanh nghiệp gây nên được tiếp cận với các cơ chế khắc phục, bồi thường.

## **5. Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người của Liên Hợp Quốc là gì?**

Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người (*Guiding Principles for Business and Human Rights*)<sup>1</sup> do Đại diện đặc biệt về vấn đề quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác soạn thảo, sau đó được Hội đồng Nhân quyền LHQ thông qua theo nghị quyết 17/4 ngày 16/6/2011.

---

<sup>1</sup> Xem nội dung của Nguyên tắc này trong Phụ lục 2.

Các Nguyên tắc Hướng dẫn gồm ba chương với 31 nguyên tắc xác định vai trò, trách nhiệm của nhà nước, doanh nghiệp trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo để các cá nhân, nhóm bị ảnh hưởng có thể tiếp cận được với các biện pháp khắc phục hiệu quả dựa trên khuôn khổ “bảo vệ, tôn trọng và khắc phục” của Liên Hợp Quốc.

Các Nguyên tắc Hướng dẫn này là văn bản mang tính chuẩn mực quốc tế đầu tiên đưa ra các hướng dẫn cụ thể để quốc gia và doanh nghiệp có thể xây dựng chính sách, pháp luật, thủ tục, quy trình nhằm ngăn ngừa và giải quyết những rủi ro, tác động về quyền con người khi các tập đoàn, doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh. Có thể coi Các Nguyên tắc này là một cương lĩnh hành động dựa trên chuẩn mực quốc tế cho quốc gia và doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của mình về quyền con người

Ngay sau khi ra đời, bản Hướng dẫn này đã nhận được sự ủng hộ tích cực của các tổ chức quốc tế, chính phủ, tổ chức phi chính phủ và cả các doanh nghiệp. Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) đã sửa đổi Hướng dẫn OECD về doanh nghiệp đa quốc gia để bổ sung thêm một chương về nhân quyền trên cơ sở tuân thủ theo nội dung của Nguyên tắc hướng dẫn 2011 của LHQ. Ngoài ra, nhiều quốc gia cũng đã chủ động cam kết thúc đẩy và thực hiện các

Nguyên tắc Hướng dẫn bằng việc thông qua Kế hoạch hoặc Chương trình hành động quốc gia về doanh nghiệp và nhân quyền (*Xem các câu hỏi đáp số 33, 34 và 35 về Kế hoạch hành động quốc gia*). Tính đến tháng 8/2017 đã có 15 quốc gia trên thế giới xây dựng kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và nhân quyền. Nhiều quốc gia khác cũng đang trong tiến trình chuẩn bị để thông qua kế hoạch này.<sup>1</sup>

## **6. Nhóm công tác về chủ đề quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác của Liên Hợp Quốc có vai trò gì?**

Để tiếp tục công việc của Đại diện đặc biệt, Hội đồng Nhân quyền LHQ đã thành lập Nhóm công tác về chủ đề quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và doanh nghiệp (*Working Group on the issue of human rights and transnational corporations and other business enterprises, hoặc Working Group on Business and Human Rights*), theo nghị quyết số A/HRC/17/4 năm 2011. Nhóm công tác này gồm năm chuyên gia độc lập hoạt động theo nhiệm kỳ ba năm, có thể kéo dài thêm một nhiệm kỳ ba năm nữa và được phân bổ theo khu

---

<sup>1</sup> Văn phòng Cao uỷ Nhân quyền LHQ, *Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và nhân quyền*, xem: <http://www.ohchr.org/EN/Issues/Business/Pages/NationalActionPlans.aspx>

vực địa lý. Nhóm công tác này là một trong số các hình thức Thủ tục đặc biệt của Hội đồng Nhân quyền.

Nhóm công tác có trách nhiệm thúc đẩy việc thực hiện Các Nguyên tắc Hướng dẫn về kinh doanh và quyền con người, cũng như khung “bảo vệ, tôn trọng và khắc phục” của LHQ; hỗ trợ nâng cao năng lực và cách áp dụng bản Hướng dẫn của LHQ trong hoạt động kinh doanh, đưa ra các khuyến nghị, tư vấn để chuyển hóa nội dung của các nguyên tắc này vào hệ thống chính sách, pháp luật quốc gia.

Nhóm công tác cũng có chức năng nhận khiếu nại của các nạn nhân bị doanh nghiệp vi phạm quyền, đưa ra khuyến nghị cả ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận với các biện pháp khắc phục, bồi thường cho các nạn nhân. Nhóm có thể tiến hành các hoạt động tham vấn với các bên liên quan, tìm kiếm và phổ biến các bài học, kinh nghiệm tốt để chia sẻ. Nhóm công tác cũng có chức năng tham gia hoạt động nâng cao năng lực, thực hiện các chuyến viếng thăm đến các quốc gia khi được quốc gia mời.

Hàng năm, Nhóm công tác tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp và nhân quyền ở Geneva, và nộp báo cáo về các hoạt động của mình cho Hội đồng Nhân quyền và Đại Hội đồng LHQ.

## **7. Nhóm công tác mở liên chính phủ về doanh nghiệp và quyền con người của Liên Hợp Quốc có vai trò gì?**

Để tiếp tục quá trình xây dựng chuẩn mực quốc tế về nhân quyền và doanh nghiệp, tại kỳ họp thứ 26 ngày 26/6/2014, Hội đồng Nhân quyền LHQ đã thông qua Nghị quyết số 26/9 về việc thành lập Nhóm công tác mở liên chính phủ (*Open-ended intergovernmental working group*) về nhân quyền với tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp khác.<sup>1</sup> Khác với Nhóm công tác về quyền con người, tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác là một cơ chế gồm các chuyên gia hoạt động độc lập, Nhóm công tác mở là một cơ chế chính phủ. Mục đích chính của Nhóm công tác mở là chuẩn bị xây dựng một văn kiện có tính ràng buộc pháp lý điều chỉnh các hoạt động của tập đoàn xuyên quốc gia và các loại hình doanh nghiệp khác.

Nhóm công tác mở đã tổ chức hai phiên họp đầu tiên (trong năm 2015 và 2016) để hỗ trợ Hội đồng Nhân quyền thực hiện tham vấn về nội dung, phạm vi, tính chất và hình thức của công ước quốc tế về vấn đề này trong tương lai. Chủ tịch của Nhóm công tác mở có nhiệm vụ chuẩn bị các yếu tố

---

<sup>1</sup> Nghị quyết này đã được các Thành viên của Hội đồng Nhân quyền thông qua với 20 phiếu thuận, 14 chống và 13 phiếu trắng. Việt Nam là một trong số 20 quốc gia bỏ phiếu ủng hộ cơ chế này.

cần thiết cho phiên thảo luận thứ 3, diễn ra vào tháng 10/2017, để chuẩn bị soạn thảo văn kiện pháp lý về vấn đề này.

## **8. Diễn đàn Doanh nghiệp và nhân quyền của Liên Hợp Quốc là gì?**

Diễn đàn Doanh nghiệp và nhân quyền (*Forum on Business and Human Rights*) được thành lập năm 2011, theo nghị quyết 17/4 của Đại Hội đồng LHQ. Diễn đàn là một cơ chế hoạt động thường niên, thường diễn ra trong hai ngày mỗi năm, do Nhóm công tác của LHQ về doanh nghiệp và nhân quyền chịu trách nhiệm hỗ trợ về nội dung. Diễn đàn có nhiệm vụ thảo luận các thách thức, thực trạng, xu hướng trên thế giới nhằm hỗ trợ việc thực hiện hướng dẫn của LHQ về doanh nghiệp và nhân quyền. Diễn đàn cũng là cơ hội để thúc đẩy đối thoại, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm về vấn đề trách nhiệm nhân quyền của doanh nghiệp theo từng lĩnh vực hoặc nhóm đối tượng nhất định.

Diễn đàn có sự tham gia của tất cả các bên liên quan bao gồm tổ chức quốc tế, đại diện chính phủ, cơ quan nhân quyền quốc gia, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, công đoàn, nhà nghiên cứu và các tổ chức phi chính phủ.

## **9. Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển có vai trò gì trong việc thúc đẩy và thực hiện trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp?**

Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển (*Organisation for Economic Cooperation and Development - OECD*) được thành lập năm 1961, hiện nay gồm 35 quốc gia thành viên. OECD là diễn đàn để các chính phủ thành viên chia sẻ kinh nghiệm, tìm kiếm giải pháp nhằm cải thiện điều kiện kinh tế, xã hội cho tất cả mọi người.<sup>1</sup>

OECD được đánh giá là tổ chức có nhiều nỗ lực trong việc thúc đẩy và thực hiện trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp. Năm 1976, OECD đã thông qua Tuyên bố về đầu tư quốc tế và các doanh nghiệp đa quốc gia (*Declaration on International Investment and Multinational Enterprises*) nhằm tạo ra môi trường minh bạch, khuyến khích các doanh nghiệp đóng góp vào sự phát triển kinh tế và xã hội. Tuyên bố bao gồm bốn cấu phần đi kèm, trong đó bao gồm Hướng dẫn cho các doanh nghiệp đa quốc gia (*Guidelines for Multinational Enterprises*). Trong nhiều năm tiếp theo, gần đây nhất là 2000 và 2011, các quốc gia thành viên OECD đã sửa đổi, cập nhật lại bản Hướng dẫn này.

---

<sup>1</sup> Xem thông tin về OECD tại: <http://www.oecd.org/about/>.

Hướng dẫn cho các doanh nghiệp đa quốc gia gồm chuẩn mực về các lĩnh vực lao động, chống tham nhũng, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ... Hướng dẫn trực tiếp đề cập vấn đề nhân quyền bằng việc kêu gọi các tập đoàn xuyên quốc gia cần *“tôn trọng quyền con người trong phạm vi các hoạt động của họ cho phù hợp với các cam kết và nghĩa vụ quốc tế của chính phủ chủ nhà”*.<sup>1</sup> Hướng dẫn OECD cũng kêu gọi thực hiện một số sáng kiến liên quan đến các vấn đề nhân quyền cụ thể như thực hiện rà soát nhân quyền ở các lĩnh vực hoặc địa bàn có rủi ro cao về vi phạm nhân quyền.

Đặc biệt, năm 2011, OECD tiếp tục sửa đổi thêm nội dung của Hướng dẫn, trong đó có bổ sung thêm nội dung mới về trách nhiệm quyền con người của các doanh nghiệp xuyên quốc gia như:

- Khẳng định quốc gia thành viên có nghĩa vụ thực hiện các quy định trong Hướng dẫn này vì nhiều nội dung của Hướng dẫn đã được đề cập trong các văn kiện pháp lý quốc tế và quốc gia;
- Hướng dẫn bổ sung thêm một chương riêng về nhân quyền (Chương IV);

---

<sup>1</sup> Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế, *Hướng dẫn dành cho tập đoàn xuyên quốc gia năm 2000*, <http://www.oecd.org>.



- Khẳng định doanh nghiệp cần góp phần vào việc xóa bỏ lao động trẻ em và có “biện pháp hiệu quả và ngay lập tức” để xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất;

- Đưa ra một số biện pháp nhằm tăng cường tính hiệu quả của Đầu mối quốc gia (*National Contact Points*) để thực hiện Hướng dẫn này.

## **10. Tổ chức Lao động quốc tế có vai trò gì đối với vấn đề trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp?**

Tổ chức Lao động quốc tế (*International Labour Organisation - ILO*) là cơ quan chuyên môn của LHQ có nhiệm vụ thúc đẩy việc thực hiện các quyền con người trên lĩnh vực lao động. Các công ước do ILO thông qua có giá trị ràng buộc pháp lý đối với quốc gia phê chuẩn. ILO cũng đóng vai trò thúc đẩy đối thoại của ba bên (chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động), hỗ trợ để thực hiện tốt hơn trách nhiệm về quyền con người của doanh nghiệp trong lĩnh vực lao động.

Một số văn kiện của ILO có tính toàn diện và liên quan trực tiếp nhất đến trách nhiệm nhân quyền của doanh nghiệp là Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản và quyền ở nơi làm việc (1998) và Tuyên bố ba bên về các nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội

(1977). Tuyên bố ba bên kêu gọi chính phủ thành viên của ILO, người sử dụng lao động, người lao động, tổ chức của người lao động, các doanh nghiệp đa quốc gia cùng tôn trọng quyền lao động trên bốn lĩnh vực: việc làm, đào tạo, điều kiện làm việc và điều kiện sống, và quan hệ lao động. Trong lần sửa đổi năm 2000, Tuyên bố này bổ sung thêm nội dung kêu gọi doanh nghiệp quốc gia và đa quốc gia cùng tôn trọng yêu cầu về tuổi lao động tối thiểu khi tuyển dụng để đảm bảo việc xóa bỏ lao động trẻ em. Trong lần sửa đổi gần nhất (năm 2017), Tuyên bố này đã đưa ra nhiều điểm mới liên quan đến trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp đa quốc gia. Các điểm mới này bao gồm:

- Tuyên bố xác định mục tiêu chính là hướng tới việc đạt được “công việc phù hợp” (*decent work*) cho tất cả mọi người;

- Khuôn khổ “Bảo vệ, tôn trọng và khắc phục” trong Các Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ về doanh nghiệp và nhân quyền đã được đưa vào phần Các chính sách chung của Tuyên bố;

- Đề cập vai trò của doanh nghiệp đa quốc gia ở cả nước sở tại và nước chủ nhà;

- Đưa ra một số nội dung hướng dẫn mới, chẳng hạn đối với các vấn đề về an sinh xã hội, xóa bỏ lao động cưỡng bức, lao động bắt buộc, trả lương công bằng;

- Đưa ra quy định về tiếp cận các biện pháp khắc phục, trong đó kêu gọi doanh nghiệp đa quốc gia cần khuyến khích các đối tác của mình đưa ra các phương tiện hỗ trợ việc đền bù hiệu quả (đoạn 65 của Tuyên bố) đồng thời kêu gọi doanh nghiệp (trong nước và đa quốc gia) cần tôn trọng quyền của người lao động trong việc giải quyết các khiếu nại của họ mà không phải chịu bất kỳ định kiến nào.

## **11. Tập đoàn Tài chính Quốc tế có vai trò gì đối với vấn đề trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp?**

Tập đoàn Tài chính Quốc tế (*International Finance Corporation - IFC*) là một công ty thành viên của Ngân hàng Thế giới (WB) có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ tài chính như đầu tư, tư vấn, quản lý tài sản cho các doanh nghiệp. Đây cũng là một thiết chế tài chính đã xây dựng và áp dụng được một số nguyên tắc, chuẩn mực về quyền con người. Tập đoàn này đã xây dựng được Khuôn khổ chính sách về phát triển bền vững áp dụng cho tất cả các khách hàng về đầu tư và tư vấn của Tập đoàn. Theo đó, khách hàng của IFC có trách nhiệm phải tuân thủ một số tiêu chuẩn liên quan đến quyền con người như yêu cầu về đánh giá và quản lý tác động môi trường và rủi ro xã hội; điều kiện lao động và việc làm và bảo vệ quyền của người bản địa.

Năm 2011, Khung chính sách này tiếp tục được điều chỉnh để bổ sung thêm một số nội dung mới để phù hợp với Các Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ về doanh nghiệp và nhân quyền như biến đổi khí hậu và quyền con người, hay thực hiện trách nhiệm rà soát, đánh giá nhân quyền.<sup>1</sup>

## **12. Các doanh nghiệp đã có những sáng kiến gì để thực hiện trách nhiệm tôn trọng quyền con người?**

Bên cạnh các quy định của tổ chức quốc tế, bản thân doanh nghiệp cũng đã phối hợp với các tổ chức, chính phủ hoặc tự mình đưa ra một số cơ chế tự quản theo lĩnh vực, ngành hoặc cho riêng doanh nghiệp mình.

Các tập đoàn, công ty ngày càng nhận thức rằng nếu không tôn trọng quyền con người thì có thể dẫn tới rủi ro cho hoạt động của mình. Những nguy cơ rủi ro này có thể liên quan đến phản ứng tiêu cực của báo chí, truyền thông, các cuộc đình công, biểu tình, tẩy chay,... gây ảnh hưởng đến danh tiếng của doanh nghiệp và thiệt hại về tài chính. Thực tế cho thấy nhiều tập đoàn xuyên quốc gia lớn đã từng

---

<sup>1</sup> Nora Götzmann and Claire Methven O'Brie, *Business and human rights a guidebook for national human rights institution*, International Coordinating Committee of National Human Rights Institutions (ICC) and Danish Institute for Human Rights (DIHR), 2013. tr. 113.

bị liên đới đến các vụ kiện tụng về quyền con người như: Coca-cola, ExxonMobil, Shell, Riotin, v.v...

Chính vì vậy, trong những năm gần đây, một số hiệp hội nghề nghiệp, ngành công nghiệp và bản thân doanh nghiệp đã xây dựng nhiều quy tắc ứng xử, hướng dẫn hay tiêu chuẩn riêng cho từng lĩnh vực ngành nghề, trong đó có nội dung về trách nhiệm nhân quyền.

Chẳng hạn, WRAP là chứng chỉ về trách nhiệm toàn cầu trong ngành may mặc; ISO 14001 là chứng chỉ về hệ thống quản lý môi trường trong doanh nghiệp; Chứng chỉ SA 8000 do tổ chức Trách nhiệm Xã hội Quốc tế (*Social Accountability International - SAI*) công bố xây dựng dựa trên các nguyên tắc chung về quyền con người đã đưa ra các yêu cầu về điều kiện làm việc mà một tổ chức phải cung cấp cho các nhân viên của mình.

Nhiều doanh nghiệp đã tham gia vào các sáng kiến tự nguyện theo từng ngành, lĩnh vực khác nhau như:

- Liên minh công dân công nghiệp ngành điện tử;
- Sáng kiến minh bạch ngành công nghiệp chế xuất;
- Sáng kiến của hội lao động công bằng;
- Sáng kiến báo cáo toàn cầu;
- Quy trình Kimberley.

Ngoài ra, các tiêu chuẩn nhân quyền cũng đang được đưa vào bộ quy tắc hành nghề của nhiều doanh nghiệp.

## Các chuẩn mực và sáng kiến quốc tế...



The image shows a screenshot of the United Nations Human Rights Office of the High Commissioner for Human Rights website. The header includes the UN logo, the text "United Nations Human Rights Office of the High Commissioner for Human Rights", and navigation links in multiple languages (English, Français, Español, العربية, 中文). Below the header, there is a search bar and a navigation menu with items like "Home", "Your human rights", "Countries", "Human rights bodies", "News and events", "Human rights - New York", "Publications and resources", and "About us". The main content area features a photograph of five people sitting at a table during a meeting. Below the photo is the caption: "Working Group on the issue of human rights and transnational corporations and other business enterprises". To the right of the photo is a vertical banner for "The Canadian Country Visit of the UN Working Group on Business and Human Rights" with a date of "2016 November 16-18, 2017" and a photo of a building with Canadian flags.

Nhóm công tác về vấn đề nhân quyền và các tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp khác được Hội đồng Nhân quyền LHQ thành lập vào tháng 6/2011, họp lần đầu tại Geneva vào ngày 20/1/2012; Tài liệu để chuẩn bị cho chuyến thăm quốc gia đến Canada (tháng 5/2017) của nhóm.

### **CHƯƠNG III**

# **NGHĨA VỤ CỦA NHÀ NƯỚC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI DOANH NGHIỆP**

## **1. Nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước đối với quyền con người liên quan đến doanh nghiệp là gì?**

Như đã nêu (tại câu hỏi đáp số 3), nhà nước có ba loại nghĩa vụ đối với các quyền con người là tôn trọng, bảo vệ và thực hiện/ hỗ trợ. Nghĩa vụ bảo vệ của nhà nước đối với quyền con người thường được hiểu là vai trò của nhà nước trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, có chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm của chủ thể thứ ba (bao gồm các doanh nghiệp) đối với các quyền con người. Trong khi nhà nước có cả ba loại nghĩa vụ (tôn trọng, bảo vệ và thực hiện) đối với các quyền con người, nghĩa vụ bảo vệ liên quan nhiều nhất đến bối cảnh các hoạt động của giới doanh nghiệp.

Theo Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người, bên cạnh các nguyên tắc chung, có bốn nguyên tắc về hành động cụ thể mà nhà nước cần thực hiện. Các nguyên tắc này liên quan đến phạm vi pháp luật và chính sách rộng lớn, được chia thành các nhóm:

- Các chức năng chung của nhà nước về lập pháp và chính sách: bao gồm việc ban hành, thực thi pháp luật, hướng dẫn các doanh nghiệp...;



- Trong mối quan hệ giữa nhà nước và doanh nghiệp: khi nhà nước sở hữu hoặc điều hành doanh nghiệp, hoặc giao kết hợp đồng với doanh nghiệp có tác động đến nhân quyền;

- Hỗ trợ doanh nghiệp tôn trọng nhân quyền tại các khu vực chịu ảnh hưởng bởi xung đột: tại khu vực có xung đột, nguy cơ vi phạm nhân quyền nghiêm trọng gia tăng, nhà nước cần hướng dẫn, hỗ trợ và thực thi các cơ chế để bảo đảm các doanh nghiệp không liên quan đến các vi phạm;

- Đảm bảo sự nhất quán của chính sách: các chính sách là nhất quán giữa các nhánh quyền lực, cơ quan nhà nước, trong chính sách đối nội và đối ngoại, hợp tác quốc tế, tham gia các điều ước đều cần quan tâm đến các nghĩa vụ về nhân quyền của nhà nước.

## **2. Các nguyên tắc cơ bản để nhà nước thực thi nghĩa vụ bảo vệ quyền con người liên quan đến doanh nghiệp là gì?**

Là chủ thể chính, phải chịu trách nhiệm ngăn chặn, xử lý vi phạm quyền con người do mọi chủ thể gây ra đối với người sống trong lãnh thổ hoặc quyền tài phán của mình, các nhà nước có trách nhiệm bảo vệ các quyền con người

trước sự vi phạm của bất kỳ chủ thể nào, bao gồm các doanh nghiệp. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra nhiều thách thức cho các nhà nước, đặc biệt là trước xu hướng gia tăng ảnh hưởng của các tập đoàn lớn, cũng như sự xâm nhập, thao túng của giới doanh nhân vào chính trị và sự tác động đến các cơ quan nhà nước (gồm cả lập pháp, hành pháp và tư pháp). Nhiều trường hợp không phải chỉ riêng doanh nghiệp vi phạm, mà đồng thời có cả sự vi phạm của nhà nước xen kẽ.

Trong Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người, theo Nguyên tắc 3, để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ quyền con người, các nhà nước nên có các hoạt động sau:

a) Thực thi pháp luật nhằm đến, hoặc có tác dụng, yêu cầu các doanh nghiệp phải tôn trọng nhân quyền, và định kỳ đánh giá sự phù hợp của pháp luật và giải quyết bất kỳ khoảng trống nào;

b) Đảm bảo rằng luật pháp và chính sách chi phối việc thành lập và hoạt động liên tục của doanh nghiệp, chẳng hạn như luật công ty, không làm cản trở mà cho phép giới kinh doanh tôn trọng nhân quyền;

c) Hướng dẫn hiệu quả cho các doanh nghiệp về cách tôn trọng nhân quyền trong mọi hoạt động của họ;

d) Khuyến khích, và yêu cầu khi thích hợp, các doanh nghiệp thông tin về tình hình họ giải quyết những tác động nhân quyền của mình.

Gần đây, nhiều quốc gia đã tích cực thông qua các đạo luật buộc doanh nghiệp phải tôn trọng nhân quyền. Chẳng hạn như Luật Chống nô lệ hiện đại của Anh (Modern Slavery Act, 2015), Luật rà soát về nhân quyền của Pháp (Due Diligence Law, 2017)...

### **3. Có những khía cạnh nào cần lưu ý trong mối quan hệ giữa nhà nước và doanh nghiệp?**

Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người, bên cạnh việc nêu lên các nghĩa vụ của nhà nước liên quan đến chính sách và pháp luật (Nguyên tắc 3 nêu trên), cũng lưu ý đến một số khía cạnh khi có sự tương tác giữa cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp, gồm cả trường hợp liên quan đến một doanh nghiệp do nhà nước sở hữu hoặc được nhà nước tài trợ. Theo Nguyên tắc 4, 5 và 6 của Các Nguyên tắc Hướng dẫn, trong mối quan hệ này, các nhà nước nên lưu ý đến các khía cạnh sau:

- Bảo đảm không có sự vi phạm nhân quyền bởi các doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát của nhà nước, hoặc nhận hỗ trợ và dịch vụ đáng kể từ cơ quan nhà

nước, như là các cơ quan tín dụng xuất khẩu và các cơ quan bảo hiểm đầu tư hoặc bảo lãnh chính thức, yêu cầu có sự quan tâm thích đáng đến nhân quyền.

- Thực thi đầy đủ việc giám sát nhằm đáp ứng các nghĩa vụ nhân quyền quốc tế của họ khi xây dựng pháp luật liên quan hoặc khi giao kết hợp đồng với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có thể ảnh hưởng tới sự hưởng thụ các quyền con người.

- Thúc đẩy sự tôn trọng nhân quyền bởi các doanh nghiệp mà cơ quan nhà nước tiến hành giao dịch cùng.

#### **4. Yêu cầu đảm bảo “sự nhất quán của chính sách” đặt ra những nghĩa vụ nào cho nhà nước?**

Theo các nguyên tắc 8, 9 và 10 trong Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người, để đảm bảo sự nhất quán của chính sách, các nhà nước cần phải:

- Đảm bảo rằng chính phủ, các cơ quan, tổ chức nhà nước khác có vai trò ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh cần nhận thức đầy đủ và tôn trọng các nghĩa vụ nhân quyền của nhà nước khi thực hiện thẩm quyền, bao gồm việc cung cấp thông tin, đào tạo và hỗ trợ cho các doanh nghiệp;

- Duy trì không gian chính sách trong nước đủ để đáp ứng nghĩa vụ nhân quyền khi theo đuổi mục tiêu chính sách liên quan đến kinh doanh với các nhà nước khác hoặc các doanh nghiệp, ví dụ thông qua hiệp định hoặc hợp đồng đầu tư;

- Với tư cách thành viên của các tổ chức đa phương, khi đối diện các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, cần đảm bảo rằng những tổ chức đó không cản trở khả năng của các quốc gia thành viên đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ hay cản trở các doanh nghiệp trong việc tôn trọng các quyền con người; khuyến khích các tổ chức thúc đẩy sự tôn trọng của giới doanh nghiệp đối với nhân quyền và, ở đâu có sự yêu cầu, giúp các nhà nước đáp ứng nhiệm vụ của họ bảo vệ chống lại sự vi phạm quyền con người của các doanh nghiệp; thúc đẩy hiểu biết chung và hợp tác quốc tế trong việc quản lý các thách thức giữa doanh nghiệp và nhân quyền.

## **5. Nhà nước có phải chịu trách nhiệm về các vi phạm của doanh nghiệp bên ngoài lãnh thổ quốc gia hay không?**

Nghĩa vụ của nhà nước ngoài lãnh thổ (*Extraterritorial obligations - ETOs*) là một chủ đề được cộng đồng quốc tế ngày càng quan tâm nhiều hơn, dù sự quan tâm này nổi lên

tương đối muộn. Mặc dù các nhà nước từ lâu đã cam kết thúc đẩy, bảo vệ các quyền của mọi người tại mọi nơi.

Theo Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người, trách nhiệm về quyền con người áp dụng cho “tất cả các doanh nghiệp, tập đoàn xuyên quốc gia và doanh nghiệp khác, bất kể quy mô, ngành nghề, địa điểm, quyền sở hữu và cấu trúc của chúng” (Lời mở đầu - Các Nguyên tắc chung).

Gần đây, Bình luận chung số 24 của Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa LHQ về nghĩa vụ của nhà nước theo Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh, thông qua năm 2017, đã dành hẳn một mục (mục C, Chương III) để làm rõ các nghĩa vụ bên ngoài lãnh thổ của nhà nước liên quan đến các hoạt động của doanh nghiệp.<sup>1</sup> Các đoạn 25- 27 của Bình luận chung chỉ ra rằng không có giới hạn nào về lãnh thổ hoặc thẩm quyền tài phán theo ICESCR. Đoạn 28 xác định “nghĩa vụ ngoài lãnh thổ phát sinh khi một nhà nước thành viên có thể gây ảnh hưởng bên ngoài lãnh thổ của mình, phù hợp với các giới hạn áp đặt bởi luật quốc tế, bằng cách kiểm soát các hoạt động của các tập đoàn cư trú trong lãnh thổ và / hoặc thẩm quyền tài phán của nó, và do

---

<sup>1</sup> Xem Bình luận chung số 24 trong Phụ lục.

đó có thể đóng góp vào sự hưởng thụ hiệu quả các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa bên ngoài lãnh thổ quốc gia". Các nghĩa vụ ngoài lãnh thổ bao gồm cả các khía cạnh tôn trọng (đoạn 20), bảo vệ (đoạn 30-35) và thực thi (đoạn 37).

## **6. Khi tham gia vào các hiệp định thương mại và đầu tư, nhà nước cần lưu ý đến các khía cạnh nào?**

Khi tham gia các hiệp định thương mại và đầu tư, để bảo vệ, tôn trọng các quyền con người, nhà nước cần lưu ý đến các khía cạnh sau:

- Cần xem xét kỹ xem có mâu thuẫn giữa các nghĩa vụ theo các công ước về nhân quyền mà quốc gia đã tham gia với nghĩa vụ theo hiệp định thương mại hoặc đầu tư hay không, tránh tham gia vào hiệp định nếu có sự mâu thuẫn như vậy;

- Cần thực hiện đánh giá tác động nhân quyền, xét đến cả tác động tích cực và tiêu cực lên các quyền con người do hiệp định có thể gây nên, trước khi ký kết hiệp định (đánh giá trước);

- Nên bao gồm các điều khoản về quyền con người trong hiệp định. Những thỏa thuận về tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người trong hiệp định sẽ là căn cứ để nhà nước đưa ra những biện pháp tương ứng nhằm điều

chính hoạt động của doanh nghiệp trong mối quan hệ với quyền con người bên cạnh việc thực hiện các cam kết khác về đảm bảo môi trường thương mại và đầu tư.

- Trong quá trình thực thi hiệp định, cần thường xuyên đánh giá các tác động của hiệp định đối với quyền con người (đánh giá sau).<sup>1</sup>

## **7. Cơ quan nhân quyền quốc gia có thể làm gì để thúc đẩy trách nhiệm bảo vệ quyền con người của nhà nước?**

Cơ quan nhân quyền quốc gia là các cơ quan chuyên trách với nhiệm vụ thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người. Vai trò của cơ quan nhân quyền quốc gia trong lĩnh vực doanh nghiệp và quyền con người đã được thảo luận và đề cập đến trong nhiều văn kiện, tài liệu. Chẳng hạn như Tuyên bố Edinburgh (năm 2000) của Ủy ban Điều phối quốc tế các cơ quan nhân quyền quốc gia (ICC) đã kêu gọi các cơ quan này thúc đẩy sự bảo vệ tốt hơn chống lại vi phạm quyền con người bởi các doanh nghiệp, tăng cường trách nhiệm giải trình, sự tôn trọng các quyền con người của các doanh

---

<sup>1</sup> Xem thêm: Bình luận chung số 24 (2017) của Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (CESCR) về nghĩa vụ của nhà nước theo Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh, đoạn 13 (trong Phụ lục sách này).



ngiệp. Ở quy mô toàn cầu, ICC đã thành lập Nhóm công tác về doanh nghiệp và nhân quyền vào năm 2009.

Cơ quan nhân quyền quốc gia có thể thúc đẩy trách nhiệm bảo vệ quyền con người bởi nhà nước bằng một số hình thức hoạt động như:

- Tư vấn cho các cơ quan nhà nước về ảnh hưởng thực tế và tiềm năng đến các quyền con người liên quan đến doanh nghiệp, chẳng hạn như việc lưu ý nhà nước về ảnh hưởng tiêu cực của một ngành công nghiệp cụ thể;

- Tư vấn cho các cơ quan nhà nước về pháp luật, chính sách liên quan đến chủ đề doanh nghiệp và nhân quyền, chẳng hạn như việc rà soát, sửa đổi pháp luật về doanh nghiệp, về môi trường, đất đai hoặc phòng chống tham nhũng...;

- Bảo đảm pháp luật quy định phù hợp về nhân quyền liên quan đến doanh nghiệp do nhà nước sở hữu hoặc kiểm soát;

- Tư vấn cho các cơ quan nhà nước về khả năng và vai trò bảo vệ của nhà nước liên quan đến các dịch vụ tài chính, như cung cấp tín dụng xuất khẩu hoặc trong việc tham gia vào các tổ chức tài chính đa phương;

- Tham gia vào việc nghiên cứu cơ bản làm nền tảng về chủ đề doanh nghiệp và nhân quyền; thúc đẩy hoặc chủ trì việc soạn kế hoạch quốc gia (như trường hợp Ủy ban Nhân

quyền quốc gia - Komnas HAM - của Indonesia làm gần đây) và trong việc thực thi kế hoạch đó;

- Làm việc với các cơ chế LHQ, tham gia vào tiến trình Kiểm điểm Định kỳ Phổ quát (UPR) và các tiến trình báo cáo định kỳ khác về các vấn đề liên quan đến chủ đề doanh nghiệp và nhân quyền;

- Tư vấn và giám sát việc nhà nước thiết lập tiếp cận hiệu quả cơ chế, chẳng hạn như rà soát lại các quy định lập pháp và hành chính liên quan để bảo đảm cho các chủ thể bị vi phạm quyền bởi các doanh nghiệp có thể tiếp cận...<sup>1</sup>;

- Tham gia hoặc tư vấn cho nhà nước tiến hành các rà soát nhân quyền và đánh giá tác động nhân quyền của doanh nghiệp hoặc của các thỏa thuận về thương mại và đầu tư;

- Nâng cao nhận thức của cán bộ nhà nước về các vấn đề nhân quyền trong mối quan hệ với doanh nghiệp;

- Với tư cách là một cơ quan nhà nước, hợp tác với các tổ chức quốc tế, các cơ quan nhân quyền quốc gia khác và các tổ chức xã hội dân sự để cùng giải quyết các vấn đề về quyền con người liên quan đến doanh nghiệp, đặc biệt là các vấn đề

---

<sup>1</sup> Xem: *Business and Human Rights: A Guidebook for National Human Rights Institutions*, ICC, 2013, trang 32-33.

xuyên quốc gia hoặc liên quan đến doanh nghiệp xuyên quốc gia.

### **8. Cơ quan nhân quyền quốc gia có thể làm gì để thúc đẩy trách nhiệm tôn trọng quyền con người bởi các doanh nghiệp?**

Cơ quan nhân quyền quốc gia có thể thúc đẩy trách nhiệm tôn trọng nhân quyền của doanh nghiệp bằng một số phương thức sau:

- Tham gia đối thoại trực tiếp với giới doanh nghiệp để thông tin cho họ về Các Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ, và tăng cường năng lực cho doanh nghiệp để giải quyết các tác động về nhân quyền (chẳng hạn qua đào tạo về nhân quyền, phổ biến các văn kiện nhân quyền...); tư vấn cho các chủ thể liên quan về phương thức phòng ngừa, cơ chế khắc phục các vi phạm nhân quyền bởi doanh nghiệp;

- Tổ chức, điều phối đối thoại nhiều bên về Các Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ và các vấn đề cụ thể liên quan đến doanh nghiệp và nhân quyền;

- Tham gia và thúc đẩy các tổ chức, mạng lưới làm việc về chủ đề doanh nghiệp và nhân quyền, chẳng hạn như Mạng lưới Thoả ước toàn cầu;

- Giám sát các hoạt động của doanh nghiệp về tác động nhân quyền, thực hiện hoạt động xác minh các tình huống vi phạm quyền con người liên quan đến doanh nghiệp;

- Thực hiện việc xác định các vấn đề doanh nghiệp và nhân quyền, và xây dựng kế hoạch hành động để giải quyết các rủi ro cơ bản;

- Giáo dục nhân quyền cho người dân - chủ thể của quyền - để tăng cường kiến thức, hiểu biết của họ về khuôn khổ, cơ chế và tham gia vào quy trình thẩm định và các hoạt động liên quan (đánh giá tác động, giám sát, báo cáo...)<sup>1</sup>

## **9. Cơ quan nhân quyền quốc gia có thể làm gì để thúc đẩy các cơ chế khắc phục đối với vi phạm quyền con người do doanh nghiệp gây nên?**

Với vai trò là một cơ quan ngoài hệ thống tư pháp, các cơ quan nhân quyền quốc gia có thể cấu thành cơ chế ngoài tư pháp đã được đề cập đến trong Các Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ và Tuyên bố Edinburgh. Cơ quan này có thể sử dụng các chức năng giải quyết khiếu nại, điều tra và hòa giải của mình. Ở phạm vi rộng hơn, cơ quan nhân quyền quốc gia có thể thúc đẩy hiệu quả của cả cơ chế tư pháp và ngoài

---

<sup>1</sup> Xem: *Business and Human Rights: A Guidebook for National Human Rights Institutions*, ICC, 2013, trang 54-55.

tư pháp đối với các vi phạm nhân quyền liên quan đến doanh nghiệp. Các cơ quan này có thể:

- Xác minh và tư vấn cho nhà nước về việc giải quyết các cản trở khi tiếp cận cơ quan tư pháp;

- Hỗ trợ sự tiếp cận, tư vấn cho các nạn nhân của các vi phạm nhân quyền liên quan đến doanh nghiệp về phương thức tiếp cận cơ chế trong nước và ở nước ngoài;

- Khuyến khích, thực hiện các hoạt động giáo dục, đào tạo cho các luật gia, nhân viên tư pháp về tiếp cận cơ chế tư pháp cho các vi phạm nhân quyền liên quan đến doanh nghiệp;

- Đối thoại với nhà nước, cơ quan tư pháp, luật gia về các chủ đề liên quan đến cơ chế tư pháp, chẳng hạn như việc áp dụng pháp luật liên quan đến vi phạm nhân quyền của các doanh nghiệp bên ngoài lãnh thổ quốc gia;

- Hỗ trợ việc giải quyết các khiếu nại của cơ quan nhà nước thông qua việc chia sẻ thông tin về các vụ việc và các phương thức giải quyết tranh chấp;

- Xây dựng các tài liệu hướng dẫn cho doanh nghiệp về phát triển và áp dụng các cơ chế giải quyết khiếu nại cấp dự án;

- Áp dụng các chức năng giải quyết, điều tra khiếu nại và hòa giải đối với các vụ việc về doanh nghiệp và nhân quyền;

- Hỗ trợ các nạn nhân của các vi phạm nhân quyền liên quan đến doanh nghiệp tiếp cận các cơ chế ngoài tư pháp sẵn có bằng việc thông tin, giáo dục, hướng dẫn.<sup>1</sup>

## **10. Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người là gì?**

Kế hoạch hành động quốc gia là các chính sách chiến lược của nhà nước đề ra các định hướng và các hoạt động cụ thể để giải quyết một vấn đề chính sách. Trong lĩnh vực doanh nghiệp và quyền con người, Nhóm công tác LHQ về quyền con người và doanh nghiệp xác định: Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người là một chính sách chiến lược được nhà nước xây dựng để bảo vệ chống lại các tác động tiêu cực đối với nhân quyền do doanh nghiệp gây nên, phù hợp với Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người. Năm 2016, nhóm Công tác đã giới thiệu một bản chỉ dẫn về Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người.<sup>2</sup>

---

<sup>1</sup> Xem thêm: *Business and Human Rights: A Guidebook for National Human Rights Institutions*, ICC, 2013, trang 66-67.

<sup>2</sup> Chỉ dẫn có tại trang web của Nhóm làm việc trên trang nhà của Văn phòng Cao ủy Nhân quyền LHQ <http://www.ohchr.org/EN/Issues/Business/Pages/WGHRandtransnationalcorporationsandotherbusiness.aspx>, truy cập ngày 2/8/2017.

Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người nên được soạn thảo độc lập. Tuy nhiên, Kế hoạch này cũng có thể được lồng ghép trong các chiến lược lớn của nhà nước, chẳng hạn như kế hoạch hành động quốc gia về quyền con người, hay chiến lược chung thúc đẩy CSR.

Ở khu vực châu Á, trong năm 2017, Indonesia là quốc gia đầu tiên ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người.

## **11. Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người có vai trò gì?**

Theo Nhóm công tác LHQ về quyền con người và doanh nghiệp, Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người có thể mang lại một số giá trị sau:

- Sự hợp tác và thông suốt giữa các cơ quan nhà nước về phạm vi chính sách công liên quan đến doanh nghiệp và nhân quyền;
- Một tiến trình toàn diện để xác định các ưu tiên của quốc gia, các giải pháp chính sách và các hoạt động cụ thể;
- Sự minh bạch và khả năng có thể dự đoán đối với các chủ thể trong nước và quốc tế có quan tâm;
- Một tiến trình giám sát và đánh giá liên tục đối với việc thực thi;

- Một diễn đàn cho sự đối thoại liên tục với sự tham gia của nhiều chủ thể;
- Một diễn đàn linh hoạt hỗ trợ hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm và các bài học.

## **12. Chu trình của một kế hoạch hành động quốc gia thường bao gồm các giai đoạn nào?**

Chu trình của một kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền con người thường bao gồm năm giai đoạn, mỗi giai đoạn lại gồm có các bước cụ thể. Các giai đoạn này là:

- Khởi động: gồm các bước để thu hút sự quan tâm, cam kết của nhà nước về chủ đề; hình thành kênh đối thoại giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức xã hội dân sự...; xây dựng kế hoạch làm việc, tìm kiếm thu xếp các nguồn lực tham gia;

- Đánh giá và tham vấn: xây dựng các ưu tiên của việc thực thi Các Nguyên tắc Hướng dẫn trong bối cảnh quốc gia; tìm hiểu về các ảnh hưởng tiêu cực, xác định khoảng cách thực thi của nhà nước, doanh nghiệp với chuẩn mực nêu trong Các Nguyên tắc Hướng dẫn;

- Soạn thảo: dự thảo sơ bộ Kế hoạch, tham vấn về dự thảo với các chủ thể liên quan; điều chỉnh, hoàn thiện Kế



hoạch, việc tổ chức công bố Kế hoạch có thể là một sự kiện có giá trị truyền thông quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức về chủ đề

- Thực thi: triển khai các hoạt động đã được xác định trong kế hoạch; hợp tác với các cơ quan, ngành liên quan; thiết lập nhóm giám sát việc thực thi Kế hoạch;

- Cập nhật: đánh giá tác động của Kế hoạch, xác định những khoảng trống cần hoàn thiện; tổ chức tham vấn các bên liên quan về hành động giải quyết các khoảng trống, xác định các ưu tiên chính sách; dự thảo sửa đổi, tham vấn và công bố Kế hoạch được sửa đổi.



Một nghiên cứu về chủ đề doanh nghiệp và nhân quyền trong khu vực ASEAN của HRRC, năm 2013; Hội thảo thúc đẩy việc thực thi Các Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ tại Thái Lan, với sự tham gia của thủ tướng Prayut Chanocha, hoạt động nằm trong tuần lễ Doanh nghiệp và nhân quyền (31/5 - 8/6/2017) (NNT).

### **13. Nhà nước có các nghĩa vụ chung nào liên quan đến các cơ chế bảo vệ quyền?**

Quyền có cơ chế bảo vệ quyền là một quyền con người cơ bản mà các nhà nước có nghĩa vụ phải bảo đảm. Điều 8 Tuyên ngôn Nhân quyền Phổ quát đã quy định rằng mọi người đều có quyền được các tòa án quốc gia có thẩm quyền bảo vệ bằng các cơ chế tài phán hữu hiệu để chống lại những hành vi vi phạm các quyền cơ bản của họ. Cụ thể hơn, Khoản 3, Điều 2 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) quy định rằng các quốc gia bảo đảm rằng bất cứ người nào bị xâm phạm các quyền và tự do đều nhận được các biện pháp khắc phục hiệu quả; bất kỳ người nào có yêu cầu về các biện pháp khắc phục sẽ được các cơ quan tư pháp, hành pháp hoặc lập pháp có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào khác có thẩm quyền do hệ thống pháp luật của quốc gia quy định, xác định quyền lợi cho họ; các cơ quan có thẩm quyền sẽ thi hành các biện pháp khắc phục đã được đề ra.

Theo Nguyên tắc 25 của Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người, để bảo vệ chống lại sự vi phạm các quyền con người liên quan đến kinh doanh, các nhà nước phải có các biện pháp tư pháp, hành chính, lập pháp hoặc các phương tiện thích hợp khác, để khi các vi

phạm xảy ra trong phạm vi lãnh thổ hoặc quyền tài phán của mình thì những người chịu ảnh hưởng có thể tiếp cận cơ chế khắc phục, bồi thường hiệu quả.

#### **14. Có những loại cơ chế nào để khắc phục, bồi thường các vi phạm nhân quyền do doanh nghiệp gây nên?**

Có nhiều loại cơ chế chế tài, bồi thường, khắc phục đối với các vi phạm quyền con người và cách phân loại chúng. Có thể chia thành các cơ chế của nhà nước hoặc cơ chế ngoài nhà nước; cơ chế tư pháp (tòa án) hoặc cơ chế ngoài tư pháp (không phải do tòa án thực hiện)... Nhìn chung, liên quan đến các xung đột mà một bên là doanh nghiệp, việc đối thoại, hòa giải nhiều bên thường được coi là cách lý tưởng giúp giải quyết thấu đáo, triệt để các vi phạm hoặc tranh chấp giữa các bên.

Theo Các Nguyên tắc Hướng dẫn, có ba nhóm các cơ chế khắc phục chính là:

- Cơ chế tư pháp của nhà nước;
- Cơ chế ngoài tư pháp của nhà nước;
- Cơ chế ngoài tư pháp của doanh nghiệp, hiệp hội và các tổ chức xã hội khác.

## **15. Các cơ chế tư pháp có vai trò gì trong việc khắc phục, bồi thường các vi phạm nhân quyền do doanh nghiệp gây nên?**

Tại mọi quốc gia, cơ chế tư pháp, với trung tâm là tòa án, có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm công bằng, bảo vệ các quyền con người, bồi thường cho các nạn nhân bị xâm phạm quyền và áp dụng chế tài đối với kẻ vi phạm.

Theo Nguyên tắc 26 của Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người, nhà nước nên tiến hành các bước thích hợp để đảm bảo hiệu quả của các cơ chế tư pháp trong nước khi giải quyết các vi phạm nhân quyền liên quan đến doanh nghiệp, bao gồm xem xét giảm các rào cản pháp lý, thực tiễn và các rào cản liên quan khác có thể dẫn đến việc từ chối tiếp cận với biện pháp khắc phục.

Một số rào cản đối với cơ chế tư pháp thường gặp là:

- Khó quy trách nhiệm giữa các doanh nghiệp thành viên trong một tập đoàn: vì công ty mẹ và các công ty con là các pháp nhân độc lập, nhiều khi có thể khó quy trách nhiệm cho công ty mẹ về các vi phạm nhân quyền bởi công ty con. Trong khi đó, lại khó buộc công ty con chịu trách nhiệm khi nó hoạt động ở những nước mà nền tư pháp thiếu độc lập, tham nhũng hoặc thiếu năng lực.

- Thủ tục chậm và kéo dài: Khi tòa án thiếu nguồn lực, việc trì hoãn các thủ tục trở thành một rào cản đối với tiếp cận công lý. Hơn thế nữa, các thủ tục liên quan đến quan hệ giữa doanh nghiệp và nhân quyền thường kéo dài nhiều năm, khiến cho nạn nhân bị chậm trễ đáng kể để nhận bồi thường.

- Tham nhũng, áp lực kinh tế và chính trị: Cả các cơ quan nhà nước và giới kinh doanh có thể có hành vi tham nhũng, gây áp lực chính trị đối với nguyên đơn, luật sư, công tố viên và thẩm phán liên quan đến việc xét xử về nhân quyền và doanh nghiệp.

- Chi phí cao: Tại nhiều quốc gia, các thủ tục tư pháp thường tốn kém, án phí, chi phí cho luật sư cao, gây khó khăn cho sự tiếp cận của các nạn nhân bị vi phạm quyền bởi giới doanh nghiệp.<sup>1</sup>

## **16. Các cơ chế ngoài hệ thống tư pháp có vai trò gì trong việc khắc phục, bồi thường các vi phạm nhân quyền do doanh nghiệp gây nên?**

Các cơ chế “ngoài tư pháp” hay là “không có tính tư pháp” (*non-judicial mechanisms*) có thể được thực hiện bởi một

---

<sup>1</sup> Xem thêm: *Business and Human Rights: A Guidebook for National Human Rights Institutions*, ICC, 2013, tr. 60-61.

cơ quan nhà nước mà không phải là tòa án (như Cơ quan nhân quyền quốc gia, Trọng tài...) hoặc bởi một chủ thể ngoài nhà nước như các tổ chức hiệp hội.

Về các cơ chế ngoài tư pháp của nhà nước, Nguyên tắc 27 của Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người khuyến nghị các nhà nước nên cung cấp các cơ chế khắc phục ngoài tư pháp hiệu quả và thích hợp. Cơ chế này cùng với các cơ chế tư pháp hợp thành một hệ thống toàn diện của nhà nước để khắc phục các vi phạm nhân quyền liên quan đến kinh doanh.

Về các cơ chế ngoài nhà nước, Nguyên tắc 28, 29 và 30 của Các Nguyên tắc Hướng dẫn khuyến nghị:

- Các nhà nước nên xem xét các phương thức để tạo điều kiện tiếp cận cơ chế giải quyết khiếu nại có hiệu quả, ngoài nhà nước giải quyết các thiệt hại về nhân quyền liên quan đến kinh doanh;

- Để có thể giải quyết khiếu nại sớm và khắc phục trực tiếp, các doanh nghiệp nên thành lập hoặc tham gia vào các cơ chế giải quyết khiếu nại có hiệu quả cho các cá nhân và cộng đồng có thể bị ảnh hưởng xấu;

- Ngành công nghiệp, các bên liên quan và các sáng kiến hợp tác khác dựa trên sự tôn trọng các tiêu chuẩn liên quan đến quyền con người cần đảm bảo rằng các cơ chế khiếu nại hiệu quả có sẵn.

## **17. Để đánh giá hiệu quả của cơ chế khắc phục ngoài tư pháp có thể căn cứ vào các tiêu chí nào?**

Theo Nguyên tắc 31 của Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người, các cơ chế khắc phục ngoài tư pháp, của nhà nước và ngoài nhà nước, cần đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Tính chính đáng: tạo sự tin tưởng từ các bên liên quan cho những mục đích sử dụng chúng và chịu trách nhiệm thực hiện công bằng các thủ tục khiếu nại;

b) Khả năng tiếp cận: được mọi người biết đến với tất cả các nhóm có liên quan về mục đích sử dụng chúng, và hỗ trợ đầy đủ cho những người có thể phải đối mặt với những rào cản cụ thể trong việc tiếp cận;

c) Có thể dự đoán được: cung cấp một quy trình rõ ràng và được biết đến với khung thời gian cho mỗi giai đoạn và rõ ràng về các loại quy trình và kết quả sẵn có và phương tiện giám sát việc thực hiện;

d) Công bằng: tìm cách đảm bảo rằng các bên bị vi phạm có quyền tiếp cận hợp lý các nguồn thông tin, tư vấn và chuyên môn cần thiết để tham gia vào quá trình khiếu nại về các điều khoản công bằng, được thông báo và tôn trọng;

e) Minh bạch: cung cấp đầy đủ thông tin cho các bên tham gia khiếu nại về sự tiến triển và cung cấp đầy đủ thông

tin về hoạt động của cơ chế để tạo sự tin tưởng về hiệu quả và đáp ứng bất kỳ lợi ích công cộng nào;

f) Tương thích về quyền: đảm bảo các kết quả và biện pháp khắc phục phù hợp với các quyền con người được quốc tế công nhận;

g) Một nguồn học tập liên tục: rút ra các biện pháp thích hợp để xác định các bài học nhằm cải thiện cơ chế và ngăn ngừa những bất bình và những bất lợi trong tương lai;

h) Dựa trên sự tham gia và đối thoại: tư vấn cho các nhóm, các bên liên quan về việc sử dụng chúng nhằm mục đích thiết kế và thực hiện, và tập trung vào đối thoại như là phương tiện và giải quyết những bất bình.

## **18. Tham nhũng đặt ra những thách thức gì đối với lĩnh vực doanh nghiệp và quyền con người?**

Tham nhũng là những hành động lạm dụng chức vụ để làm giàu bất chính hoặc bất hợp pháp cho bản thân hoặc những người thân cận của các nhân viên ở cả khu vực công hoặc tư, hoặc để tạo cơ hội cho những kẻ khác làm như vậy (định nghĩa của Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB). Tham nhũng có mối liên hệ chặt chẽ với quản trị tốt, bảo đảm minh bạch, trách nhiệm giải trình và việc thực thi các quyền con người.



Tại nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là tại các nước đang phát triển, việc các doanh nghiệp đưa hối lộ cho các công chức nhà nước để được hưởng các đặc quyền, thậm chí là để đồng lõa với hành vi vi phạm pháp luật, là tương đối phổ biến. Điều này thường có các tác động tiêu cực đến nhiều quyền con người.

Một số ảnh hưởng tiêu cực đối với các quyền con người liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp thường thể hiện là:

- Công chức, cơ quan nhà nước đồng lõa, móc ngoặc với các doanh nghiệp để có các hành vi trục lợi, gây tổn hại cho cộng đồng, gây ra sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp, làm tổn hại đến quyền tự do kinh doanh và môi trường kinh doanh của quốc gia;

- Công chức, cơ quan nhà nước im lặng trước sự vi phạm của các doanh nghiệp, không phản ứng, hoặc phản ứng chậm trễ khi có sự khiếu nại của người dân về các vi phạm của doanh nghiệp;

- Cơ chế giải quyết tranh chấp thiên lệch, không khách quan, không bảo vệ quyền của các nạn nhân...

## **CHƯƠNG IV**

# **TRÁCH NHIỆM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA DOANH NGHIỆP**

## **1. Trách nhiệm tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp là gì?**

Hướng dẫn của LHQ về doanh nghiệp và quyền con người nêu rõ trách nhiệm của doanh nghiệp là phải “tôn trọng” quyền con người.

Trách nhiệm tôn trọng quyền con người được hiểu là trách nhiệm kiểm chế và kiểm soát các hoạt động của mình để không gây ra hoặc góp phần gây ra vi phạm quyền con người và trong trường hợp có vi phạm xảy ra, cần có biện pháp khắc phục tác động tiêu cực đến nhân quyền do mình gây ra. Tiếp đó, doanh nghiệp cần chủ động để ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến nhân quyền có liên quan đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ, các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp, kể cả khi doanh nghiệp không trực tiếp gây nên các tác động đó.<sup>1</sup>

Trách nhiệm tôn trọng quyền con người là một chuẩn mực toàn cầu, đòi hỏi mọi loại hình doanh nghiệp phải tuân thủ, bất kể ở địa bàn hoạt động nào. Trách nhiệm này tồn tại độc lập với khả năng và sự sẵn sàng của nhà nước nhằm

---

<sup>1</sup> Xem Nguyên tắc hướng dẫn về doanh nghiệp và nhân quyền của LHQ 2011.

thực hiện nghĩa vụ của quốc gia về quyền con người và không làm ảnh hưởng hay giảm nhẹ nghĩa vụ của nhà nước.

## **2. Doanh nghiệp cần tôn trọng quyền con người bằng cách nào?**

Có nhiều cách để doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm tôn trọng quyền con người. Doanh nghiệp có thể thực hiện tôn trọng quyền con người bằng việc tuân thủ hiến pháp, pháp luật quốc gia, các quy định của pháp luật quốc tế hay thậm chí thông qua các sáng kiến mang tính tự nguyện. Trách nhiệm tôn trọng nhân quyền của doanh nghiệp đã được LHQ, ILO, OECD và các cam kết tự nguyện của doanh nghiệp ghi nhận. Cụ thể, doanh nghiệp cần tôn trọng các quyền được ghi nhận các văn kiện quốc tế cơ bản về nhân quyền như: Tuyên ngôn Nhân quyền Phổ quát 1948, Công ước về các Quyền dân sự và chính trị, Công ước về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966, Tuyên bố của ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản ở nơi làm việc, cùng nhiều các văn kiện chuyên biệt về quyền con người khác.

Để thực hiện trách nhiệm tôn trọng quyền con người, doanh nghiệp cần thực hiện một số biện pháp cụ thể sau:

- Đưa ra tuyên bố chính sách về quyền con người;

- Thực hiện được việc rà soát về quyền con người (*human rights due diligence process*);

- Thực hiện các biện pháp khắc phục khi hoạt động của doanh nghiệp gây nên tác động tiêu cực, vi phạm nhân quyền.

### **3. Tuyên bố chính sách về quyền con người là gì?**

Bước quan trọng đầu tiên để thực hiện việc tôn trọng quyền con người, doanh nghiệp cần thông qua một bản tuyên bố về mặt chính sách (Cam kết chính sách). Bản tuyên bố này thể hiện cam kết của doanh nghiệp đối với nghĩa vụ tôn trọng nhân quyền và được công bố công khai. Nguyên tắc 16 của Các Nguyên tắc hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người đã đưa ra một số yêu cầu cụ thể về nội dung của bản tuyên bố này. Cụ thể, tuyên bố về nhân quyền của doanh nghiệp cần đảm bảo các yếu tố sau:

- Được phê duyệt ở cấp cao nhất của doanh nghiệp;

- Được thông báo bởi bộ phận chuyên môn trong nội bộ và/hoặc bên ngoài doanh nghiệp;

- Là văn bản đưa ra những mong đợi của doanh nghiệp về quyền con người đối với người lao động, đối tác kinh doanh và các bên có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp;

- Được công khai và thông báo đến tất cả nhân viên, đối tác kinh doanh và các bên có liên quan khác trong và ngoài doanh nghiệp;

- Được đưa vào trong các chính sách hoạt động và thủ tục cần thiết nhằm áp dụng trong toàn bộ doanh nghiệp.

Hiện nay, đã có hàng trăm doanh nghiệp đưa ra được tuyên bố chính sách về nhân quyền.<sup>1</sup> Cam kết chính sách về nhân quyền có thể dưới hình thức là một bản tuyên bố riêng nhưng cũng có thể được lồng ghép vào các chính sách, quy định hiện hành của doanh nghiệp hoặc được đưa vào bộ quy tắc hành nghề của doanh nghiệp.

#### **4. Rà soát quyền con người của doanh nghiệp là gì?**

Rà soát (với sự cẩn trọng thích đáng) về quyền con người (*human rights due diligence*) là một quá trình quản lý rủi ro mà doanh nghiệp cần xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu và chịu trách nhiệm giải quyết các tác động tiêu cực về nhân quyền do doanh nghiệp và các đối tác, chuỗi cung ứng của mình gây nên trong quá trình vận hành, sản xuất. Nguyên tắc 17

---

<sup>1</sup> Business and Human rights resource Centre, *Company policy statements on human rights*: <https://business-humanrights.org/en/company-policy-statements-on-human-rights> (truy cập ngày 15/8/2017).

của Các Nguyên tắc Hướng dẫn nêu rõ quá trình rà soát nhân quyền cần bao gồm một số yếu tố sau:

- Tiến hành đánh giá tác động của hoạt động của doanh nghiệp (đánh giá rủi ro) đến nhân quyền (bao gồm cả tác động thực tế và tác động tiềm ẩn) (Xem nội dung đánh giá tác động tại câu hỏi đáp số 5 dưới đây);

- Trên cơ sở các phát hiện mà đánh giá đưa ra để có các biện pháp giải quyết phù hợp và lồng ghép các biện pháp này vào vào chính sách và hoạt động của doanh nghiệp;

- Luôn theo dõi, giám sát tính hiệu quả của các biện pháp đã và đang thực hiện để ngăn ngừa và giảm tác động tiêu cực về nhân quyền;

- Cần cung cấp thông tin rộng rãi, đặc biệt là thông tin cho các nhóm, đối tượng bị ảnh hưởng về quá trình doanh nghiệp thực hiện rà soát nhân quyền và các kết quả đạt được.

- Cuối cùng, rà soát nhân quyền là một quá trình liên tục. Rủi ro về quyền con người có thể thay đổi theo thời gian khi các hoạt động kinh doanh và bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp thay đổi.

## **5. Đánh giá tác động về quyền con người là gì?**

Bước quan trọng đầu tiên để thực hiện rà soát về quyền con người là nhằm xác định và đánh giá các tác động, rủi ro về

quyền con người mà doanh nghiệp có thể liên quan. Mục đích của đánh giá này là để hiểu được các tác động nhân quyền đến từng nhóm đối tượng trong từng bối cảnh hoạt động cụ thể, nhờ đó đưa ra cung cấp thông tin, khuyến nghị cho các bước tiếp theo của quá trình rà soát nhân quyền.

Theo Nguyên tắc 18 của Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và nhân quyền, đánh giá tác động nhân quyền cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cần phải do các chuyên gia nhân quyền (có thể là chuyên gia độc lập và/hoặc chuyên gia nội bộ) tiến hành;

- Cần có sự tham vấn với các bên liên quan, đặc biệt là chủ thể quyền các bên bị ảnh hưởng hoặc có nguy cơ bị ảnh hưởng;

- Đảm bảo nhạy cảm giới và đặc biệt lưu ý đến tác động nhân quyền đối với các nhóm dễ bị tổn thương và nhóm bị gạt ra bên lề;

- Bảo đảm tính định kỳ của đánh giá tác động nhân quyền để phù hợp với sự thay đổi của về môi trường kinh doanh cũng như những thay đổi về chiến lược, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (ví dụ gia nhập thị trường mới, ra mắt sản phẩm mới, thay đổi chính sách hoặc về chiến lược kinh doanh).

Thông thường đánh giá tác động nhân quyền sẽ xem xét các nội dung cụ thể như: bối cảnh nhân quyền; xác định



những người có thể bị ảnh hưởng; tập hợp các vấn đề và tiêu chuẩn nhân quyền liên quan; và xem xét các mối quan hệ hợp tác kinh doanh có tác động bất lợi đến quyền con người đối với những đối tượng đã được xác định. Đánh giá tác động nhân quyền có thể kết hợp hoặc lồng ghép vào các đánh giá khác như đánh giá quản lý rủi ro của doanh nghiệp hoặc đánh giá tác động môi trường và xã hội.

Doanh nghiệp có thể tham khảo một số công cụ sau đây khi tiến hành đánh giá tác động quyền con người:<sup>1</sup>

1. “Đánh giá việc tuân thủ nhân quyền” (*Human Rights Compliance Assessment*);<sup>2</sup>

2. “Hướng dẫn về đánh giá và quản lý tác động nhân quyền” (*Guide to Human Rights Impact Assessment and Management*);<sup>3</sup>

3. “Hướng đến nhân quyền - Công cụ hướng dẫn về đánh giá tác động nhân quyền của doanh nghiệp” (*Aim for*

---

<sup>1</sup> Tham khảo: *Business and human rights guidebook*. tr. 44.

<sup>2</sup> Viện Nhân quyền Đan Mạch. Tài liệu có tại địa chỉ:

<https://hrca2.humanrightsbusiness.org>.

<sup>3</sup> IFC, Hiệp ước toàn cầu và Diễn đàn lãnh đạo doanh nghiệp, 2010, tài liệu có tại địa chỉ:

[https://www.unglobalcompact.org/docs/issues\\_doc/human\\_rights/GuidetoHRIAM.pdf](https://www.unglobalcompact.org/docs/issues_doc/human_rights/GuidetoHRIAM.pdf).

*Human Rights - Guide to Corporate Human Rights Impact Assessment Tools*);<sup>1</sup>

4. “Làm điều đúng: Hướng dẫn đánh giá tác động nhân quyền” (*Getting it Right: Human Rights Impact Assessment Guide*);<sup>2</sup>

5. “Đánh giá tác động nhân quyền - Giải quyết các vấn đề cơ bản có tính phương pháp” (*Human rights impact assessment - resolving key methodological questions*).<sup>3</sup>

## **6. Doanh nghiệp cần làm gì để đưa kết quả của đánh giá tác động quyền con người vào chính sách, quy trình, hoạt động của doanh nghiệp?**

Sau khi tiến hành đánh giá tác động quyền con người, doanh nghiệp cần làm bước tiếp theo của chu trình rà soát nhân quyền là xem xét điều chỉnh, sửa đổi chính sách, thực tiễn của hoạt động của doanh nghiệp để đảm bảo việc tôn trọng các chuẩn mực nhân quyền để lồng ghép các kết quả

---

<sup>1</sup> Olga Lenzen and Marina d’Engelbronner, 2009.

<sup>2</sup> Tổ chức Quyền và dân chủ (Rights and Democracy), tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.gaportal.org/resources/detail/getting-it-right-human-rights-impact-assessment-guide>.

<sup>3</sup> Báo cáo của Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký LHQ về nhân quyền, các doanh nghiệp đa quốc gia và các doanh nghiệp khác (A/HRC/4/74, 2007). Tài liệu có tại địa chỉ: <https://business-humanrights.org/sites/default/files/reports-and-materials/Ruggie-report-human-rights-impact-assessments-5-Feb-2007.pdf>.

của đánh giá vào chính sách, quy trình hoạt động của doanh nghiệp để ngăn ngừa rủi ro tác động nhân quyền và giải quyết những tác động đã xảy ra. Việc điều chỉnh, sửa đổi này được thực hiện ở hai cấp độ: Đối với các tác động tiềm ẩn thì doanh nghiệp cần có hoạt động ngăn ngừa, với những tác động đã xảy ra thì cần đưa ra biện pháp để khắc phục. Việc điều chỉnh, sửa đổi chính sách, hoạt động của doanh nghiệp cần được thực hiện ở nhiều mảng hoạt động khác nhau bao gồm cả hoạt động với các quan hệ bên ngoài và các phòng, ban nội bộ của doanh nghiệp. Tham khảo bảng dưới đây về rủi ro nhân quyền theo từng đơn vị chức năng:

<b>Ví dụ về các rủi ro vi phạm nhân quyền theo các đơn vị chức năng trong một doanh nghiệp<sup>1</sup></b>	
Bộ phận nhân sự	Doanh nghiệp có thể có chính sách, quy định về tuyển dụng gây phân biệt đối xử (về tuổi tác, giới tính, chủng tộc, v.v...) Doanh nghiệp có thể không trả lương thoả đáng cho người lao động.
Bộ phận bảo vệ, an ninh	Nhân viên an ninh không được đào tạo về việc sử dụng vũ lực phù hợp.

---

<sup>1</sup> Xem: Nora Götzmann and Claire Methven O’Brie, *Business and human rights a guidebook for national human rights institution*, International Coordinating Committee of National Human Rights Institutions (ICC) and Danish Institute for Human Rights (DIHR), 2013, tr. 45.

DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

	Lực lượng an ninh được bố trí để bảo vệ tài sản của doanh nghiệp có thể bất giữ trái pháp luật người dân địa phương trong một số trường hợp.
Bộ phận an toàn lao động, y tế	Doanh nghiệp có thể không trang bị đủ thiết bị an toàn cho người lao động. Doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước ở địa bàn sản xuất, kinh doanh.
Bộ phận quan hệ với cộng đồng địa phương	Việc tham vấn với cộng đồng địa phương có thể chỉ thực hiện với các trưởng bản, trưởng thôn (chủ yếu là nam giới) mà bỏ qua phụ nữ, trẻ em. Doanh nghiệp không có cơ chế bồi thường thiệt hại.
Bộ phận quan hệ với chính quyền	Không có hướng dẫn, văn bản quy định về mối quan hệ giữa cán bộ của doanh nghiệp và cán bộ của chính quyền, dẫn đến nguy cơ hối lộ, tham nhũng. Doanh nghiệp tham gia vận động chính sách, dẫn tới những tác động tiêu cực đến quyền con người.
Bộ phận kinh doanh	Việc thực hiện các thủ tục cấp phép sản xuất kinh doanh, các đánh giá rủi ro về môi trường chính trị, phát triển không tính đến rủi ro về nhân quyền.
Bộ phận mua bán	Doanh nghiệp không đưa các tiêu chuẩn nhân quyền và lao động vào hợp đồng kinh doanh với các nhà cung cấp và không giám sát việc tuân thủ nhân quyền của các nhà thầu, nhà cung cấp.

Để thực hiện được việc điều chỉnh chính sách, hoạt động của doanh nghiệp theo hướng tương thích với chuẩn mực nhân quyền thì doanh nghiệp chuẩn cần bị về mặt nhân sự, nếu cần phải tuyển dụng hoặc đào tạo nhân sự có hiểu biết về nhân quyền, đặc biệt cần cung cấp kiến thức về nhân quyền cho lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng phải dành một phần tài chính, nguồn lực phù hợp để tiến hành các hoạt động rà soát, giám sát và quản lý tác động nhân quyền một cách thường xuyên.

Theo Nguyên tắc 19 của Nguyên tắc hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người thì doanh nghiệp cần tiến hành các biện pháp cụ thể sau để giải quyết tác động nhân quyền:

- Đối với các tác động hay vi phạm quyền con người *do chính doanh nghiệp gây ra*, doanh nghiệp cần ngay lập tức chấm dứt và ngăn ngừa sự vi phạm này, đồng thời cần trực tiếp hoặc phối hợp với các bên liên quan để đưa ra biện pháp khắc phục hậu quả;

- Đối với các tác động hay vi phạm mà *doanh nghiệp có góp phần gây ra hoặc đồng lõa*, doanh nghiệp cần có biện pháp cần thiết để chấm dứt và ngăn ngừa sự tham gia của mình cũng như cần dùng sự ảnh hưởng của mình để giảm thiểu các tác động tiêu cực về nhân quyền ở mức cao nhất có thể;

- Đối với các tác động hay vi phạm có liên quan đến chuỗi hoạt động, sản phẩm và dịch vụ thông qua quan hệ kinh doanh thì doanh nghiệp cũng cần sử dụng ảnh hưởng của mình để chấm dứt, ngăn ngừa sự tác động đó.

Lưu ý rằng, mặc dù doanh nghiệp cần giải quyết mọi tác động nhân quyền, nhưng trong một số trường hợp, doanh nghiệp có thể ưu tiên lựa chọn giải quyết trước một số vấn đề nhân quyền có tính nghiêm trọng hơn, nhất là trong trường hợp nếu trì hoãn giải quyết thì có thể gây hậu quả nặng nề.

## **7. Doanh nghiệp có trách nhiệm gì để giải quyết các vi phạm về quyền con người do mình gây nên?**

Trong trường hợp doanh nghiệp là bên trực tiếp gây nên vi phạm nhân quyền hoặc góp phần gây nên tác động tiêu cực về nhân quyền thì doanh nghiệp đó cần chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy trình, thủ tục pháp luật. Nếu việc vi phạm là nghiêm trọng, việc khắc phục có thể phải thông qua các cơ chế tư pháp (theo quy định của pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia). Doanh nghiệp cũng có thể phải giải quyết việc vi phạm thông qua đối thoại, hòa giải, trọng tài hoặc các cơ chế không có tính tư pháp khác. Ví dụ, doanh nghiệp có thể phải xin lỗi, hoàn trả,

phục hồi, bồi thường về vật chất, tinh thần, chịu trách nhiệm hình sự hoặc hành chính, cam kết không tái phạm, xử phạt các vi phạm do mình gây nên.

## **8. Doanh nghiệp cần làm gì khi hoạt động ở các quốc gia mà hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật ở quốc gia đó không tương thích với luật quốc tế quyền con người?**

Về cơ bản, hệ thống pháp luật của các quốc gia đều hướng đến việc tương thích và phù hợp với pháp luật nhân quyền quốc tế. Khi các chuẩn mực quốc tế được pháp điển hóa vào hiến pháp, pháp luật trong nước thì việc tôn trọng các chuẩn mực đó là ràng buộc pháp lý đối với các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, ở một số quốc gia, hệ thống pháp luật và thực tiễn trong nước có thể không tương thích với chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Thông thường có hai trường hợp có thể xảy ra: 1) Luật quốc gia chưa ghi nhận, pháp điển hóa một số chuẩn mực nhân quyền; 2) Các quy định hiện hành của luật quốc gia xung đột với luật nhân quyền quốc tế hoặc không được thực hiện trong thực tế. Chẳng hạn, hệ thống pháp luật, tập tục truyền thống của một số quốc gia có thể vẫn tồn tại các quy định gây phân biệt đối xử với phụ nữ trong lao động, trong thừa

kế tài sản, hay hệ thống pháp luật trong nước chưa ghi nhận quyền về môi trường.

Trong cả hai trường hợp trên, doanh nghiệp cần vượt ra ngoài các quy định của luật quốc gia để tôn trọng các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền trong mọi bối cảnh. Thậm chí trong trường hợp ở địa bàn doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh đã diễn ra nhiều vi phạm nhân quyền nghiêm trọng, doanh nghiệp có thể xem xét để chấm dứt hoạt động.

## **9. Doanh nghiệp vừa và nhỏ có phải chịu trách nhiệm tôn trọng quyền con người khác với các doanh nghiệp đa quốc gia hay không?**

Trách nhiệm tôn trọng nhân quyền là những yêu cầu thiết yếu cơ bản đối với mọi loại hình doanh nghiệp bất kể quy mô, loại hình, ngành nghề hay địa bàn sản xuất, kinh doanh nào. Quan niệm cho rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì không có điều kiện để tuân thủ các tiêu chuẩn nhân quyền và ít gây nên tác động tiêu cực đến nhân quyền là không phù hợp.

Các loại hình và quy mô doanh nghiệp khác nhau có thể yêu cầu các cách tiếp cận khác nhau đối với trách nhiệm nhân quyền. Các doanh nghiệp lớn sẽ có nhiều mối quan hệ, đối tác kinh doanh hơn. Doanh nghiệp đa quốc gia có chuỗi



cung ứng và đối tác đa dạng và phức tạp hơn, nên quá trình ra quyết định, vận hành hệ thống cũng phức tạp hơn. Trách nhiệm tôn trọng nhân quyền, do vậy, cũng cần được đảm bảo một cách toàn diện, đa dạng hơn. Ngược lại, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có quy mô, hình thức hoạt động, bộ máy vận hành đơn giản hơn, số lượng người lao động ít hơn nên việc rà soát, đánh giá tác động nhân quyền có thể được thực hiện theo hình thức gọn nhẹ hơn. Mặc dù vậy, nhóm doanh nghiệp này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro vi phạm nhân quyền, đặc biệt là những vi phạm liên quan đến lao động trẻ em hay điều kiện làm việc.



Tòa nhà Rana Plaza 8 tầng (tại Dhaka, Bangladesh), nơi hàng ngàn công nhân dệt may làm việc, bị sụp đổ vào ngày 24/4/2013 khiến hơn 1.100 người chết, chủ công ty đã bỏ qua những cảnh báo trước đó về những vết rạn nứt của tòa nhà; năm 2015, các thân nhân tiếp tục mang ảnh người thân bị chết, mất tích đi đòi bồi thường (A.M. Ahad / AP).

## **10. Chuỗi cung ứng có tác động như thế nào đến quyền con người?**

Do tác động của toàn cầu hóa, các doanh nghiệp ngày càng có cơ hội mở rộng phạm vi hoạt động của mình ra ngoài biên giới quốc gia với các chi nhánh, chuỗi cung ứng ở khắp nơi trên thế giới. Ngày nay, các chuỗi cung ứng của doanh nghiệp ngày càng đa dạng, phức tạp và nhiều chủ thể tham gia (nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà bán lẻ, nhà cung cấp nguyên vật liệu, nhà cung cấp tài chính...), do đó chúng cũng có thể gây nên nhiều rủi ro về nhân quyền.

Các Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ ghi nhận rằng doanh nghiệp có thể gây nên tác động tiêu cực đến nhân quyền không chỉ trong các hoạt động của chính doanh nghiệp, mà còn cả trong các mối quan hệ kinh doanh của mình. Khái niệm “quan hệ kinh doanh” bao gồm mối quan hệ với đối tác kinh doanh, các chủ thể trong chuỗi cung ứng và các thiết chế nhà nước, phi nhà nước có liên quan hệ dịch vụ, sản xuất, vận hành doanh nghiệp.

Trước đây, việc thực hiện trách nhiệm nhân quyền của chuỗi cung ứng chủ yếu dừng lại ở quyền lao động do công ty sở tại yêu cầu. Hiện nay một số vấn đề nhân quyền khác liên quan đến chuỗi cung ứng cũng được quan

tâm như quyền về sức khoẻ và môi trường hay vấn đề hối lộ và tham nhũng.

## **11. Doanh nghiệp có tác động như thế nào đến quyền của các nhóm dễ bị tổn thương?**

Nhóm dễ bị tổn thương nhằm để chỉ các nhóm xã hội có vị thế bất lợi về chính trị, xã hội hoặc kinh tế, dẫn đến tình trạng bị phân biệt đối xử, bị bạo lực, gặp khó khăn về kinh tế, do đó có nguy cơ bị tổn thương về quyền cao hơn. Đây là những nhóm thường gặp khó khăn trong cuộc sống, thiếu cơ hội phát triển, cơ hội tiếp cận công lý và dịch vụ xã hội, như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người di cư, người khuyết tật và các nhóm khác. Họ phải chịu nhiều rủi ro hơn từ những tác động tiêu cực do hoạt động của doanh nghiệp. Để đảm bảo việc tôn trọng quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, doanh nghiệp cần tuân thủ nguyên tắc không phân biệt đối xử. Đặc biệt, Các Nguyên tắc hướng dẫn của LHQ khẳng định tầm quan trọng của việc xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực tình dục ở khu vực có xung đột.

Để thực hiện trách nhiệm tôn trọng quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý đến tác động nhân quyền đối với các cá nhân, các nhóm bị gạt ra bên lề và có tính dễ bị tổn thương cao. Nói cách khác, doanh

ng nghiệp cần có sự quan tâm đặc biệt đến các nhóm này bằng cách thông qua các tuyên bố, quy định riêng.

## **12. Doanh nghiệp có vai trò gì đối với việc bảo đảm quyền trẻ em?**

Trẻ em liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp với tư cách là chủ thể quyền, đồng thời là người tiêu dùng, người lao động hay là thành viên trong gia đình của người lao động. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng tất cả các quyền của trẻ em và giải quyết các nguy cơ gây tác động đến trẻ em. Chẳng hạn, doanh nghiệp cần có biện pháp để không sử dụng lao động trẻ em và ngăn ngừa tình trạng buôn bán, bóc lột trẻ em, có các quy định về thời gian làm việc phù hợp cho người lao động đang có trách nhiệm chăm sóc trẻ em để không ảnh hưởng đến quyền được chăm sóc, vui chơi hoặc học tập của con họ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các đối tác liên quan có thể gây ảnh hưởng đến một số quyền cụ thể như: quyền sức khỏe, quyền môi trường, quyền lao động, quyền giáo dục, quyền không bị phân biệt đối xử, v.v... Chẳng hạn, doanh nghiệp có thể quảng cáo, bán các sản phẩm gây tổn hại đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của trẻ. Trẻ em cũng dễ bị ảnh hưởng hơn với các

tổn hại về sức khoẻ thể chất và tinh thần do ô nhiễm môi trường gây nên.

Văn kiện quốc tế quan trọng nhất về quyền trẻ em là Công ước quyền trẻ em (CRC, 1989) và các nghị định thư tùy chọn của công ước này. Công ước quyền trẻ được ghi nhận là công cụ pháp lý toàn diện và đầy đủ nhất về bảo vệ quyền trẻ em trên các lĩnh vực quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và dân sự, chính trị. Công ước đề cập bốn nguyên tắc cơ bản là: lấy lợi ích tốt nhất cho trẻ làm mục tiêu ưu tiên hàng đầu; không phân biệt đối xử; đảm bảo sự sống còn và phát triển của trẻ ở mức tối đa; đảm bảo quyền được tham gia của trẻ. Các nguyên tắc này được áp dụng cho cả khối tư nhân như doanh nghiệp Năm 2013, Ủy ban Quyền trẻ em đã thông qua Khuyến nghị chung số 16 về Nghĩa vụ quốc gia đối với tác động của doanh nghiệp đến quyền trẻ em.<sup>1</sup> Quỹ Nhi đồng LHQ, Mạng lưới Thỏa ước Toàn cầu và Tổ chức cứu trợ trẻ em đã cùng thông qua hướng dẫn về “*Quyền trẻ em và nguyên tắc kinh doanh*” vào năm 2013 để thúc đẩy các doanh nghiệp tôn trọng và hỗ trợ trẻ em ở nơi làm việc, thị trường và cộng đồng.<sup>2</sup> Năm 2014, UNICEF cũng đã thông qua bộ công cụ “*Trẻ em là trách nhiệm của mọi người: Sổ tay 2.0 - Hướng*

---

<sup>1</sup> Xem Khuyến nghị này trong Phụ lục 5.

<sup>2</sup> Đã có bản tiếng Việt do UNICEF tại Việt Nam ấn hành.

*dẫn lòng ghép quyền trẻ em vào chính sách, đánh giá tác động và báo cáo bền vững.”<sup>1</sup>* Ngoài ra, LHQ và các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ cũng đã có nhiều sáng kiến để bảo đảm quyền trẻ em theo từng lĩnh vực, từng nội dung quyền cụ thể.

### **13. Doanh nghiệp vai trò gì đối với vấn đề lao động trẻ em?**

Lao động trẻ em là một hình thức vi phạm nhân quyền nghiêm trọng nhưng vẫn tồn tại ở nhiều quốc gia. Ước tính trên thế giới có khoảng 150 triệu lao động trẻ em, hơn một nửa trong số đó phải tham gia các hoạt động lao động nặng nhọc.<sup>2</sup> Ở nhiều nước, đặc biệt là các quốc gia kém phát triển, trẻ em là nạn nhân của nhiều hình thức lao động tồi tệ nhất như nô lệ, bóc lột tình dục, lao động trong môi trường độc hại.

Bản Hướng dẫn về quyền trẻ em và nguyên tắc kinh doanh năm 2013 của UNICEF nêu rõ doanh nghiệp không được tuyển trẻ em để làm các công việc gây tổn hại và nguy

---

<sup>1</sup> Xem bộ công cụ này tại địa chỉ:

[https://www.unicef.org/csr/css/Workbook\\_2.0\\_Second\\_Edition\\_29092014\\_LR.pdf](https://www.unicef.org/csr/css/Workbook_2.0_Second_Edition_29092014_LR.pdf).

<sup>2</sup> UNICEF, Childlabour, <https://data.unicef.org/topic/child-protection/child-labour/#>

hiểm về thể chất, xã hội, tinh thần hay những công việc gây ảnh hưởng đến việc học hành, sự phát triển của trẻ.

Một số văn kiện pháp lý về vấn đề lao động trẻ em mà doanh nghiệp cần tham chiếu bao gồm: Công ước 182 của ILO về các hình thức lao động tồi tệ nhất; Công ước 138 của ILO về tuổi lao động tối thiểu; Nghị định thư của Công ước quyền trẻ em về buôn bán, mại dâm và khiêu dâm trẻ em; Nghị định thư của Công ước quyền trẻ em về trẻ em trong xung đột vũ trang. Các văn kiện này đặt ra nghĩa vụ cho quốc gia và cả doanh nghiệp đảm bảo việc xóa bỏ lao động trẻ em.

#### **14. Doanh nghiệp có vai trò gì đối với việc bảo đảm quyền phụ nữ?**

Hệ thống pháp luật quốc tế và của các quốc gia đều khẳng định trách nhiệm của mọi tổ chức trong việc xóa bỏ phân biệt đối xử, đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ trên các lĩnh vực. Doanh nghiệp có thể gây ảnh hưởng đến quyền phụ nữ ở nhiều góc độ khác nhau liên quan đến sự tham gia, bị phân biệt đối xử trong việc quá trình tuyển dụng, trả lương, thăng tiến ở nơi làm việc, bị hạn chế về cơ hội giáo dục, đào tạo, phát triển chuyên môn, cơ hội tiếp cận với dịch vụ y tế, đặc biệt là các dịch vụ liên quan đến sức khỏe sinh

sản. Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW, 1979) là điều ước quốc tế cơ bản đưa ra các quy định kêu gọi quốc gia và các bên liên quan cần có biện pháp phù hợp để xóa bỏ mọi rào cản đối với việc ghi nhận quyền con người của phụ nữ.

Lồng ghép giới và quyền bình đẳng cho phụ nữ là nội dung được đề cập nhiều lần trong Các Nguyên tắc Hướng dẫn về doanh nghiệp và nhân quyền của LHQ. Nguyên tắc số 3 và số 7 của tài liệu này khẳng định để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ, các quốc gia cần lưu ý đưa ra hướng dẫn về giới, đặc biệt là vấn đề bạo lực trên cơ sở giới khi hỗ trợ cho doanh nghiệp tôn trọng quyền con người. Để thực hiện nghĩa vụ tôn trọng, khi thực hiện rà soát nhân quyền, cần lưu ý đến phân tích rủi ro về giới (Nguyên tắc số 18 và 20), coi giới như là một chỉ số quan trọng trong chiến lược quản lý rủi ro của doanh nghiệp.

## **15. Doanh nghiệp có vai trò gì đối với việc bảo đảm quyền của các nhóm thiểu số?**

Nhóm thiểu số có thể được hiểu theo nghĩa rộng là nhóm có số lượng ít so với nhóm đa số sinh sống cùng lãnh thổ; hoặc là những nhóm do những đặc điểm tự nhiên, xã hội nên trở thành nhóm yếu thế trong xã hội. Trong luật



quốc tế về quyền con người, nhóm thiểu số chủ yếu đề cập thiểu số về dân tộc, sắc tộc, ngôn ngữ, và tôn giáo. Người bản địa (*indigenous people*) cũng được coi là một nhóm thiểu số dễ bị tổn thương về quyền.

Cho đến nay, LHQ vẫn chưa xây dựng được văn kiện pháp lý chuyên biệt có tính ràng buộc nào để bảo vệ người thiểu số. Tuy nhiên, cũng đã có một số văn kiện có liên quan đến vấn đề này như Tuyên bố về quyền của người thiểu số về dân tộc, sắc tộc, tôn giáo và ngôn ngữ 1992, Tuyên bố về quyền của người bản địa 2007. Ngoài ra, ILO đã thông qua Công ước số 169 về người bản địa và các bộ tộc, 1989.

Hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành khai khoáng, dầu khí, khai thác rừng, thủy điện, đánh bắt hải sản, nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng có thể có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền của các nhóm này. Do vậy, doanh nghiệp cần ghi nhận sự tồn tại của các nhóm dân tộc thiểu số, hay bản địa, cần hạn chế việc vi phạm quyền về đất đai, và quyền tiếp cận các tài nguyên thiên nhiên của các nhóm này. Khi có hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp cần tiến hành các đánh giá tác động về môi trường, xã hội và có biện pháp khắc phục tác động tiêu cực về nhân quyền đối với những hoạt động này.

## **16. Doanh nghiệp có tác động như thế nào đến quyền về đất đai?**

Hoạt động của các doanh nghiệp có liên quan đến việc sử dụng đất đai có thể ảnh hưởng đến các quyền sử dụng đất đai của nhiều cá nhân và cộng đồng. Xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế, mở rộng kinh doanh, nhiều khu vực đất đai bị nhà nước thu hồi cho các dự án dẫn tới tình trạng di dời dân cư của các cộng đồng. Quá trình này có thể gây ảnh hưởng đến quyền về đất đai và các quyền liên quan. Các rủi ro về nhân quyền mà doanh nghiệp có thể gây ảnh hưởng cho dân cư ở các khu vực bị ảnh hưởng bao gồm:

- Doanh nghiệp mua đất đai ở những quốc gia, địa phương mà luật về đất đai chưa có quy định rõ ràng về sở hữu tài sản dẫn đến tình trạng người dân bị thu hồi đất mà không được đền bù thoả đáng;

- Chính phủ có thể cho doanh nghiệp thuê những vùng đất vốn là nguồn sống chính của người dân sở tại;

- Doanh nghiệp không đưa ra mức bồi thường thoả đáng cho người dân đối với đất đai đã bị thu hồi;

- Doanh nghiệp thực hiện sản xuất kinh doanh ở khu vực có di sản văn hóa dẫn tới tình trạng hạn chế sự tiếp cận các di sản này;

- Doanh nghiệp không tiến hành tham vấn cộng đồng khi thu hồi đất.

Để khắc phục những rủi ro này, doanh nghiệp cần có cam kết mạnh mẽ để thực hiện các quy định quốc tế về trách nhiệm của doanh nghiệp trong các hướng dẫn của các tổ chức phi chính phủ, của LHQ và của chính các doanh nghiệp.

## **17. Doanh nghiệp có tác động như thế nào đến quyền lao động và điều kiện làm việc?**

Các quyền về lao động, quyền có điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi là nhóm quyền liên quan trực tiếp nhất đến hoạt động của doanh nghiệp nên có nguy cơ bị xâm phạm cao hơn. Sự kỳ thị và phân biệt đối xử ở nơi làm việc do doanh nghiệp gây nên sẽ dẫn đến việc vi phạm hàng loạt quyền con người.

So với các quyền khác, các chuẩn mực về quyền lao động được ghi nhận khá đầy đủ trong luật quốc tế về quyền con người. ILO, tổ chức quốc tế chuyên trách về quyền của người lao động, đã thông qua rất nhiều công ước đề cập những vấn đề quan trọng liên quan đến quyền ở nơi làm việc như tự do hội họp, bảo vệ sức khỏe, an toàn, chế độ lương, thời gian làm việc, tình trạng nô lệ hiện đại. Có thể kể đến một số công

ước quan trọng của ILO như: Công ước số 87 về tự do hội họp, 1948; Công ước số 98 về quyền tổ chức và thương lượng tập thể, 1949; Công ước số 105 về xóa bỏ lao động cưỡng bức 1930; Công ước số 138 về tuổi lao động tối thiểu, 1973; Công ước số 100 về trả lương công bằng, 1951; Công ước số 111 về phân biệt đối xử.

Các vi phạm mà doanh nghiệp có thể gây nên liên quan đến quyền lao động bao gồm tình trạng trả lương không thoả đáng, không đảm bảo giờ nghỉ giữa ca và thời gian làm việc tối đa một ngày; người lao động không được gia nhập công đoàn; doanh nghiệp có chính sách không tuyển dụng một nhóm đối tượng cụ thể vì lý do tuổi tác, sắc tộc, tôn giáo, tình trạng khuyết tật, không tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn lao động.

## **18. Doanh nghiệp có trách nhiệm gì đối với vấn đề bảo vệ quyền về môi trường?**

Phát triển bền vững nhằm bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ cho cả thế hệ hiện tại và tương lai là mục tiêu chung của cộng đồng quốc tế hiện nay. Phát triển trên cơ sở bảo vệ môi trường bền vững cũng được coi là một nội dung cơ bản của trách nhiệm xã hội và trách nhiệm về nhân quyền của doanh nghiệp.

Một mặt, doanh nghiệp được coi là đối tượng chính gây nên ô nhiễm môi trường. Nhiều thảm họa về môi trường lớn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người của nhiều cộng đồng dân cư đều là hậu quả của hoạt động khai thác, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Chẳng hạn, các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp, năng lượng (đốt nguyên liệu hóa thạch, sản xuất xi măng) là thủ phạm gây nên tình trạng phát thải khí nhà kính, nguyên nhân của biến đổi khí hậu. Mặt khác, các tác động tiêu cực của vấn đề môi trường như ô nhiễm nguồn nước, không khí, tình trạng xâm nhập mặn, mất cân bằng sinh thái, tình trạng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu gây nên đều gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc mất ổn định cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp, cơ sở hạ tầng, làm gia tăng tính dễ bị tổn thương của lực lượng lao động.

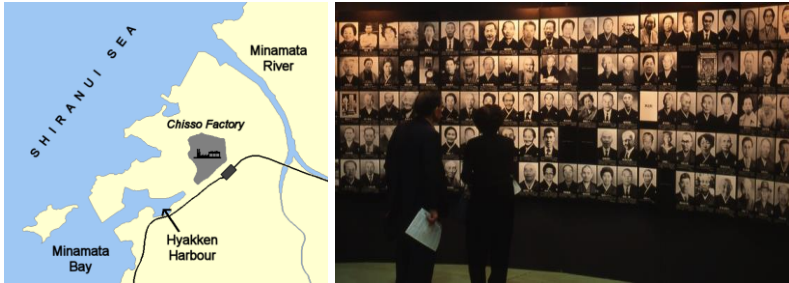
Khi doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, nhiều quyền con người sẽ bị ảnh hưởng một cách trực tiếp và gián tiếp. Chẳng hạn, khi doanh nghiệp xả thải với các hóa chất độc hại vào nguồn nước thì sẽ gây nên tình trạng ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt cho cả một cộng đồng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền về sức khỏe, quyền được tiếp cận nước sạch.

Hiện nay, trách nhiệm tôn trọng quyền con người liên quan đến vấn đề môi trường của doanh nghiệp đã được quy định trong nhiều văn kiện quốc tế như: Tuyên bố Stockholm

về môi trường (1972); Tuyên bố Rio về môi trường và phát triển (1992); Công ước khung về biến đổi khí hậu (1992) và Nghị định thư Tokyo (1997)... Gần đây, trong Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu năm 2015, ngoài các nội dung kêu gọi cam kết hành động giữa các chính phủ, Hiệp định cũng nhấn mạnh đến vai trò của khối tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp. Cụ thể, phần V của Hiệp định kêu gọi nỗ lực của khối tư nhân bao gồm doanh nghiệp, nhà đầu tư cùng tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu, cùng có hành động cụ thể góp phần giảm khí thải và/hoặc làm tăng khả năng thích ứng, giảm tính dễ bị tổn thương với các tác động của biến đổi khí hậu. Nhiều điều khoản trong các văn bản quốc tế này có thể áp dụng đối với trách nhiệm nhân quyền liên quan đến môi trường của doanh nghiệp.

Quyền bảo vệ môi trường cũng đã được quy định trong hiến pháp, pháp luật của nhiều quốc gia. Hiện nay, trên thế giới, nhiều quốc gia ghi nhận quyền về môi trường là một quyền hiến định. Theo đó, doanh nghiệp được coi là một chủ thể pháp lý đối với trách nhiệm bảo vệ môi trường. Pháp luật của nhiều quốc gia hiện nay cũng quy định doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường, xã hội để dự đoán, đánh giá và giảm nhẹ tác động đến môi trường và con người đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp.

## Trách nhiệm về quyền con người của doanh nghiệp



“Bệnh Minamata” là tên gọi một loại bệnh lạ do nhiễm chì đổ ra biển từ nhà máy hóa chất của Công ty Chisso tại Minamata, Nhật Bản, được phát hiện vào năm 1956, đã khiến hàng ngàn người chết hoặc nhiễm bệnh; khách tham quan xem ảnh các nạn nhân của bệnh Minamata tại một triển lãm tổ chức tại Tokyo năm 1996 (Timothy S. George).

**CHƯƠNG V**

**DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở  
VIỆT NAM**



## **1. Sự quan tâm và nhận thức về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với quyền con người ở Việt Nam hiện nay như thế nào?**

Cùng với tiến trình đổi mới từ năm 1986 và sự phát triển của nền kinh tế thị trường, số lượng doanh nghiệp tại Việt Nam gia tăng nhanh chóng.<sup>1</sup> Doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam ngày càng đóng góp nhiều hơn vào nền kinh tế quốc dân, cũng như góp phần cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Khoảng một thập niên gần đây, bên cạnh các chủ đề như “đạo đức kinh doanh”, “trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp” được xã hội và giới doanh nhân quan tâm nhiều hơn. Trong nhiều năm qua, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã phối hợp với một số cơ quan, tổ chức phát động và trao “Giải thưởng Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp” hàng năm. Phòng thương mại, thương vụ của một số quốc gia như Hoa Kỳ (AmCham), Hàn Quốc

---

<sup>1</sup> Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến quý II /2017, cả nước có khoảng 612.000 doanh nghiệp đang hoạt động (*Thời báo Tài chính Việt Nam*, 15/5/2017).

(KOTRA), gần đây cũng tổ chức đánh giá, trao giải Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Một số tổ chức phi chính phủ đã cùng nhau thành lập Mạng lưới Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), biên soạn, phổ biến các tài liệu về chủ đề này. Trong khu vực ASEAN cũng có Mạng lưới CSR ASEAN, mạng lưới này thường phối hợp với Ban Thư ký ASEAN, các cơ quan liên quan tổ chức hội thảo về chủ đề. Một số doanh nghiệp Việt Nam đã bắt đầu chủ động công bố báo cáo trách nhiệm xã hội doanh nghiệp của đơn vị mình.

Mặc dù Việt Nam đã gia nhập nhiều điều ước quốc tế về quyền con người (bảy trong số chín công ước căn bản về nhân quyền) và về lao động (21 công ước của ILO), doanh nghiệp và quyền con người vẫn là một chủ đề được quan tâm muộn hơn so với lĩnh vực trách nhiệm xã hội. Sự quan tâm chủ yếu đến từ giới nghiên cứu, giáo dục và một số tổ chức phi chính phủ. Một số hội thảo về chủ đề doanh nghiệp và quyền con người đã được tổ chức, chẳng hạn như Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (VASS) đã phối hợp với Trung tâm Nhân quyền Na Uy tổ chức Hội thảo quốc tế “Kinh doanh và quyền con người” vào tháng 6/2013. Cũng tại Hà Nội, tháng 11/2014, Hội thảo ASEM về nhân quyền lần thứ 14 đã được tổ chức với chủ đề “Quyền con người và kinh doanh” (Human Rights and Business).

Trong bối cảnh đó, cần có sự quan tâm nhiều hơn từ các cơ quan nhà nước để tăng cường nhận thức của xã hội, giới doanh nhân, cũng như để hoàn thiện hơn khuôn khổ pháp lý, thể chế ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các quyền con người.

## **2. Các doanh nghiệp Việt Nam phải tuân thủ các quy định pháp lý nào về tôn trọng, bảo vệ các quyền con người?**

Là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, các doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, cũng như các điều ước quốc tế về lao động và quyền con người mà Việt Nam là thành viên, bao gồm các nguyên tắc chung và các quy định cụ thể liên quan đến các quyền chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa.

Từ khá sớm, khi bắt đầu hình thành nên ngành luật kinh doanh (trước đây thường được gọi là luật kinh tế), pháp luật Việt Nam đã quy định một số nghĩa vụ của doanh nghiệp về các quyền căn bản. Chẳng hạn như trong Luật Công ty (1990) và Luật Doanh nghiệp tư nhân (1990) có những quy định về việc bảo đảm quyền lợi của người lao động, tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa... Luật

Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1987) cũng có các quy định về việc doanh nghiệp phải bảo đảm bảo hiểm xã hội cho công nhân (Điều 31), bảo vệ môi trường (Điều 34)...

Luật Doanh nghiệp hiện hành (năm 2014) mặc dù chưa đề cập một cách đầy đủ, nhưng cũng đã tiến bộ hơn, nêu lên một số nghĩa vụ chính của doanh nghiệp đối với một số quyền con người. Cụ thể, tại Điều 8, về nghĩa vụ của doanh nghiệp, Luật yêu cầu doanh nghiệp phải “bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật...” (khoản 4); doanh nghiệp cũng phải “tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh” (khoản 8) và “thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng” (khoản 9).

Ở các lĩnh vực cụ thể, nhiều luật chuyên ngành đã chi tiết hóa các nghĩa vụ trên, cũng như bổ sung nhiều nghĩa vụ khác mà doanh nghiệp phải thực thi (như về lao động, môi trường, tài nguyên, thu hồi đất, bảo vệ quyền của người tiêu

dùng...). Chẳng hạn các quyền căn bản về lao động đã được pháp luật quốc gia quy định trong Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động..., cũng như được xác định trong một số hiệp định thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam đã gia nhập. Trong lĩnh vực bảo vệ quyền của người tiêu dùng, doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Cảnh tranh, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, Luật Quảng cáo...

Tuy nhiên, tồn tại lớn nhất đối với hệ thống pháp luật của Việt Nam là việc thực thi, bao gồm thực thi các quy định đối với doanh nghiệp. Do thiếu các cơ chế chế tài, giám sát hiệu quả và độc lập, năng lực còn nhiều hạn chế của các cơ quan thực thi pháp luật, cộng với những nguyên nhân về văn hóa, xã hội, hiện đang tồn tại khoảng cách lớn giữa những đòi hỏi của luật pháp quốc gia và thực hành trong thực tiễn ở nhiều lĩnh vực.

### **3. Doanh nghiệp Việt Nam vi phạm quyền con người có thể phải gánh chịu các hậu quả pháp lý nào?**

Cả nhà nước và doanh nghiệp đều có trách nhiệm thực hiện các biện pháp tư pháp hoặc ngoài tư pháp, nhằm bảo

đảm bảo nạn nhân của các vi phạm có thể tiếp cận sự bồi thường và khắc phục các vi phạm một cách thỏa đáng.

Pháp luật Việt Nam quy định ba loại trách nhiệm chính đối với các chủ thể vi phạm là: trách nhiệm bồi thường dân sự (theo quy định của Bộ luật Dân sự), trách nhiệm hành chính (theo Luật Xử lý vi phạm hành chính) và trách nhiệm hình sự (theo quy định của Bộ luật Hình sự). Cho đến gần đây, pháp luật Việt Nam chưa có quy định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân. Chỉ đến Bộ luật Hình sự 2015 (có hiệu lực từ 1/1/2018), pháp nhân thương mại có thể là chủ thể tội phạm. Nhưng loại chủ thể này, theo Điều 76 của Bộ luật, chỉ phải chịu trách nhiệm về các tội trong số 31 tội danh thuộc hai nhóm tội phạm về xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và về môi trường.

Cạnh đó, trong một số lĩnh vực cụ thể, một số nguyên tắc về bồi thường được chi tiết hóa. Ví dụ: nguyên tắc “Người gây ô nhiễm phải trả tiền” (Polluter Pays Principle - PP) được quy định tại Điều 4, Luật Bảo vệ môi trường 2014 của Việt Nam.<sup>1</sup> Nguyên tắc này có vai trò quan trọng trong

---

<sup>1</sup> Nguyên tắc này được ghi nhận lần đầu tiên trong văn kiện của OECD năm 1972. Điều 4, Luật Bảo vệ môi trường 2014 Việt Nam quy định: “7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thành phần môi trường, được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường; 8. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.”

việc đảm bảo sự công bằng trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ môi trường.

#### **4. Hiện nay có những thách thức nào đối với việc thực thi trách nhiệm của doanh nghiệp về quyền con người ở Việt Nam?**

Lĩnh vực doanh nghiệp và quyền con người tại Việt Nam hiện nay đang phải đối diện với nhiều rào cản, thách thức, trong số đó nổi bật là:

- Nhận thức của xã hội, các cơ quan nhà nước và giới kinh doanh về quyền con người và nghĩa vụ của các chủ thể (bao gồm doanh nghiệp) về quyền con người còn tương đối hạn chế;
- Chưa có cơ quan nhân quyền quốc gia, trong khi nhà nước vẫn chưa xác định cơ quan cụ thể nào là đầu mối chịu trách nhiệm về lĩnh vực doanh nghiệp và quyền con người;
- Chế tài đối với các vi phạm chưa đủ nghiêm khắc, cho đến gần đây chưa có quy định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân (dù Bộ luật Hình sự 2015 đã bổ sung quy định về “pháp nhân thương mại” có thể chịu trách nhiệm hình sự về một số tội danh nhất định, nhưng chủ yếu liên quan đến tội phạm trong lĩnh vực kinh tế và môi trường); một số lĩnh vực pháp luật còn có kẽ hở, bất cập

(chẳng hạn quy định về thủ tục đánh giá tác động môi trường vẫn được giao cho chủ đầu tư thực hiện hoặc chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn, điều này không đảm bảo tính khách quan, cũng như không thể hiện được vai trò giám sát của cơ quan bảo vệ môi trường);

- Sự thiếu hụt, tính độc lập, hiệu quả của các cơ chế bảo vệ quyền của người lao động (như hệ thống thanh tra lao động) và quyền con người nói chung, cũng như luật tố tụng còn có những rào cản (như chưa cho phép khởi kiện tập thể ra trước tòa án...) chống lại các vi phạm của doanh nghiệp; văn hóa đối thoại giữa các bên chưa hình thành, các cơ chế hòa giải, đối thoại xã hội chưa được phổ biến;

- Bản thân một số công chức, cơ quan nhà nước chưa thực sự quan tâm, bảo vệ quyền lợi của người dân trong một số trường hợp, chưa trở thành tấm gương cho các doanh nghiệp; môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều rào cản, doanh nghiệp vẫn còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc trong các thủ tục hành chính phiền hà, tốn thời gian, chi phí, làm giảm niềm tin vào cơ quan công quyền;

- Sự thiếu minh bạch thông tin, thiếu cơ chế giám sát hiệu quả và tình trạng tham nhũng dẫn đến sự câu kết vì tư lợi giữa một số công chức và doanh nhân gây tổn hại cho cộng đồng và quyền của người dân;



- Thiếu hụt các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, tổ chức nghiên cứu, giáo dục hoạt động trong lĩnh vực quyền con người nói chung, quyền con người và doanh nghiệp, quyền lao động, quyền của người tiêu dùng, quyền về môi trường... nói riêng; trong một số trường hợp, việc thực thi các quyền ngôn luận, hội họp, lập hội để lên tiếng bảo vệ quyền của người dân còn gặp khó khăn...

## **5. Tình trạng các doanh nghiệp vi phạm quyền con người tại Việt Nam hiện nay đang diễn ra như thế nào?**

Tình trạng vi phạm quyền con người bởi các doanh nghiệp tại Việt Nam có xu hướng gia tăng về số lượng, tính nghiêm trọng và phạm vi ảnh hưởng. Sự vi phạm dưới rất nhiều hình thức, mức độ khác nhau, với những đặc thù nhất định liên quan đến các lĩnh vực kinh tế (như doanh nghiệp gia công, doanh nghiệp dịch vụ...), loại hình doanh nghiệp (như doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân...), nhóm người lao động (nhóm lao động nữ, lao động di cư, người khuyết tật...) hay địa bàn (đô thị, nông thôn, miền núi). Một số lĩnh vực nổi bật có sự vi phạm quyền bởi doanh nghiệp là:

*Thứ nhất*, trong lĩnh vực lao động, phổ biến nhất là tình trạng doanh nghiệp phân biệt đối xử, sử dụng lao động trẻ

em, không bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, thời giờ nghỉ ngơi, mức lương tối thiểu, bảo hiểm xã hội, quyền hoạt động công đoàn của công nhân... Gần đây, một số doanh nghiệp lợi dụng các quy định chưa chặt chẽ của pháp luật để xâm hại quyền của người lao động, như tìm mọi cách để chấm dứt hợp đồng với công nhân đã đến tuổi trung niên (ngoài 35-40) bằng cách chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn, giao kết nhiều hợp đồng lao động ngắn hạn và chấm dứt khi hết hạn, tạo cơ tái cơ cấu hoặc sắp xếp lại sản xuất để chấm dứt hợp đồng lao động, sa thải...<sup>1</sup>

*Thứ hai*, trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường, nhiều doanh nghiệp đã khai thác khoáng sản đã khai thác không theo quy hoạch, làm cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi

---

<sup>1</sup> Một nghiên cứu của Viện Công nhân và Công đoàn (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam) năm 2017 cho thấy tình trạng khá phổ biến là công nhân độ tuổi ngoài 40, đặc biệt là lao động nữ và lao động trong các doanh nghiệp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, rơi vào tình huống phải nghỉ việc vì sức ép năng suất, định mức lao động cao, cường độ lao động căng thẳng, sức khỏe giảm sút... trong khi thu nhập không cao hoặc bấp bênh. Đây là nhóm lao động khó có khả năng tìm việc mới và cạnh tranh với nhóm lao động trẻ. Bình quân độ tuổi của công nhân trong các doanh nghiệp FDI chỉ là 31,2 tuổi, trong đó công nhân trong các doanh nghiệp điện - điện tử là 26,9 tuổi; dệt may giấy da là 29,5 tuổi; chế biến - chế tạo là 30,9 tuổi. Xem: Lê Tuyết, Lan Trần, “Chấm dứt quan hệ lao động của những CNLD trong các doanh nghiệp tại các KCN ở tuổi 38 - 40”, Khảo sát của Viện Công nhân, công đoàn, tại địa chỉ:

<https://laodong.vn/cong-doa/cong-nhan-nghi-huu-o-tuoi-40-597427.blđ>, truy cập ngày 20 tháng 7 2017

trường. Nhiều doanh nghiệp sản xuất cũng đã gây ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống người dân. Điển hình là các vụ việc liên quan đến Công ty Vedan (Đồng Nai) gây ô nhiễm sông Thị Vải bị phát hiện năm 2008, Công ty Nicotex Thanh Thái (Thanh Hóa) chôn giấu hóa chất độc hại bị phát hiện năm 2013, Công ty Formosa (Hà Tĩnh) xả thải ra biển gây ra việc cá chết hàng loạt tại bốn tỉnh ven biển miền Trung trong năm 2016...Thời gian gần đây, tình trạng nhiều công trình thủy điện xả lũ bất ngờ, hoặc các công ty nhiệt điện gây ô nhiễm khói bụi làm ảnh hưởng rất tiêu cực đến đời sống người dân.

*Thứ ba*, liên quan đến đất đai, việc thu hồi đất, di dời nơi ở của người dân để triển khai các dự án đầu tư, đặc biệt là các khu công nghiệp, công trình thủy điện..., đã làm tổn hại đến nhiều quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của người dân. Trong một thời gian dài, đã diễn ra tình trạng các doanh nghiệp thủy điện di dời dân cư, nhưng quan tâm không đầy đủ, thiếu sự tham vấn, tham gia của người dân vào tiến trình lên kế hoạch, xây dựng các khu tái định cư không phù hợp, làm tổn hại đến sinh kế, văn hóa của người dân tại nhiều địa phương, trong đó có rất nhiều nhóm dân tộc thiểu số. Tại nhiều đô thị và vùng đồng bằng, chủ yếu do việc bồi thường của doanh nghiệp quá bất cập, đã có các xung đột bạo lực liên quan đến việc thu hồi đất để triển khai những dự án bất

động sản của doanh nghiệp như tại Văn Giang (Hưng Yên), Dương Nội (Hà Nội).

*Thứ tư*, trong lĩnh vực bảo vệ quyền của người tiêu dùng, một số doanh nghiệp đã có các hành vi quảng cáo sai sự thật, lạm dụng vị thế độc quyền, lạm dụng sự thiếu hiểu biết, thiếu thông tin của người tiêu dùng, không thực hiện các cam kết, hợp đồng đã ký kết... Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương, cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng, những năm gần đây đã tiếp nhận hàng trăm khiếu nại mỗi năm liên quan đến các ngành hàng hóa, dịch vụ khác nhau.<sup>1</sup>

## **6. Nêu một số thực hành tốt về tôn trọng quyền con người của các doanh nghiệp ở Việt Nam?**

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã có ý thức tôn trọng, bảo vệ quyền của người lao động, quyền của khách hàng và

---

<sup>1</sup> Theo thống kê, trong năm 2016, bên cạnh việc tiếp nhận và giải quyết yêu cầu tư vấn, hỗ trợ của người tiêu dùng qua Tổng đài 1800 6838, trong năm 2016, Phòng Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của Cục đã tiếp nhận và xử lý 374 vụ việc khiếu nại bằng văn bản của người tiêu dùng. Trong đó, có những vụ việc nghiêm trọng như vụ việc quảng cáo sai sự thật thông qua hình thức trúng phiếu mua hàng qua điện thoại của Công ty Thái Dương Xanh, vụ việc của Công ty Prevoir.... xem:

[http://www.vca.gov.vn/chitietbvntd.aspx?ID=3534&Cate\\_ID=447](http://www.vca.gov.vn/chitietbvntd.aspx?ID=3534&Cate_ID=447)

thực hiện trách nhiệm với cộng đồng. Nhiều doanh nghiệp đã tạo việc làm cho người khuyết tật, quan tâm đầy đủ đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, nhanh chóng khắc phục các hậu quả tiêu cực đối với cộng đồng dân cư do hoạt động của doanh nghiệp gây ra...

Nhiều công ty con của một số tập đoàn đa quốc gia khi hoạt động tại Việt Nam đã tuân thủ các chuẩn mực về bảo vệ quyền con người, tự nguyện xây dựng các tiêu chí về môi trường làm việc an toàn theo đúng các quy tắc của OECD và pháp luật của quốc gia mà tập đoàn mang quốc tịch. Tập đoàn Unilever thực hiện chiến lược phát triển bền vững toàn cầu, bao gồm tại Việt Nam. Tập đoàn này cam kết hướng tới: giảm một nửa ảnh hưởng của sản phẩm lên môi trường; cải thiện sức khỏe và điều kiện cuộc sống của cộng đồng; sử dụng 100% nguyên liệu thô từ nguồn cung cấp bền vững. Các số liệu được Unilever cung cấp cho thấy giai đoạn từ năm 2012-2016, tập đoàn đã cam kết đầu tư khoảng 54 tỷ đồng/năm cho các mục tiêu về chăm sóc sức khỏe cá nhân và nâng cao chất lượng cuộc sống cho phụ nữ thông qua phát triển kinh doanh và giáo dục sức khỏe.<sup>1</sup>

Một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn về tài chính, về pháp lý, như Pricewaterhouse Coopers, KPMG,

---

<sup>1</sup> Xem thêm các chính sách phát triển xã hội của Unilever tại: <https://www.unilever.com.vn/sustainable-living/>

Baker&McKenzi, Hogan Lovells Cops, đã thực hành các giá trị tôn trọng sự đa dạng thông qua việc thành lập các câu lạc bộ nội bộ trong công ty như: Câu lạc bộ LGBT (Người đồng tính, song tính và chuyển giới), nhóm PridePlus, tham gia tài trợ hoặc tự nguyện đề xuất các hình thức hỗ trợ các chương trình cộng đồng như Viet Pride (chương trình hàng năm tôn vinh sự hiện diện của nhóm LGBT), tập huấn nội bộ về đa dạng tính dục, không phân biệt đối xử, thúc đẩy môi trường làm việc an toàn. Trong lĩnh vực tư vấn pháp lý, một số công ty luật Việt Nam đã tham gia trợ giúp pháp lý cho các nhóm yếu thế như người nghèo, người lao động di cư, nhóm LGBT... Nhiều công ty luật cũng đã tích cực tham gia vào quá trình tham vấn, góp ý kiến sửa đổi các đạo luật, trong đó có các luật quan trọng như Bộ luật Dân sự 2015, Luật Hôn nhân Gia đình 2015...



Lễ trao giải thưởng Trách nhiệm xã hội Doanh nghiệp năm 2012, lần thứ 5, do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức; Lễ trao Giải thưởng Trách nhiệm xã hội Doanh nghiệp cho các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư tại Việt Nam năm 2013, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đại sứ quán Hàn Quốc và cơ quan Xúc tiến thương mại Hàn Quốc (KOTRA) tổ chức (ST).

## **PHỤ LỤC**

## **Phụ lục 1**

# **THỎA ƯỚC TOÀN CẦU CỦA LIÊN HỢP QUỐC**

### **QUYỀN CON NGƯỜI**

Nguyên tắc 1: Các doanh nghiệp cần ủng hộ và tôn trọng việc bảo vệ các quyền con người được quốc tế công nhận; và

Nguyên tắc 2: Bảo đảm rằng họ không đồng loã với các vi phạm quyền con người.

### **LAO ĐỘNG**

Nguyên tắc 3: Các doanh nghiệp nên duy trì quyền tự do hiệp hội và công nhận hiệu quả quyền thương lượng tập thể;

Nguyên tắc 4: Loại bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức và bắt buộc;

Nguyên tắc 5: Bãi bỏ hiệu quả tình trạng lao động trẻ em; và

Nguyên tắc 6: Loại bỏ phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp.



## **MÔI TRƯỜNG**

Nguyên tắc 7: Các doanh nghiệp cần hỗ trợ một cách tiếp cận phòng ngừa đối với các thách thức về môi trường;

Nguyên tắc 8: Thực hiện các sáng kiến để thúc đẩy trách nhiệm môi trường lớn hơn; và

Nguyên tắc 9: Khuyến khích sự phát triển và phổ biến các công nghệ thân thiện với môi trường.

## **CHỐNG THAM NHŨNG**

Nguyên tắc 10: Các doanh nghiệp cần chống lại tham nhũng dưới mọi hình thức, bao gồm tổng tiền và hối lộ.

## **Phụ lục 2**

# **CÁC NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI: THỰC THI KHUÔN KHỔ “BẢO VỆ, TÔN TRỌNG VÀ KHẮC PHỤC” CỦA LIÊN HỢP QUỐC**

### **CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG**

Các Nguyên tắc Hướng dẫn này được xây dựng dựa trên sự công nhận:

- a) Các nghĩa vụ hiện tại của nhà nước phải tôn trọng, bảo vệ và thực hiện đầy đủ các quyền con người và tự do cơ bản;
- b) Vai trò của các doanh nghiệp như là các cơ quan chuyên ngành của xã hội thực hiện chức năng chuyên môn, phải tuân thủ tất cả các luật liên quan và tôn trọng quyền con người;
- c) Nhu cầu để các quyền và nghĩa vụ được kết nối với các cơ chế phù hợp và hiệu quả khi bị vi phạm.

Các Nguyên tắc Hướng dẫn này áp dụng đối với tất cả các quốc gia và cho tất cả các doanh nghiệp, tập đoàn xuyên quốc gia và doanh nghiệp khác, bất kể quy mô, ngành nghề, địa điểm, quyền sở hữu và cấu trúc của chúng.

Các Nguyên tắc Hướng dẫn này nên được hiểu như một tổng thể thống nhất và nên được hiểu, riêng rẽ và tổng thể, với mục tiêu nhằm tăng cường các tiêu chuẩn và thực hành liên quan đến kinh doanh và quyền con người để đạt được kết quả cụ thể cho các cá nhân và cộng đồng bị ảnh hưởng, và do đó cũng góp phần vào tiến trình toàn cầu hóa bền vững về mặt xã hội.

Không có gì trong Các Nguyên tắc Hướng dẫn này được hiểu như là tạo ra nghĩa vụ luật pháp quốc tế mới, hoặc là hạn chế hoặc làm suy giảm bất kỳ nghĩa vụ pháp lý nào mà nhà nước có thể đã thực hiện hoặc chịu sự điều chỉnh theo luật quốc tế liên quan đến quyền con người.

Các Nguyên tắc Hướng dẫn này cần được áp dụng một cách không phân biệt đối xử, với sự quan tâm đặc biệt đến các quyền và nhu cầu, cũng như những thách thức đối mặt, cá nhân từ các nhóm hoặc dân cư có thể có nguy cơ cao trở thành dễ bị tổn thương hoặc thiệt thòi, và với sự quan tâm thích đáng đến các rủi ro khác nhau mà phụ nữ và nam giới có thể đối diện.

## **I. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI**

### **A. CÁC NGUYÊN TẮC NỀN TẢNG**

1. Các quốc gia phải bảo vệ chống lại sự vi phạm các quyền con người trong lãnh thổ và / hoặc quyền tài phán

của họ bởi các bên thứ ba, bao gồm các doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi thực hiện các bước thích hợp để phòng ngừa, điều tra, trừng phạt và khắc phục tình trạng vi phạm như vậy thông qua các chính sách, pháp luật, quy định và xét xử hiệu quả.

2. Nhà nước cần xác định rõ ràng sự mong đợi rằng tất cả các doanh nghiệp có trụ sở trên lãnh thổ và / hoặc quyền tài phán của họ tôn trọng nhân quyền trong mọi hoạt động.

## **B. CÁC NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG**

### **CÁC CHỨC NĂNG CHUNG VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ của mình, các nhà nước nên:

a) Thực thi pháp luật nhắm đến, hoặc có tác dụng, yêu cầu các doanh nghiệp phải tôn trọng nhân quyền, và định kỳ đánh giá sự phù hợp của pháp luật và giải quyết bất kỳ khoảng trống nào;

b) Đảm bảo rằng luật và chính sách chi phối việc thành lập và hoạt động liên tục của doanh nghiệp, chẳng hạn như pháp luật công ty, không làm cản trở mà cho phép giới kinh doanh tôn trọng nhân quyền;

c) Hướng dẫn hiệu quả cho các doanh nghiệp về cách tôn trọng nhân quyền trong mọi hoạt động của họ; và

d) Khuyến khích, và yêu cầu khi thích hợp, các doanh nghiệp thông tin về tình hình họ giải quyết những tác động nhân quyền của mình.

### MỐI QUAN HỆ NHÀ NƯỚC - DOANH NGHIỆP

2. Nhà nước nên thực hiện các bước để bảo vệ chống lại vi phạm nhân quyền bởi các doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát của nhà nước, hoặc nhận hỗ trợ và dịch vụ đáng kể từ cơ quan nhà nước, như là các cơ quan tín dụng xuất khẩu và các cơ quan bảo hiểm đầu tư hoặc bảo lãnh chính thức, bao gồm, khi thích hợp, yêu cầu có sự quan tâm thích đáng đến nhân quyền.

3. Các nhà nước nên thực thi đầy đủ việc giám sát nhằm đáp ứng các nghĩa vụ nhân quyền quốc tế của họ khi họ giao kết hợp đồng với, hoặc xây dựng pháp luật cho, các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ có thể ảnh hưởng tới sự hưởng thụ các quyền con người.

4. Các nhà nước cần thúc đẩy sự tôn trọng nhân quyền bởi các doanh nghiệp mà họ tiến hành giao dịch cùng.

### HỖ TRỢ GIỚI KINH DOANH TÔN TRỌNG NHÂN QUYỀN TẠI CÁC KHU VỰC CHỊU ẢNH HƯỞNG BỞI XUNG ĐỘT

Bởi vì nguy cơ vi phạm nhân quyền nghiêm trọng gia tăng ở các khu vực chịu ảnh hưởng bởi xung đột, nhà nước

nên giúp đảm bảo rằng các doanh nghiệp hoạt động trong những tình huống không liên quan đến những vi phạm như vậy, bao gồm các việc:

a) Tham gia sớm nhất có thể với các doanh nghiệp để giúp họ xác định, ngăn ngừa và giảm thiểu các rủi ro về nhân quyền liên quan đến các hoạt động và mối quan hệ kinh doanh của họ;

b) Cung cấp sự hỗ trợ đầy đủ cho các doanh nghiệp để đánh giá và giải quyết các rủi ro vi phạm cao, đặc biệt chú ý đến cả bạo lực trên cơ sở giới và tình dục;

c) Từ chối tiếp cận sự hỗ trợ và dịch vụ công cho một doanh nghiệp tham gia vào việc vi phạm nhân quyền nghiêm trọng và từ chối hợp tác trong việc giải quyết tình trạng này; và

d) Đảm bảo rằng các chính sách hiện hành, pháp luật, các quy định và biện pháp thực thi có hiệu quả trong việc giải quyết các nguy cơ giới kinh doanh vi phạm nghiêm trọng quyền con người.

## ĐẢM BẢO SỰ NHẤT QUÁN CỦA CHÍNH SÁCH

1. Các nhà nước cần đảm bảo rằng chính phủ, cơ quan, tổ chức nhà nước khác có vai trò định hình hoạt động kinh doanh có nhận thức đầy đủ và tôn trọng các nghĩa vụ nhân quyền của nhà nước khi thực hiện thẩm quyền tương ứng

của họ, bao gồm bằng việc cung cấp cho họ các thông tin, đào tạo và hỗ trợ liên quan.

2. Các nhà nước cần duy trì không gian chính sách trong nước đủ để đáp ứng nghĩa vụ nhân quyền của mình khi theo đuổi mục tiêu chính sách liên quan đến kinh doanh với các nhà nước khác hoặc các doanh nghiệp, ví dụ thông qua hiệp định hoặc hợp đồng đầu tư.

3. Các nhà nước, trong tư cách thành viên của tổ chức đa phương, khi đối diện các vấn đề liên quan đến kinh doanh, nên:

a) Nỗ lực đảm bảo rằng những tổ chức đó không cản trở khả năng của các quốc gia thành viên đáp ứng nhiệm vụ của họ để bảo vệ hay cản trở các doanh nghiệp trong việc tôn trọng các quyền con người;

b) Khuyến khích các tổ chức, trong thẩm quyền và năng lực tương ứng của họ, thúc đẩy sự tôn trọng của giới kinh doanh đối với nhân quyền và, ở đâu có sự yêu cầu, giúp nhà nước đáp ứng nhiệm vụ của họ bảo vệ chống lại sự vi phạm quyền con người của các doanh nghiệp, bao gồm thông qua hỗ trợ kỹ thuật, xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức; và

c) Rút ra từ Các Nguyên tắc Hướng dẫn này sự thúc đẩy hiểu biết chung và thúc đẩy hợp tác quốc tế trong việc quản lý các thách thức giữa kinh doanh và nhân quyền.

## **II. TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TÔN TRỌNG QUYỀN CON NGƯỜI**

### **A. CÁC NGUYÊN TẮC NỀN TẢNG**

1. Các doanh nghiệp cần tôn trọng các quyền con người. Điều này có nghĩa rằng họ phải tránh vi phạm các quyền con người của người khác và phải giải quyết các tác động xấu lên các quyền con người mà họ liên quan.

2. Trách nhiệm của các doanh nghiệp phải tôn trọng nhân quyền dẫn chiếu đến các quyền con người được quốc tế công nhận - được hiểu ở mức tối thiểu là những nội dung đã nêu trong Bộ luật Nhân quyền Quốc tế và các nguyên tắc về các quyền cơ bản được đề ra trong Tuyên bố của ILO về Các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động.

3. Trách nhiệm tôn trọng nhân quyền đòi hỏi các doanh nghiệp:

a) Tránh gây ra hoặc góp phần vào các tác động tiêu cực về nhân quyền thông qua các hoạt động của chính họ, và giải quyết những tác động như vậy khi chúng xảy ra; và

b) Tìm cách ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực về nhân quyền mà trực tiếp liên quan đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ bởi các mối quan hệ kinh doanh của họ, ngay cả khi họ đã không góp phần gây ra những ảnh hưởng đó.



4. Trách nhiệm của các doanh nghiệp phải tôn trọng nhân quyền áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp bất kể quy mô, ngành nghề, bối cảnh hoạt động, quyền sở hữu và cấu trúc của chúng. Tuy nhiên, quy mô và tính phức tạp của các phương tiện qua đó các doanh nghiệp đáp ứng trách nhiệm có thể khác nhau tùy theo những yếu tố này và với mức độ nghiêm trọng của ảnh hưởng bất lợi của doanh nghiệp đến quyền con người.

5. Để đáp ứng trách nhiệm tôn trọng nhân quyền, các doanh nghiệp cần có các chính sách và quy trình thích hợp với quy mô và hoàn cảnh của họ, bao gồm:

- a) Một cam kết chính sách để đáp ứng trách nhiệm phải tôn trọng nhân quyền của mình;
- b) Một quy trình thẩm định thích đáng về nhân quyền để xác định, ngăn chặn, giảm thiểu và thống kê phương thức họ giải quyết những tác động của mình đối với nhân quyền; và
- c) Các quy trình để giải quyết bất kỳ tác động tiêu cực về nhân quyền mà họ gây ra hoặc đóng góp vào.

## **B. CÁC NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG**

### **CAM KẾT CHÍNH SÁCH**

Là cơ sở để khắc ghi trách nhiệm tôn trọng nhân quyền của mình, doanh nghiệp nên thể hiện cam kết đáp ứng yêu cầu trách nhiệm này thông qua một tuyên bố chính sách mà:

- a) Được phê duyệt ở cấp cao nhất của doanh nghiệp;
- b) Được góp ý bởi chuyên gia nội bộ và / hoặc bên ngoài;
- c) Quy định các yêu cầu về nhân quyền của doanh nghiệp đối với nhân viên, đối tác kinh doanh và các bên liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của mình;
- d) Được công khai và phổ biến trong nội bộ và ra ngoài, đến tất cả nhân viên, đối tác kinh doanh và các bên liên quan khác; và
- e) Được phản ánh trong các chính sách và thủ tục hoạt động cần thiết để thấm thấu vào toàn bộ doanh nghiệp.

## RÀ SOÁT VỀ NHÂN QUYỀN

1. Để xác định, ngăn chặn, giảm nhẹ và giải trình về cách thức họ giải quyết các tác động xấu đến nhân quyền, các doanh nghiệp cần thực hiện việc rà soát (cẩn trọng thích đáng) về nhân quyền. Tiến trình này nên bao gồm việc đánh giá các tác động thực tế và tiềm năng về nhân quyền, lồng ghép và hành động dựa trên các phát hiện, theo dõi các kết quả phản hồi, và truyền thông về việc đã giải quyết những tác động như thế nào. Việc rà soát về nhân quyền sẽ:

- a) Phải bao gồm các tác động tiêu cực đến nhân quyền mà doanh nghiệp có thể gây ra hoặc đóng góp thông qua các hoạt động của mình, hoặc có thể liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hay dịch vụ bởi các mối quan hệ kinh doanh;

b) Sẽ thay đổi về sự phức tạp cùng với quy mô của doanh nghiệp, rủi ro của những ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhân quyền, bản chất và bối cảnh của hoạt động của doanh nghiệp; và

c) Cần liên tục, với sự thừa nhận rằng những rủi ro về nhân quyền có thể thay đổi theo thời gian khi các hoạt động của doanh nghiệp và môi trường hoạt động có sự tiến triển.

2. Để đánh giá rủi ro nhân quyền, các doanh nghiệp nên xác định và đánh giá bất kỳ tác động tiêu cực thực tế hoặc có thể có đến quyền con người mà họ có thể liên quan thông qua hoạt động hoặc do các mối quan hệ kinh doanh của họ. Quá trình này cần:

a) Được đúc rút ra từ các chuyên gia về nhân quyền bên trong và / hoặc độc lập bên ngoài; và

b) Có sự tham vấn thực chất với các nhóm có khả năng bị ảnh hưởng và các bên có liên quan phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, tính chất và bối cảnh hoạt động.

3. Để ngăn chặn và giảm nhẹ các tác động bất lợi đến quyền con người, các doanh nghiệp nên tích hợp các kết quả từ đánh giá tác động của họ vào các chức năng và quy trình nội bộ có liên quan, và có hành động thích hợp.

a) Lồng ghép hiệu quả đòi hỏi:

(i) Trách nhiệm giải quyết các tác động đó được phân định đến các cấp độ và chức năng thích hợp trong doanh nghiệp; và

(ii) Các quy trình ra quyết định, phân bổ ngân sách và giám sát nội bộ cho phép phản ứng có hiệu quả đối với các tác động đó.

b) Hành động phù hợp sẽ thay đổi tùy theo việc:

(i) Liệu doanh nghiệp có gây ra hoặc góp phần gây ra những tác động bất lợi, hay liên quan chỉ vì ảnh hưởng có sự liên hệ trực tiếp đến các hoạt động, sản phẩm hay dịch vụ của mình bằng một mối quan hệ kinh doanh; và

(ii) Mức độ đóng góp của doanh nghiệp trong việc giải quyết các tác động bất lợi.

4. Để kiểm chứng tác động tiêu cực đến nhân quyền đang được giải quyết thế nào, các doanh nghiệp cần theo dõi hiệu quả những phản ứng của họ. Việc theo dõi nên:

a) Dựa trên các chỉ số định tính và định lượng thích hợp; và

b) Thu thập ý kiến phản hồi từ cả các nguồn nội bộ lẫn bên ngoài, bao gồm cả các bên liên quan bị ảnh hưởng.

5. Để giải trình về việc mình giải quyết các tác động của nhân quyền như thế nào, doanh nghiệp cần truyền đạt các thông tin này ra bên ngoài, đặc biệt khi sự quan tâm được các bên bị ảnh hưởng hoặc đại diện của họ nêu lên. Các

doanh nghiệp có các hoạt động hoặc do bối cảnh hoạt động có nguy cơ gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng về nhân quyền nên báo cáo chính thức về cách họ giải quyết các vấn đề đó. Trong tất cả các trường hợp, việc truyền thông cần phải:

a) Có hình thức và tần suất phản ánh các tác động về nhân quyền của doanh nghiệp và dễ tiếp cận với các đối tượng hướng đến;

b) Cung cấp thông tin đầy đủ để đánh giá mức độ đáp ứng của doanh nghiệp đối với tác động cụ thể của nhân quyền liên quan; và

c) Đến lượt nó, không gây rủi ro cho các bên liên quan, nhân viên hoặc đối với các yêu cầu chính đáng về bảo mật thương mại.

### KHẮC PHỤC

Trường hợp doanh nghiệp xác định mình gây ra hoặc có những tác động tiêu cực, thì phải cung cấp hoặc hợp tác để khắc phục thông qua các quy trình chính đáng.

### VẤN ĐỀ BỐI CẢNH

Trong mọi hoàn cảnh, các doanh nghiệp cần:

a) Tuân thủ tất cả các luật hiện hành và tôn trọng các quyền con người được quốc tế công nhận, bất kể nơi nào họ hoạt động;

b) Tìm cách để tôn trọng các nguyên tắc của nhân quyền quốc tế được công nhận khi phải đối mặt với các yêu cầu xung đột; và

c) Xử lý nguy cơ gây ra hoặc góp phần vào việc vi phạm nhân quyền nghiêm trọng như là một vấn đề tuân thủ luật pháp bất cứ nơi nào họ hoạt động.

Nếu cần thiết ưu tiên các hành động nhằm giải quyết các tác động bất lợi đến nhân quyền thực tế và có thể xảy ra, trước hết các doanh nghiệp cần tìm cách ngăn chặn và giảm nhẹ những vấn đề nghiêm trọng nhất hoặc những vấn đề nếu phản ứng chậm trễ sẽ làm cho chúng trở nên bất khả thi.

### **III. TIẾP CẬN CƠ CHẾ KHẮC PHỤC**

#### **A. NGUYÊN TẮC NỀN TẢNG**

Nhằm mục đích bảo vệ chống lại sự vi phạm các quyền con người liên quan đến kinh doanh, các nhà nước phải có những biện pháp phù hợp để đảm bảo thông qua các biện pháp tư pháp, hành chính, lập pháp hoặc các phương tiện thích hợp khác, khi các vi phạm như vậy xảy ra trong phạm vi lãnh thổ và/hoặc quyền tài phán của mình, những người chịu ảnh hưởng có thể tiếp cận cơ chế khắc phục hiệu quả.

## **B. CÁC NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG**

### **CÁC CƠ CHẾ TƯ PHÁP CỦA NHÀ NƯỚC**

Các nhà nước nên tiến hành các bước thích hợp để đảm bảo hiệu quả của các cơ chế tư pháp trong nước khi giải quyết các vi phạm nhân quyền liên quan đến kinh doanh, bao gồm xem xét giảm các rào cản pháp lý, thực tiễn và các rào cản liên quan khác có thể dẫn đến việc từ chối tiếp cận với biện pháp khắc phục

### **CÁC CƠ CHẾ KHẮC PHỤC NGOÀI TƯ PHÁP CỦA NHÀ NƯỚC**

Các nhà nước nên cung cấp các cơ chế khắc phục ngoài tư pháp hiệu quả và thích hợp, cùng với các cơ chế tư pháp, như là một phần của một hệ thống toàn diện của nhà nước để khắc phục các vi phạm nhân quyền liên quan đến kinh doanh.

### **CÁC CƠ CHẾ KHẮC PHỤC NGOÀI NHÀ NƯỚC**

Các nhà nước nên xem xét các phương thức để tạo điều kiện tiếp cận cơ chế giải quyết khiếu nại có hiệu quả, ngoài nhà nước để giải quyết các thiệt hại về nhân quyền liên quan đến kinh doanh.

Để có thể giải quyết khiếu nại sớm và khắc phục trực tiếp, các doanh nghiệp nên thành lập hoặc tham gia vào các cơ chế giải quyết khiếu nại có hiệu quả cho các cá nhân và cộng đồng có thể bị ảnh hưởng xấu.

Ngành công nghiệp, các bên liên quan và các sáng kiến hợp tác khác dựa trên sự tôn trọng các tiêu chuẩn liên quan đến quyền con người cần đảm bảo rằng các cơ chế khiếu nại hiệu quả có sẵn.

### CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA CÁC CƠ CHẾ KHẮC PHỤC NGOÀI TƯ PHÁP

Để đảm bảo hiệu quả của chúng, các cơ chế khắc phục ngoài tư pháp, cả của nhà nước và ngoài nhà nước, cần đáp ứng các tiêu chí:

a) Tính chính đáng: tạo sự tin tưởng từ các bên liên quan cho những mục đích sử dụng chúng và chịu trách nhiệm thực hiện công bằng các thủ tục khiếu nại;

b) Khả năng tiếp cận: được mọi người biết đến với tất cả các nhóm có liên quan về mục đích sử dụng chúng, và hỗ trợ đầy đủ cho những người có thể phải đối mặt với những rào cản cụ thể trong việc tiếp cận;

c) Có thể dự đoán được: cung cấp một quy trình rõ ràng và được biết đến với khung thời gian cho mỗi giai đoạn và rõ ràng về các loại quy trình và kết quả sẵn có và phương tiện giám sát việc thực hiện;

d) Công bằng: tìm cách đảm bảo rằng các bên bị vi phạm có quyền tiếp cận hợp lý các nguồn thông tin, tư vấn và chuyên môn cần thiết để tham gia vào quá trình khiếu nại về các điều khoản công bằng, được thông báo và tôn trọng;



e) Minh bạch: cung cấp đầy đủ thông tin cho các bên tham gia khiếu nại về sự tiến triển và cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của cơ chế để tạo sự tin tưởng về hiệu quả và đáp ứng bất kỳ lợi ích công cộng nào;

f) Tương thích về quyền: đảm bảo các kết quả và biện pháp khắc phục phù hợp với các quyền con người được quốc tế công nhận;

g) Một nguồn học tập liên tục: rút ra các biện pháp thích hợp để xác định các bài học để cải thiện cơ chế và ngăn ngừa những bất bình và những bất lợi trong tương lai; và

Các cơ chế ở cấp độ hoạt động cũng cần: h) Dựa trên sự tham gia và đối thoại: tư vấn cho các nhóm, các bên liên quan về việc sử dụng chúng nhằm mục đích thiết kế và thực hiện, và tập trung vào đối thoại như là phương tiện và giải quyết những bất bình.

**Phụ lục 3**  
**MỘT SỐ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG**  
**NHÂN QUYỀN VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN**  
**QUAN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN**  
**CON NGƯỜI**

Kỳ họp	Ngày	Số hiệu	Tên văn kiện
Thứ 35	22/6/2017	A/HRC/RES/35/7	Doanh nghiệp và nhân quyền: Nhiệm vụ của Nhóm công tác về vấn đề nhân quyền và tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác ( <i>Business and human rights: Mandate of the Working Group on the issue of human rights and transnational corporations and other business enterprises</i> )
Thứ 26	27/6/2014	A/HRC/RES/26/22	Nhân quyền và doanh nghiệp xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác ( <i>Human rights and transnational corporations and other business enterprises</i> )
Thứ 21	27/9/2012	A/HRC/RES/21/5	Đóng góp của toàn hệ thống LHQ vì sự tiến bộ của chương trình về doanh nghiệp và nhân quyền và việc phổ biến, thực hiện Các Nguyên tắc hướng dẫn về doanh nghiệp và nhân quyền ( <i>Contribution of the</i>

DOANH NGHIỆP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

<b>Kỳ họp</b>	<b>Ngày</b>	<b>Số hiệu</b>	<b>Tên văn kiện</b>
			<i>United Nations system as a whole to the advancement of the business and human rights agenda and the dissemination and implementation of the Guiding Principles on Business and Human Rights)</i>
Thứ 17	6/7/2011	A/HRC/RES/17/4	Nhân quyền và doanh nghiệp xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác ( <i>Human rights and transnational corporations and other business enterprises</i> )
Thứ 8	18/6/2008	A/HRC/RES/8/7	Nhiệm vụ của Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký về vấn đề nhân quyền và doanh nghiệp xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác ( <i>Mandate of the Special Representative of the Secretary-General on the issue of human rights and transnational corporations and other business enterprises</i> )
Thứ 61	4/20/2005	E/CN.4/RES/2005/69	Nhiệm vụ của Đại diện đặc biệt về nhân quyền và doanh nghiệp xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác ( <i>Human rights and transnational corporations and other business enterprises SRSG mandate</i> )
2005	15/3- 23/4/2004	E/CN.4/2004/127 E/2004/23	Biên bản của Hội đồng kinh tế xã hội, Báo cáo của Tiểu ban về

<b>Kỳ họp</b>	<b>Ngày</b>	<b>Số hiệu</b>	<b>Tên văn kiện</b>
		( chap. XVI)	thúc đẩy và bảo vệ quyền con người ( <i>Economic and Social Council official records, Report of the Sub-Commission on the Promotion and Protection of Human Rights</i> )
Thứ 55	7/8/2003	E/CN.4/Sub.2/2003/L.8	Trách nhiệm nhân quyền của doanh nghiệp xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác ( <i>Responsibilities of transnational corporations and other business enterprises with regard to human rights</i> )
2003	27/3/2003	S/RES/1472(2003)	Nghị quyết số: 1472 (2003)
2003	27/1/2003	S/RES/1459(2003)	Nghị quyết số: 1459 (2003)
2002	3/12/2002	S/RES/1446(2002)	Nghị quyết số: 1446 (2002)

**Phụ lục 4**  
**BÌNH LUẬN CHUNG SỐ 24 VỀ NGHĨA VỤ**  
**CỦA NHÀ NƯỚC THEO CÔNG ƯỚC**  
**QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN KINH TẾ, XÃ**  
**HỘI VÀ VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH**  
**CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**I. GIỚI THIỆU**

1. Các doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, bên cạnh các phương thức khác, bằng cách đóng góp vào việc tạo ra các cơ hội việc làm, và thông qua đầu tư tư nhân, đối với phát triển. Tuy nhiên, Ủy ban đã trình bày thường xuyên về các tình huống trong đó, như là kết quả của sự thất bại của nhà nước để đảm bảo tuân thủ các quyền con người được quốc tế công nhận thuộc thẩm quyền tài phán của mình, hoạt động của các doanh nghiệp ảnh hưởng tiêu cực đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Bình luận chung này nhằm làm rõ các trách nhiệm của nhà nước thành viên Công ước (về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa) trong tình huống như vậy, với mục tiêu nhằm ngăn chặn và giải quyết những

tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh đối với nhân quyền.

2. Trước đây, Ủy ban đã xem xét ảnh hưởng ngày càng tăng của các hoạt động kinh doanh đối với việc thụ hưởng các quyền cụ thể trong Công ước liên quan đến sức khỏe<sup>1</sup>, nhà ở<sup>2</sup>, thực phẩm<sup>3</sup>, nước<sup>4</sup>, an sinh xã hội<sup>5</sup>, quyền làm việc<sup>6</sup>, quyền được hưởng những điều kiện công bằng và thuận lợi trong công việc<sup>7</sup> và quyền lập và tham gia tổ chức công đoàn.<sup>8</sup> Bên cạnh đó, Ủy ban đã giải quyết vấn đề này trong

---

<sup>1</sup> E/C.12/2000/4 (Bình luận chung số 14 (2000): Quyền đối với mức sức khỏe cao nhất có thể đạt được (Điều 12)), đoạn 26, 35.

<sup>2</sup> E/1992/23 (Bình luận chung Số 4 (1991): Quyền về nhà ở thích đáng), đoạn 14.

<sup>3</sup> E/C.12/1999/5 (Bình luận chung Số 12 (1999): Quyền về lương thực thích đáng (Điều 11))("GC 12"), các đoạn 19-20.

<sup>4</sup> E/C.12/2002/11 (Bình luận chung Số 15 (2002): Quyền về nước sạch (Điều 11 và 12)) ("GC 15"), đoạn 49.

<sup>5</sup> E/C.12/GC/19 (Bình luận chung Số 19 (2008): Quyền về an sinh xã hội (Điều 9)) ("GC 19"), các đoạn 45-46, 71.

<sup>6</sup> E/C.12/GC/18 (Bình luận chung Số 18 (2006): Quyền về việc làm (Điều 6))("GC 18"), đoạn 52.

<sup>7</sup> E/C.12/GC/23 (Bình luận chung Số 23 (2016): Quyền về điều kiện lao động công bằng và thuận lợi (Điều 7))("GC 23"), các đoạn 74-75.

<sup>8</sup> E/C.12/AZE/CO/3 (Kết luận quan sát về báo cáo định kỳ thứ ba của Azerbaidjan (2013)), đoạn 15.

các kết luận quan sát<sup>1</sup> về các báo cáo nhà nước thành viên và trong quyết định đầu tiên của nó về một khiếu nại cá nhân.<sup>2</sup> Năm 2011, Ủy ban đã thông qua một Thông cáo về nghĩa vụ của nhà nước liên quan đến trách nhiệm doanh nghiệp trong bối cảnh các quyền trong Công ước.<sup>3</sup> Bình luận chung này nên được đọc cùng với những đóng góp trước đó, cũng như nên xem xét những tiến triển trong ILO<sup>4</sup> hoặc trong các tổ chức khu vực, chẳng hạn như Hội đồng Châu Âu.<sup>5</sup> Khi thông qua Bình luận chung này, Ủy ban đã xem xét Các Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Nhân quyền được thông

---

<sup>1</sup> E/C.12/CAN/CO/6 (Kết luận quan sát về báo cáo định kỳ thứ 6 của Canada (2016)), các đoạn 15-16; E/C.12/VNM/CO/2-4 (Kết luận quan sát về báo cáo định kỳ thứ 2 đến thứ 4 của Việt Nam (2014)), các đoạn 22, 29; E/C.12/DEU/CO/5 (Kết luận quan sát về báo cáo định kỳ thứ 3 của Đức (2011)), các đoạn 9-11.

<sup>2</sup> *I.D.G. v. Spain*, Khiếu nại số 2/2014, ngày 13/10/2015 (E/C.12/55/D/2/2014).

<sup>3</sup> E/C.12/2011/1 (Thông cáo về các nghĩa vụ của nhà nước liên quan đến khu vực doanh nghiệp và các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa), đoạn 7.

<sup>4</sup> Tuyên bố ba bên của ILO về Các Nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội, thông qua lần đầu năm 1976 và được sửa đổi năm 2017, khuyến khích các doanh nghiệp đóng góp cho xã hội bằng việc thực thi các nguyên tắc của chuẩn mực lao động quốc tế.

<sup>5</sup> Khuyến nghị CM/Rev(2016)/3 của Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu về doanh nghiệp và nhân quyền, thông qua ngày 2/3/2016, tại hội nghị thứ trưởng lần 1249.

qua bởi Hội đồng Nhân quyền vào năm 2011<sup>1</sup>, cũng như các đóng góp cho vấn đề này bởi các cơ quan nhân quyền theo điều ước và các thủ tục đặc biệt khác nhau.<sup>2</sup>

## II. BỐI CẢNH VÀ PHẠM VI

3. Vì mục đích của Bình luận chung này, hoạt động kinh doanh bao gồm tất cả các hoạt động của các chủ thể kinh doanh, cho dù các hoạt động của họ là xuyên quốc gia hoặc hoàn toàn trong nước, dù thuộc sở hữu hoàn toàn tư nhân hoặc nhà nước, bất kể quy mô, ngành nghề, địa điểm, quyền sở hữu và cấu trúc.

4. Trong một số hệ thống pháp lý, cá nhân hưởng quyền khiếu nại trực tiếp chống lại các đơn vị kinh doanh đối với việc vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, để áp đặt đòi hỏi các tổ chức tư nhân kiềm chế (tiêu cực) tránh không thực hiện một số hành vi nhất định hoặc áp đặt (tích cực) một số biện pháp nhằm góp phần thực hiện đầy đủ các

---

<sup>1</sup> A/HRC/17/31, được đồng thuận của Hội đồng Nhân quyền trong Nghị quyết 17/4.

<sup>2</sup> A/HRC/4/35/Add.1 (Trách nhiệm của nhà nước quy định và điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp theo các điều ước căn bản LHQ về nhân quyền: một tổng quan).



quyền đó.<sup>1</sup> Cảnh đó, còn có một số lượng lớn các luật trong nước được thiết kế để bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cụ thể mà áp dụng trực tiếp cho các tổ chức kinh doanh, chẳng hạn như trong các lĩnh vực không phân biệt đối xử, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, môi trường, quan hệ lao động và an toàn của người tiêu dùng.

5. Ngoài ra, theo tiêu chuẩn quốc tế, các tổ chức kinh doanh có nghĩa vụ tôn trọng các quyền theo Công ước, bất kể có tồn tại pháp luật trong nước hay liệu chúng có được thực thi đầy đủ trong thực tế hay không.<sup>2</sup> Do đó, Bình luận chung này hướng đến hỗ trợ khu vực doanh nghiệp thực thi nghĩa vụ về nhân quyền và bảo đảm trách nhiệm của họ, qua đó, giảm nhẹ bất kỳ rủi ro cho uy tín có thể có liên quan đến vi phạm quyền Công ước trong phạm vi ảnh hưởng của họ.

6. Bình luận chung này cũng có thể hỗ trợ các tổ chức của công nhân và người sử dụng lao động trong bối cảnh thương lượng tập thể. Một số lượng lớn các nhà nước thành

---

<sup>1</sup> Xem Tòa án Hiến pháp Nam Phi, *Daniels v. Scribante, et al.*, CCT 50/16, phán quyết ngày 11/5/2017, các đoạn 37-39 (nghĩa vụ tích cực áp dụng đối với chủ sở hữu để bảo đảm thời hạn thuê nhà là điều kiện để bảo đảm phẩm giá con người).

<sup>2</sup> Các Nguyên tắc Hướng dẫn về Doanh nghiệp và nhân quyền: Thực thi khuôn khổ của LHQ về “Bảo vệ, tôn trọng và cơ chế” (“Các Nguyên tắc Hướng dẫn”), Nguyên tắc 11 và Bình luận.

viên yêu cầu có các thủ tục tại nơi làm việc để xem xét các khiếu nại của công nhân, cá nhân hay tập thể, mà không bị đe dọa trả thù.<sup>1</sup> Đối thoại xã hội và sự sẵn có của cơ chế khiếu nại cho người lao động có thể được dựa vào một cách có hệ thống hơn, đặc biệt là đối với việc thực hiện Điều 6 và Điều 7 của Công ước.

### III. NGHĨA VỤ CỦA CÁC NHÀ NƯỚC THÀNH VIÊN THEO CÔNG ƯỚC

#### A. Nghĩa vụ không phân biệt đối xử

7. Trước đây, Ủy ban đã từng nhấn mạnh rằng phân biệt đối xử trong việc thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa là thường thấy trong các khu vực tư nhân, bao gồm ở nơi làm việc và thị trường lao động<sup>2</sup>, trong lĩnh vực nhà ở và cho vay.<sup>3</sup> Theo Điều 2 và Điều 3 của Công ước, các quốc gia có nghĩa vụ đảm bảo việc hưởng quyền trong Công ước cho

---

<sup>1</sup> Khuyến nghị ILO (Số 130) liên quan đến việc xem xét các khiếu nại nhằm giải quyết chúng.

<sup>2</sup> Xem GC 18, các đoạn 13-14; E/C.12/GC/20 (Bình luận chung Số 20 (2009): Không phân biệt đối xử về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Điều 2, đoạn 2)) (“GC 20”), đoạn 32; E/1996/22 (Bình luận chung Số 6: các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của người cao tuổi), đoạn 22; E/1992/23 (Bình luận chung Số 4 (1991): Quyền về nhà ở thích đáng), đoạn 14.

<sup>3</sup> Xem GC 4, đoạn 17; GC 20, đoạn 11.

tất cả mọi người mà không có sự phân biệt đối xử.<sup>1</sup> Yêu cầu loại bỏ chính thức các hình thức cũng như nội dung của phân biệt đối xử<sup>2</sup> bao gồm nghĩa vụ ngăn cấm phân biệt đối xử bởi các tổ chức phi nhà nước trong việc thực thi các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

8. Trong số các nhóm thường bị ảnh hưởng một cách không tương xứng bởi các tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh là phụ nữ, trẻ em, người dân bản địa, đặc biệt là liên quan đến sự phát triển, sử dụng, khai thác đất đai và tài nguyên tự nhiên<sup>3</sup>, nông dân, ngư dân và những người khác làm việc trong khu vực nông thôn, người thiểu số về dân tộc hay tôn giáo nơi mà họ bị tước đoạt về quyền lực chính trị. Người khuyết tật thường bị ảnh hưởng một cách không tương xứng bởi những tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh, đặc biệt là đối mặt với rào cản đặc biệt trong việc tiếp cận các cơ chế trách nhiệm giải trình và khắc phục. Theo ghi nhận của Ủy ban vào những dịp trước, người tị nạn và người nhập cư không có giấy tờ có nguy cơ đặc biệt phải đối mặt với sự kỳ thị trong việc thụ hưởng các quyền trong Công ước do tình trạng bất bình của họ, và theo Điều 7 của Công ước,

---

<sup>1</sup> GC 20, các đoạn 7-8.

<sup>2</sup> Như trên, các đoạn 8, 11.

<sup>3</sup> Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa (A/RES/61/295) (2007), Điều 32.2.

lao động nhập cư đặc biệt dễ có nguy cơ bị bóc lột, làm việc quá giờ, được trả lương không công bằng, môi trường làm việc nguy hiểm và không lành mạnh.<sup>1</sup>

9. Một số nhóm dân cư phải đối mặt với nhiều nguy cơ bị phân biệt đối xử trong nhiều lĩnh vực và nhiều lần.<sup>2</sup> Ví dụ, cưỡng chế di dời và dịch chuyển liên quan đến đầu tư thường dẫn đến bạo lực về thể chất và tình dục, bồi thường thiệt hại không đủ và gánh nặng bổ sung liên quan đến tái định cư, đối với phụ nữ và trẻ em gái.<sup>3</sup> Trong quá trình cưỡng chế di dời và dịch chuyển liên quan đến đầu tư như vậy, phụ nữ và trẻ em gái bản địa cũng bị phân biệt đối xử do giới của mình và do họ thuộc về dân tộc bản địa. Bên cạnh đó, phụ nữ chiếm tỷ lệ rất cao trong nền kinh tế không chính thức và ít có khả năng để hưởng sự bảo vệ liên quan đến lao động và an sinh xã hội.<sup>4</sup> Hơn nữa, mặc dù có một số cải tiến, phụ nữ tiếp tục bị thiếu đại diện trong tiến trình ra

---

<sup>1</sup> Thông cáo về các nghĩa vụ của nhà nước đối với người tị nạn và người nhập cư theo Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (E/C.12/2017/1) (24/2/2017); GC 23, đoạn 47(e).

<sup>2</sup> GC 20, đoạn 17.

<sup>3</sup> UNHCR & UN Habitat, *Cưỡng bức di dời*, Tài liệu chuyên đề số 25/Rev.1 (2014), tr. 16.

<sup>4</sup> A/HRC/26/39 (Báo cáo của Nhóm công tác về vấn đề phân biệt đối xử với phụ nữ trong pháp luật và thực hành), các đoạn 48-50.

quyết định trong các doanh nghiệp trên toàn thế giới.<sup>1</sup> Do đó, Ủy ban khuyến nghị nhà nước thành viên giải quyết những tác động cụ thể của hoạt động kinh doanh đối với phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em gái bản địa, và kết hợp quan điểm giới vào tất cả các biện pháp để điều chỉnh hoạt động kinh doanh có thể ảnh hưởng xấu đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, bao gồm việc tham khảo Hướng dẫn về kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và nhân quyền.<sup>2</sup> Nhà nước thành viên cũng nên có bước đi thích hợp, bao gồm việc thông qua các biện pháp đặc biệt tạm thời nhằm gia tăng đại diện của phụ nữ trong thị trường lao động, tại các vị trí cao trong các hệ thống phân cấp của doanh nghiệp.

## **B. Nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực hiện**

10. Công ước thiết lập các nghĩa vụ cụ thể của nhà nước thành viên ở ba cấp độ - tôn trọng, bảo vệ và thực hiện. Những nghĩa vụ này áp dụng đối với cả hai tình huống trên lãnh thổ quốc gia của nhà nước, và ngoài lãnh thổ quốc gia trong tình huống mà nhà nước có thể thực thi quyền kiểm soát. Các thành tố ở nước ngoài của nghĩa vụ sẽ được đề cập

---

<sup>1</sup> Như trên, các đoạn 57-62.

<sup>2</sup> Nhóm công tác về Doanh nghiệp và Nhân quyền, *Hướng dẫn về Kế hoạch hành động quốc gia về Doanh nghiệp và Nhân quyền* (1/12/2014).

riêng trong phần C. Phần này nêu rõ nội dung của các nghĩa vụ của nhà nước, tập trung vào nhiệm vụ của họ để bảo vệ, có liên quan nhất đến bối cảnh các hoạt động kinh doanh.

11. Bình luận chung này hướng đến các nhà nước thành viên Công ước, và trong bối cảnh này chỉ đề cập đến việc thực hiện của khu vực tư nhân, bao gồm các đơn vị kinh doanh, một cách gián tiếp. Tuy nhiên, phù hợp với luật quốc tế, các nhà nước có thể bị buộc phải trực tiếp chịu trách nhiệm về hành động hoặc không hành động của các chủ thể kinh doanh: (i) nếu đơn vị liên quan trong thực tế hoạt động theo hướng dẫn của nhà nước thành viên hoặc dưới sự kiểm soát, chỉ đạo trong việc thực hiện các hành xử cụ thể,<sup>1</sup> chẳng hạn như trong trường hợp liên quan đến hợp đồng công cộng<sup>2</sup>; (ii) khi một chủ thể kinh doanh được trao quyền theo

---

<sup>1</sup> Điều khoản về trách nhiệm của nhà nước về các hành vi sai trái, với các Bình luận của Ủy ban Luật Quốc tế, báo cáo Ủy ban Luật Quốc tế về hoạt động của mình tại kỳ họp 53 (23/4 đến 1/6 và 2/7 đến 10/8/2001), A/56/10, Điều 8. Xem thêm A/RES/56/83 (28/1/2002); A/RES/59/35 (2/12/2004); A/RES/62/61 (6/12/2007); A/RES/65/19 (6/12/2010); và A/RES/ 68/104 (16/12/2013).

<sup>2</sup> Đặc biệt, trách nhiệm của nhà nước có thể liên quan nếu nó thất bại không bao gồm các điều khoản về lao động trong các hợp đồng công cộng, bảo đảm bảo vệ thích đáng công nhân được thuê bởi các nhà thầu. Liên quan đến điều này, các nhà nước được dẫn chiếu đến Công ước ILO về điều khoản lao động (No. 94) và Khuyến nghị về điều khoản lao động (No. 84) (Hợp đồng công cộng).

pháp luật của nhà nước để thực hiện một phần thẩm quyền của chính quyền<sup>1</sup> hoặc nếu hoàn cảnh đòi hỏi thực hiện các chức năng của chính quyền như vậy trong sự vắng mặt hay khiếm khuyết nhà chức trách<sup>2</sup>; hoặc (iii) nếu và trong phạm vi nhà nước thành viên thừa nhận và chấp nhận hành xử như là của chính mình.<sup>3</sup>

### *Nghĩa vụ tôn trọng*

12. Nghĩa vụ tôn trọng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa bị vi phạm khi nhà nước thành viên ưu tiên lợi ích của chủ thể kinh doanh hơn các quyền trong Công ước mà không có sự biện minh đầy đủ, hoặc khi họ theo đuổi các chính sách ảnh hưởng tiêu cực đến các quyền đó. Chẳng hạn điều này xảy ra khi cưỡng bức di dời liên quan đến các dự án đầu tư.<sup>4</sup> Các quyền và các giá trị văn hóa của người dân bản

---

<sup>1</sup> Điều khoản về trách nhiệm của nhà nước về các hành vi sai trái, Điều 5.

<sup>2</sup> Như trên, Điều 9.

<sup>3</sup> Như trên, Điều 11.

<sup>4</sup> E/1998/22/Annex IV (Bình luận chung Số 7 (1997): Quyền nhà ở thích đáng (Điều 11)) (“GC 7”), các đoạn 7 và 18; UNHCR & UN Habitat, *Cưỡng bức di dời*, Tài liệu chuyên đề số 25/Rev.1 (2014), trang 7-8. Xem thêm, A/HRC/25/54/Add.1 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về nhà ở: chuyến thăm Indonesia (2013)), các đoạn 55, 59-63.

địa gắn liền với vùng đất tổ tiên của họ đặc biệt dễ bị rủi ro.<sup>1</sup> Các quốc gia và các doanh nghiệp nên tôn trọng nguyên tắc có sự chấp thuận tự do, ngay từ đầu và được cung cấp đầy đủ thông tin của các dân tộc bản địa liên quan đến mọi vấn đề có thể ảnh hưởng quyền lợi của mình, bao gồm đất đai, lãnh thổ và các nguồn tài nguyên truyền thống mà họ đã sở hữu, chiếm, sử dụng hoặc mua.<sup>2</sup>

13. Các nhà nước thành viên nên xác định bất kỳ xung đột tiềm tàng giữa các nghĩa vụ theo Công ước và các hiệp định thương mại hoặc đầu tư, và tránh tham gia vào hiệp định khi có mâu thuẫn như vậy,<sup>3</sup> theo yêu cầu của nguyên tắc ràng buộc của điều ước quốc tế.<sup>4</sup> Việc tham gia vào điều ước quốc tế như thế, do đó cần được dẫn trước bởi việc đánh giá tác động nhân quyền, có tính đến cả tác động tích cực và

---

<sup>1</sup> E/C.12/GC/21 (Bình luận chung Số 21) (2009): Quyền tham gia đời sống văn hóa của mọi người (Điều 15, đoạn 1 (a)) (“GC 21”) đoạn 36. *Xem thêm* Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa, Điều 26.

<sup>2</sup> Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa, các điều 10, 19, 28, 29, 32.

<sup>3</sup> A/HRC/19/59/Add.5 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền lương thực: Phụ lục về các Nguyên tắc Hướng dẫn về đánh giá tác động nhân quyền của các thỏa hiệp thương mại và đầu tư). *Xem thêm* Khuyến nghị CM/Rev(2016)/3 của Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu về doanh nghiệp và nhân quyền, Annex, đoạn 23.

<sup>4</sup> Công ước Vienna về Luật Điều ước, 23/5/1969, 1155 *U.N.T.S.* 331, Điều 26 và 30(4), b).



tiêu cực lên nhân quyền bởi hiệp định đầu tư và thương mại, bao gồm đóng góp của chúng đối với việc thực hiện quyền phát triển. Những tác động như vậy đối với nhân quyền của việc thực hiện các thỏa thuận cần được đánh giá thường xuyên, để cho phép việc thông qua bất kỳ biện pháp khắc phục có thể cần thiết. Việc giải thích các hiệp định thương mại và đầu tư có hiệu lực cần xem xét đến các nghĩa vụ về nhân quyền của nhà nước, phù hợp với Điều 103 Hiến chương LHQ và với bản chất cụ thể của các nghĩa vụ về quyền con người.<sup>1</sup> Nhà nước thành viên không thể vi phạm các nghĩa vụ Công ước trong các hiệp định thương mại và đầu tư mà họ có thể gia nhập. Họ được khuyến khích để đưa vào một điều khoản rõ ràng đề cập các nghĩa vụ nhân quyền của mình trong điều ước quốc tế trong tương lai, và để đảm bảo rằng các cơ chế cho việc giải quyết tranh chấp nhà đầu tư - nhà nước xem xét đến nhân quyền trong việc giải thích điều ước về đầu tư hoặc các chương về đầu tư trong hiệp định thương mại.

### *Nghĩa vụ bảo vệ*

14. Nghĩa vụ bảo vệ có nghĩa là nhà nước thành viên phải ngăn ngừa hiệu quả các hành vi vi phạm các quyền

---

<sup>1</sup> Tòa án Nhân quyền liên Mỹ, *Case of the Sawhoyamaya Indigenous Community v. Paraguay* (29/3/2006, Series C No. 146), đoạn 140.

kinh tế, xã hội và văn hóa trong bối cảnh hoạt động kinh doanh. Điều này đòi hỏi nhà nước thành viên thông qua các biện pháp lập pháp, hành chính, giáo dục, cũng như các biện pháp thích hợp khác, đảm bảo bảo vệ hiệu quả chống lại các vi phạm quyền trong Công ước liên quan đến hoạt động kinh doanh; và họ cung cấp cho các nạn nhân của sự vi phạm bởi các doanh nghiệp đó quyền tiếp cận các biện pháp hiệu quả.

15. Các nhà nước thành viên nên cân nhắc áp đặt các chế tài và hình phạt hình sự hoặc hành chính phù hợp đối với các hoạt động kinh doanh dẫn đến sự vi phạm các quyền trong Công ước hoặc do không hành động với sự cần mẫn để giảm thiểu rủi ro khiến sự xâm phạm như vậy xảy ra; cho phép khởi kiện dân sự và các phương tiện hiệu quả khác để khiếu nại bồi thường bởi các nạn nhân của hành vi vi phạm quyền đối với công ty thủ phạm, đặc biệt là bằng cách hạ thấp chi trả cho các nạn nhân và bằng các hình thức bồi thường tập thể; thu hồi giấy phép kinh doanh và trợ cấp, nếu và trong phạm vi cần thiết, từ đơn vị vi phạm; và kiểm tra mã số thuế, hợp đồng mua sắm công cộng,<sup>1</sup> tín dụng xuất khẩu và các hình thức hỗ trợ khác của

---

<sup>1</sup> Các kết luận đi kèm với Nghị quyết về việc làm thích đáng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, thông qua tại Đại hội 105 của ILO (2016), đoạn 16, c).

nhà nước có liên quan, các đặc quyền và lợi ích trong trường hợp vi phạm nhân quyền, qua đó liên kết ưu đãi kinh doanh với trách nhiệm nhân quyền. Nhà nước thành viên nên thường xuyên xem xét sự phù hợp của pháp luật, xác định và giám sát sự tuân thủ và lỗ hổng thông tin, cũng như các vấn đề đang nổi lên.<sup>1</sup>

16. Nghĩa vụ bảo vệ đòi hỏi một trách nhiệm tích cực áp dụng một khuôn khổ pháp lý đòi hỏi các chủ thể kinh doanh thực thi sự miễn cán hợp lý về quyền con người để xác định, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro vi phạm các quyền Công ước, để tránh việc vi phạm các quyền đó, cũng như chịu trách nhiệm giải trình về những tác động tiêu cực họ gây ra hoặc góp phần vào bởi các quyết định và hoạt động của mình, và những đơn vị mà họ kiểm soát trong việc hưởng thụ các quyền trong Công ước.<sup>2</sup> Nhà nước nên áp dụng các biện pháp như áp đặt các yêu cầu thẩm định để ngăn chặn sự vi phạm quyền trong Công ước trong chuỗi cung ứng của một chủ thể kinh doanh và do nhà thầu phụ, nhà cung cấp, các đại lý, hoặc các đối tác kinh doanh khác.

---

<sup>1</sup> Các Nguyên tắc Hướng dẫn, tại bình luận 17. Xem Điều khoản tham chiếu mẫu để đánh giá hiệu quả pháp luật (A/HRC/32/19) (và xem A/HRC/RES/32/10).

<sup>2</sup> Các Nguyên tắc Hướng dẫn, các Nguyên tắc 15 và 17.

17. Các Nhà nước thành viên phải đảm bảo rằng, khi thích hợp, các tác động xấu của hoạt động kinh doanh đến các dân tộc bản địa (đặc biệt là tác động xấu, hiện hữu hoặc tiềm năng, đến quyền của người dân bản địa về đất đai, tài nguyên, lãnh thổ, di sản văn hóa, kiến thức và văn hóa truyền thống) cần được bao gồm trong đánh giá tác động nhân quyền.<sup>1</sup> Khi thực thi việc thẩm định nhân quyền, các doanh nghiệp cần phối hợp và tham khảo ý kiến một cách thiện chí với các dân tộc bản địa liên quan thông qua các tổ chức đại diện của họ để có được sự đồng thuận tự do, sớm và với đầy đủ thông tin của họ trước khi bắt đầu hoạt động.<sup>2</sup> Việc tham vấn như vậy cần tạo điều kiện để xác định liệu có khả năng tác động tiêu cực của các hoạt động và về các biện pháp giảm thiểu và bồi thường cho tác động như vậy. Việc

---

<sup>1</sup> A/68/279 (Báo cáo của Nhóm công tác về vấn đề Nhân quyền và các doanh nghiệp đa quốc gia và các doanh nghiệp khác, *Nhân quyền các doanh nghiệp đa quốc gia và các doanh nghiệp khác (7/8/2013)*), đoạn 31; Một hướng dẫn cho doanh nghiệp: Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa LHQ, p. 15; A/HRC/33/42 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền của các dân tộc bản địa đến phiên họp 33 của Hội đồng Nhân quyền); và A/66/288 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền của các dân tộc bản địa đến phiên họp 66 của Đại hội đồng), các đoạn 92-102.

<sup>2</sup> Một hướng dẫn cho doanh nghiệp: Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa LHQ, pp. 11-2; và Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa, Điều 19.

tham vấn cũng nên dẫn đến thiết kế các cơ chế chia sẻ lợi ích thu được từ các hoạt động, vì các công ty bị ràng buộc bởi nghĩa vụ tôn trọng quyền của người bản địa để hình thành nên các cơ chế đảm bảo phần của các dân tộc bản địa trong những lợi ích được tạo ra bởi các hoạt động phát triển trên lãnh thổ truyền thống của họ.<sup>1</sup>

18. Nhà nước sẽ không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo vệ các quyền trong Công ước của mình, ví dụ, bởi việc thất bại trong ngăn ngừa hoặc chống lại hành xử bởi các doanh nghiệp dẫn đến các quyền này bị vi phạm, hoặc dẫn đến ảnh hưởng có thể dự đoán được trước là quyền đó bị vi phạm, ví dụ, bằng cách hạ thấp các tiêu chuẩn cho việc phê duyệt các loại thuốc mới<sup>2</sup>; bởi thất bại trong việc kết hợp một yêu cầu liên quan đến chỗ ở hợp lý của người khuyết tật trong hợp đồng công cộng, bằng cách cấp giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên mà không cân nhắc thận trọng tác động tiêu cực tiềm tàng của hoạt động này lên sự hưởng thụ của cá nhân và cộng đồng các quyền

---

<sup>1</sup> A/66/288, đoạn 102.

<sup>2</sup> A/63/263 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền của mọi người được hưởng điều kiện về sức khỏe cao nhất tại phiên họp 63 của Đại hội đồng), A/HRC/11/12 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền của mọi người được hưởng điều kiện về sức khỏe cao nhất tại phiên họp thứ 11 của Hội đồng Nhân quyền).

trong Công ước; bởi miễn trừ cho một số dự án hoặc khu vực địa lý nhất định khỏi việc áp dụng luật bảo vệ các quyền trong Công ước; hoặc bởi sự thất bại trong điều tiết thị trường bất động sản và các tổ chức tài chính hoạt động trên thị trường này để đảm bảo quyền tiếp cận nhà ở giá rẻ và đầy đủ cho tất cả mọi người.<sup>1</sup> Các vi phạm như vậy trở nên nghiêm trọng hơn khi sự bảo đảm không đủ để giải quyết chống lại sự tham nhũng của các công chức hay tham nhũng tư nhân với tư nhân, hoặc trong trường hợp, là kết quả của tham nhũng của thẩm phán, vi phạm nhân quyền bị bỏ mặc không có cơ chế giải quyết.

19. Nghĩa vụ bảo vệ nhiều khi đòi hỏi phải có sự quy định và can thiệp trực tiếp. Nhà nước thành viên nên cân nhắc các biện pháp, ví dụ như hạn chế tiếp thị và quảng cáo một số hàng hóa và dịch vụ để bảo vệ sức khỏe cộng đồng<sup>2</sup> như các sản phẩm thuốc lá phù hợp với Công ước khung về

---

<sup>1</sup> Báo cáo đến phiên họp 34 của Hội đồng Nhân quyền của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền nhà ở thích đáng, A/HRC/34/51, các đoạn 62-66.

<sup>2</sup> Công ước về quyền trẻ em (Nov. 20, 1989), UN Treaty Series, vol. 1577, tr. 3, có hiệu lực ngày 2/9/1990; and E/C.12/2005/4 (Bình luận chung Số 16 (2005): Bình đẳng nam và nữ trong việc hưởng mọi quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Điều 3)) (“GC 16”), đoạn 57; WHO (2010) Bộ Khuyến nghị về marketing lương thực và đồ uống ngoài rượu cho trẻ em; và WHO (2012) Một khuôn khổ áp dụng Bộ Khuyến nghị về marketing lương thực và đồ uống ngoài rượu cho trẻ em.

Kiểm soát thuốc lá,<sup>1</sup> và sản phẩm thay thế sữa mẹ theo Bộ luật quốc tế về marketing các sản phẩm thay thế sữa mẹ 1981, và các nghị quyết tiếp theo của Hội đồng Y tế Thế giới<sup>2</sup>; chống lại sự rập khuôn vai trò giới tính và phân biệt đối xử<sup>3</sup>; kiểm soát giá thuê trên thị trường nhà ở tư nhân theo yêu cầu bảo vệ quyền của mọi người về nhà ở thích đáng<sup>4</sup>; xây dựng mức lương tối thiểu phù hợp với mức thu nhập đủ sống và thù lao công bằng<sup>5</sup>; điều chỉnh các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến các quyền trong Công ước về giáo dục, việc làm và sức khỏe sinh sản, để có hiệu quả chống phân biệt đối xử về giới<sup>6</sup>; và dần dần loại bỏ các hình thức lao động không thường xuyên hoặc “phi chính thức” (hay là có tính bấp bênh), mà thường dẫn đến sự chối bỏ đối với người lao động liên quan sự bảo vệ của pháp luật lao động và an sinh xã hội.

---

<sup>1</sup> Công ước khung về Kiểm soát thuốc lá (May 21, 2003), UN Treaty Series, vol. 2302, tr. 166.

<sup>2</sup> A/HRC/19/59 (2011) (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền lương thực tại phiên họp thứ 19 của Hội đồng Nhân quyền LHQ), đoạn 16.

<sup>3</sup> Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (Dec. 18, 1979), UN Treaty Series, vol. 1249, tr. 3, *có hiệu lực ngày 3/9/1981*, Điều 5.

<sup>4</sup> GC 4, đoạn 8(c).

<sup>5</sup> GC 23, các đoạn 10-16, 19-24.

<sup>6</sup> CEDAW/C/GC/28 (Bình luận chung Số 28, về nghĩa vụ căn bản của Nhà nước theo Điều 2 của Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ) (2010), đoạn 13.

20. Tham nhũng cấu thành một trong những trở ngại lớn đối với việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền có hiệu quả, đặc biệt là liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp.<sup>1</sup> Ngoài ra nó sẽ làm suy yếu khả năng của nhà nước huy động nguồn lực cho việc cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho việc thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Nó dẫn đến sự phân biệt đối xử khi tiếp cận các dịch vụ công cộng có sự ưu đãi những người có khả năng ảnh hưởng đến nhà chức trách, bao gồm bằng cách đưa hối lộ hoặc dùng đến áp lực chính trị. Do đó, những người thiểu còi (người tố giác tham nhũng) nên được bảo vệ,<sup>2</sup> và cơ chế chuyên môn nên được thiết lập để chống tham nhũng, sự độc lập của họ nên được đảm bảo và họ nên có nguồn lực được cung cấp đầy đủ.

21. Vai trò và tác động gia tăng của khu vực tư nhân trong các lĩnh vực công cộng truyền thống, chẳng hạn như trong lĩnh vực y tế hoặc giáo dục, đặt ra những thách thức mới đối với nhà nước thành viên trong việc tuân thủ các nghĩa vụ theo Công ước. Bản thân việc tư nhân hóa như vậy không bị cấm bởi Công ước, ngay cả ở các lĩnh vực như cung

---

<sup>1</sup> A/HRC/RES/23/9 (Ảnh hưởng tiêu cực của tham nhũng đến việc hưởng thụ các quyền con người); A/RES/69/199 (Phòng ngừa và chống lại tham nhũng, hỗ trợ khôi phục tài sản theo Công ước chống tham nhũng của LHQ).

<sup>2</sup> Các kết luận đi kèm với Nghị quyết về việc làm thích đáng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, thông qua tại Đại hội 105 của ILO(2016), đoạn 15, g).



cấp nước hoặc điện, giáo dục hay chăm sóc sức khỏe, những lĩnh vực mà vai trò của khu vực công có truyền thống mạnh. Tuy nhiên, các nhà cung cấp tư nhân nên có quy định nghiêm ngặt, áp đặt trên chúng cái gọi là “các nghĩa vụ dịch vụ công” trong việc cung cấp nước hoặc điện, điều này có thể bao gồm các yêu cầu liên quan đến tính phổ dụng và tính liên tục của việc cung cấp các dịch vụ, chính sách giá cả, yêu cầu về chất lượng và sự tham gia của người sử dụng.<sup>1</sup> Tương tự như vậy, các nhà cung cấp việc chăm sóc sức khỏe cá nhân nên bị cấm từ chối sự tiếp cận các dịch vụ, phương pháp điều trị hay thông tin có giá cả phải chăng và phù hợp. Ví dụ, khi nhân viên y tế được phép sử dụng quyền phản đối khi trái với lương tâm để từ chối cung cấp một số dịch vụ y tế về sinh sản và tình dục, bao gồm phá thai, họ nên hướng dẫn những người phụ nữ hoặc trẻ em gái có nhu cầu về các dịch vụ như vậy đến một nhân viên khác trong phạm vi địa lý hợp lý, sẵn sàng cung cấp dịch vụ.<sup>2</sup>

22. Ủy ban đặc biệt quan tâm đến việc các hàng hóa và dịch vụ là cần thiết cho việc thụ hưởng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cơ bản có thể trở nên đắt đỏ hơn do chúng

---

<sup>1</sup> Xem Nghị quyết Hội đồng Nhân quyền 15/9: Nhân quyền và tiếp cận nước sạch và vệ sinh an toàn, A/HRC/RES/15/9, ngày 6/10/2010.

<sup>2</sup> E/C.12/GC/22 (Bình luận chung Số 22 (2016) về quyền về sức khỏe tình dục và sinh sản) (“GC 22”), các đoạn 14, 42, 43 và 60.

được cung cấp bởi khu vực tư nhân hoặc chất lượng có thể bị giảm đi vì chạy theo lợi nhuận. Việc cung cấp bởi khu vực tư nhân các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu trong việc thụ hưởng các quyền Công ước không được dẫn đến việc hưởng quyền Công ước phải kèm điều kiện về khả năng chi trả, do đó tạo ra những hình thức mới của sự phân biệt kinh tế - xã hội. Việc tư nhân hóa giáo dục minh họa một rủi ro như vậy, ở đâu tổ chức giáo dục tư nhân khiến cho giáo dục chất lượng cao là một đặc quyền đối với giá cả chỉ phù hợp với các thành phần giàu có của xã hội, hoặc khi chúng không được quy định đầy đủ, cung cấp một phương thức giáo dục không đáp ứng tiêu chuẩn giáo dục tối thiểu, trong khi đưa ra một cái có thuận lợi cho nhà nước thành viên không làm nhiệm vụ của chính mình đối với việc thực hiện quyền được học tập.<sup>1</sup> Tư nhân hóa cũng không nên gây ra việc loại trừ một số nhóm vốn đã bị thiệt thòi, chẳng hạn như những người khuyết tật. Nhà nước luôn giữ lại các nghĩa vụ đề ra các quy định để khu vực tư nhân đảm bảo rằng các dịch vụ dễ tiếp cận cho tất cả mọi người, đầy đủ, được đánh giá thường xuyên để đáp ứng nhu cầu đang thay đổi của công chúng và đang thích nghi với những nhu cầu này. Vì tư nhân hóa việc cung

---

<sup>1</sup> Xem mục về giáo dục, Kết luận quan sát: Chile (E/C.12/CHL/CO/4), đoạn 30 (19/6/2015); A/69/402 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền giáo dục đến phiên họp 69 của Đại hội đồng).

cấp các hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết cho việc hưởng các quyền theo Công ước có thể dẫn đến tình trạng thiếu trách nhiệm giải trình, cần có các biện pháp để bảo đảm quyền của cá nhân tham gia đánh giá sự phù hợp của việc cung cấp các dịch vụ và hàng hóa đó.

### *Nghĩa vụ thực hiện*

23. Nghĩa vụ thực hiện đòi hỏi các quốc gia thành viên thực thi các bước cần thiết, đến mức tối đa các nguồn lực sẵn của họ, tạo điều kiện và thúc đẩy việc hưởng thụ các quyền trong Công ước, và, trong một số trường hợp, trực tiếp cung cấp các hàng hóa và dịch vụ cần thiết để có thể hưởng các quyền đó. Thực thi nhiệm vụ như vậy đòi hỏi phải huy động các nguồn lực của nhà nước, bao gồm bằng cách thực thi phương án đánh thuế lũy tiến. Nhà nước có thể yêu cầu sự hợp tác và hỗ trợ từ giới kinh doanh để tìm cách thực hiện các quyền trong Công ước và tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc nhân quyền khác.

24. Nghĩa vụ này cũng đòi hỏi phải có sự định hướng các đóng góp của các tổ chức kinh doanh đối với việc thực hiện các quyền trong Công ước. Chẳng hạn trong việc thiết kế một khuôn khổ về quyền sở hữu trí tuệ, phù hợp với Tuyên ngôn Nhân quyền Phổ quát và quyền được hưởng những lợi ích của tiến bộ khoa học quy định tại Điều 15 của Công ước, các quốc gia phải đảm bảo rằng quyền sở hữu trí

tuệ không dẫn đến sự từ chối hoặc hạn chế khả năng tiếp cận các thuốc thiết yếu cho mọi người để thụ hưởng quyền về sức khỏe<sup>1</sup>, hoặc các nguồn lực sản xuất như hạt giống, sự tiếp cận nó là quan trọng đối với quyền về thực phẩm và quyền của nông dân.<sup>2</sup> Nhà nước thành viên cũng cần công nhận và bảo vệ quyền của các dân tộc bản địa kiểm soát sở hữu trí tuệ đối với các di sản văn hóa, kiến thức truyền thống và các biểu đạt văn hóa truyền thống của họ.<sup>3</sup> Trong việc hỗ trợ nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, các quốc gia nên nhắm đến mục đích thực hiện đầy đủ các quyền trong Công ước, ví dụ bằng cách hỗ trợ sự phát triển các hàng hóa, dịch vụ, trang thiết bị và cơ sở vật chất được thiết kế phổ dụng để bảo đảm sự thuận tiện cho cả người khuyết tật.

---

<sup>1</sup> Xem thêm A/HRC/23/42 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền hưởng tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất đến Hội đồng Nhân quyền phiên họp thứ 23), đoạn 3 (thừa nhận nghĩa vụ cung cấp các dược phẩm cần thiết như là một nghĩa vụ của mọi nhà nước thành viên).

<sup>2</sup> Hạt giống và quyền về lương thực. A/64/170 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền về lương thực tại kỳ họp 64 của Đại hội đồng), các đoạn 5, 7; Điều ước Quốc tế về cá nguồn gen cho lương thực và nông nghiệp (thông qua ngày 3/11/2001, Nghị quyết 3/2001, FAO, 31st Sess.), Điều 9.

<sup>3</sup> Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa, điều 24 và 31; và GC 21, đoạn 37.

### **C. Các nghĩa vụ bên ngoài lãnh thổ**

25. Ba mươi năm qua đã chứng kiến một sự gia tăng đáng kể các hoạt động của các tập đoàn xuyên quốc gia, việc đầu tư và các dòng thương mại giữa các quốc gia, sự xuất hiện của các chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, các dự án phát triển quan trọng ngày càng có đầu tư tư nhân tham gia, theo hình thức hợp tác công tư giữa cơ quan nhà nước và các nhà đầu tư tư nhân nước ngoài. Những diễn biến này là đặc biệt quan trọng đối với vấn đề nghĩa vụ nhân quyền ngoài lãnh thổ của các nhà nước.

26. Năm 2011, trong tuyên bố của mình về các nghĩa vụ của nhà nước thành viên liên quan đến khu vực doanh nghiệp và các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Ủy ban đã tái khẳng định rằng nghĩa vụ nhà nước thành viên theo Công ước không dừng lại ở biên giới lãnh thổ của họ. Nhà nước thành viên được yêu cầu phải thực hiện các bước cần thiết để ngăn chặn vi phạm nhân quyền ở nước ngoài của các doanh nghiệp cư trú trong lãnh thổ và / hoặc thẩm quyền tài phán của họ (dù họ được thành lập theo pháp luật, hoặc có địa điểm theo luật định, bộ máy điều hành cao nhất hay địa điểm kinh doanh trên lãnh thổ quốc gia), mà không xâm phạm chủ quyền hoặc giảm bớt nghĩa vụ của nhà nước theo

Công ước.<sup>1</sup> Ủy ban cũng đã đề cập đến nghĩa vụ ngoài lãnh thổ cụ thể của nhà nước thành viên liên quan đến hoạt động kinh doanh trong các Bình luận chung trước đây liên quan đến quyền về nước sạch<sup>2</sup>, quyền làm việc<sup>3</sup>, quyền an sinh xã hội<sup>4</sup>, quyền được hưởng những điều kiện lao động thuận lợi<sup>5</sup>, cũng như khi xem xét các báo cáo định kỳ của nhà nước.

27. Các nghĩa vụ ngoài lãnh thổ như vậy của các quốc gia theo Công ước phát sinh từ thực tế rằng các nghĩa vụ theo Công ước được thể hiện mà không có bất kỳ sự giới hạn nào về lãnh thổ hoặc thẩm quyền. Mặc dù Điều 14 của Công ước đã nhắc đến giáo dục tiểu học bắt buộc phải được cung cấp bởi một nhà nước “trong lãnh thổ của nó hoặc vùng lãnh thổ khác thuộc thẩm quyền tài phán của nó”, một sự dẫn chiếu như vậy lại không có trong các quy định khác của Công ước. Hơn thế nữa, Điều 2 (1) đề cập sự hỗ trợ và hợp tác quốc tế như một phương tiện thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Nó sẽ là mâu thuẫn với một tham chiếu như vậy nếu cho phép một nhà nước vẫn thụ động khi một chủ thể cư trú trong lãnh thổ và / hoặc thẩm quyền tài phán, và do

---

<sup>1</sup> Thông cáo năm 2011, các đoạn 5-6.

<sup>2</sup> GC 15, các đoạn 31, 33.

<sup>3</sup> GC 18, đoạn 52.

<sup>4</sup> GC 19, đoạn 54.

<sup>5</sup> GC 23, đoạn 70.

đó dưới kiểm soát hoặc thẩm quyền của nó, làm tổn hại đến quyền lợi của những người ở quốc gia khác, hoặc khi hành xử bởi một chủ thể như vậy có thể dẫn đến thiệt hại có thể thấy trước sẽ xảy ra. Thật vậy, các thành viên của LHQ đã cam kết “hành động chung và riêng biệt trong sự hợp tác với tổ chức...” để đạt được mục đích đặt ra tại Điều 55 của Hiến chương, bao gồm: “...tôn trọng và tuân thủ các quyền và tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, hay tôn giáo”.<sup>1</sup> Nhiệm vụ này được thể hiện mà không có bất kỳ giới hạn lãnh thổ nào, và nên được xem xét khi giải quyết phạm vi của các nghĩa vụ về quyền con người của nhà nước theo Công ước. Cũng phù hợp với Hiến chương, Tòa án Công lý Quốc tế đã thừa nhận phạm vi ngoài lãnh thổ trong các điều ước quốc tế về quyền con người cốt lõi, tập trung vào đối tượng, mục đích, lịch sử lập pháp của chúng và thiếu điều khoản giới hạn lãnh thổ trong văn bản.<sup>2</sup> Luật tập quán quốc tế cấm một nhà nước cho phép lãnh thổ của mình được sử dụng để gây ra thiệt hại trên lãnh thổ của một quốc gia khác, yêu cầu này đặc biệt quan trọng

---

<sup>1</sup> Hiến chương LHQ (26/6/1945), 59 Stat. 1031, có hiệu lực ngày 24/10/1945 (Điều 56).

<sup>2</sup> *Hậu quả pháp lý của việc xây dựng bức tường trong lãnh thổ chiếm đóng Palestin*, Quan điểm tư vấn, 2004 I.C.J. 136 (9 tháng 7), các đoạn 109-112.

liên quan đến luật môi trường quốc tế.<sup>1</sup> Hội đồng Nhân quyền đã khẳng định rằng điều cấm như vậy mở rộng đến pháp luật về quyền con người, khi nó tán thành Các Nguyên tắc Hướng dẫn về nghèo đói cùng cực và nhân quyền ở Nghị quyết 21/11.<sup>2</sup>

28. Nghĩa vụ ngoài lãnh thổ phát sinh khi một nhà nước thành viên có thể gây ảnh hưởng bên ngoài lãnh thổ của mình, phù hợp với các giới hạn áp đặt bởi luật quốc tế, bằng cách kiểm soát các hoạt động của các tập đoàn cư trú trong lãnh thổ và / hoặc thẩm quyền tài phán của nó, và do đó có thể đóng góp vào sự hưởng thụ hiệu quả các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa bên ngoài lãnh thổ quốc gia.<sup>3</sup> Về vấn đề này, Ủy ban cũng lưu ý đến Bình luận

---

<sup>1</sup> *Trail Smelter Case (United States v. Canada)*, 3 R.I.A.A. 1905 (1941), pg. 1965; *Corfu Channel Case (United Kingdom v. Albania) (Merits)* 1949 I.C.J. 4 (9 tháng 4), đoạn 22; và *Tính pháp lý của việc đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân*, Quan điểm tư vấn, 1996 I.C.J. 226 (8 tháng 7), đoạn 29. Các Nguyên tắc Maastricht về nghĩa vụ của nhà nước ngoài lãnh thổ trong lĩnh vực các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 2011.

<sup>2</sup> Res. 21/11 đồng thuận về *Bản thảo cuối cùng của Các Nguyên tắc Hướng dẫn về nghèo đói cùng cực và nhân quyền được nộp bởi Báo cáo viên về nghèo đói cùng cực và nhân quyền (A/HRC/21/39)* (đoạn 92).

<sup>3</sup> GC 12, đoạn 36; GC 14, đoạn 39; hoặc GC 15, các đoạn 31-33; GC 19, đoạn 54; GC 20, đoạn 14; GC 23, các đoạn 69-70; E/C.12/2011/1, đoạn 5.



chung số 16 của Ủy ban về Quyền trẻ em,<sup>1</sup> cũng như quan điểm đã được thông qua bởi các cơ quan điều ước về quyền con người khác.<sup>2</sup>

*Nghĩa vụ tôn trọng bên ngoài lãnh thổ*

29. Nghĩa vụ tôn trọng ngoài lãnh thổ đòi hỏi các nhà nước thành viên kiểm chế không can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào sự thụ hưởng các quyền trong Công ước của những người bên ngoài lãnh thổ của mình. Là một phần của nghĩa vụ này, nhà nước thành viên phải đảm bảo rằng mình không gây cản trở nhà nước khác trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của họ theo Công ước.<sup>3</sup> Nhiệm vụ này là đặc biệt phù hợp khi đàm phán và kết thúc các hiệp định thương mại và đầu tư hoặc điều ước quốc tế về tài chính và thuế,<sup>4</sup> cũng như hợp tác pháp luật.

---

<sup>1</sup> CRC/C/GC/16 (Bình luận chung Số 16 (2013) về các nghĩa vụ của nhà nước liên quan đến các tác động của khu vực doanh nghiệp lên quyền trẻ em), các đoạn 43-44.

<sup>2</sup> Chẳng hạn, Ủy ban về Xóa bỏ phân biệt chủng tộc, Kết luận quan sát: Na Uy (2011) (CERD/C/NOR/CO/19-90), đoạn 17; Ủy ban Nhân quyền, Kết luận quan sát: Đức (2012) (CCPR/C/DEU/CO/6), đoạn 16.

<sup>3</sup> E/C.12/1997/8 (Bình luận chung Số 8: Mối quan hệ giữa chế tài kinh tế và các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa) (1997)).

<sup>4</sup> A/HRC/19/59/Add.5 (Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về quyền lương thực).

### *Nghĩa vụ bảo vệ bên ngoài lãnh thổ*

30. Nghĩa vụ bảo vệ bên ngoài lãnh thổ đòi hỏi các nhà nước thành viên thực hiện các bước để ngăn chặn hành vi xâm phạm và bồi thường các vi phạm các quyền trong Công ước xảy ra bên ngoài lãnh thổ của họ do các hoạt động của các đơn vị kinh doanh mà họ có thể thực hiện việc kiểm soát, đặc biệt trong trường hợp các cơ chế dành cho các nạn nhân trước tòa án quốc gia của nhà nước nơi thiệt hại xảy ra không có sẵn hoặc không hiệu quả.

31. Nghĩa vụ này mở rộng đến bất kỳ chủ thể kinh doanh nào mà nhà nước có thể thực thi quyền kiểm soát phù hợp với Hiến chương LHQ và luật pháp quốc tế hiện hành.<sup>1</sup> Phù hợp với phạm vi thẩm quyền tài phán theo luật pháp quốc tế nói chung, nhà nước có thể tìm cách quy định về các doanh nghiệp đang cư trú trong lãnh thổ và / hoặc quyền tài phán của họ: điều này bao gồm các doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật, hoặc có tư cách theo luật định, bộ máy điều hành cao nhất hoặc nơi kinh doanh chủ yếu trên

---

<sup>1</sup> Xem GC 14, para.39; or GC 15, các đoạn 31-33. Xem thêm Bình luận về Các Nguyên tắc Maastricht về Nghĩa vụ của nhà nước ngoài lãnh thổ trong lĩnh vực các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, bình luận về Các Nguyên tắc 25 và 26.

lãnh thổ quốc gia.<sup>1</sup> Nhà nước thành viên cũng có thể sử dụng các loại ưu đãi cho việc thực thi trực tiếp các nghĩa vụ, chẳng hạn như có điều khoản trong hợp đồng công cộng ưu đãi hơn cho các đơn vị kinh doanh đã đưa ra các cơ chế thẩm định về nhân quyền mạnh mẽ và hiệu quả, nhằm đóng góp vào việc bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong và ngoài nước.

32. Trong khi nhà nước thành viên thường không bị buộc phải chịu trách nhiệm quốc tế trực tiếp về vi phạm quyền kinh tế, xã hội và văn hóa gây ra bởi một tổ chức tư nhân (trừ trong ba kịch bản được nhắc đến tại đoạn 11 của Bình luận chung này), nó sẽ là vi phạm nghĩa vụ theo Công ước trong trường hợp nhà nước không có biện pháp hợp lý có thể ngăn ngừa sự xuất hiện của sự kiện này. Trách nhiệm của nhà nước có thể là tham gia vào hoàn cảnh như vậy, ngay cả khi các nguyên nhân khác cũng góp phần vào việc xảy ra các vi phạm,<sup>2</sup> và ngay cả khi nhà nước không lường trước rằng sẽ xảy ra một sự vi phạm, với điều kiện sự vi

---

<sup>1</sup> Khuyến nghị CM/Rev(2016)/3 của Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu về doanh nghiệp và nhân quyền, Annex, đoạn 13.

<sup>2</sup> Tòa án Công lý Quốc tế, *Case concerning Application of the Convention on the Prevention and Punishment of the Crime of Genocide (Bosnia and Herzegovina v. Serbia and Montenegro)* (Phán quyết ngày 26/2/2007), ICJ Reports, các đoạn 430 và 461.

phạm như vậy là có thể nhìn thấy trước một cách hợp lý.<sup>1</sup> Chẳng hạn, khi cân nhắc các rủi ro mà đã có nhiều bằng chứng liên quan trong ngành công nghiệp khai khoáng, đặc biệt là cần có sự cẩn trọng thích đáng đối với các dự án trong lĩnh vực khai thác mỏ và phát triển dầu khí.<sup>2</sup>

33. Khi thực thi nghĩa vụ bảo vệ của mình, nhà nước thành viên cũng cần yêu cầu các doanh nghiệp triển khai nỗ lực tốt nhất của họ để đảm bảo rằng những chủ thể mà các doanh nghiệp này có ảnh hưởng, chẳng hạn như các công ty con (bao gồm tất cả các đơn vị kinh doanh mà họ đầu tư, dù đăng ký theo pháp luật của nhà nước thành viên hoặc theo pháp luật của nhà nước khác) hoặc các đối tác kinh doanh (bao gồm cả các nhà cung cấp, đại lý hoặc nhà thầu phụ), cần phải tôn trọng các quyền trong Công ước. Các doanh nghiệp có trụ sở trong lãnh thổ và / hoặc quyền tài phán của nhà nước thành viên phải được yêu cầu hành động với sự tích cực để xác định, ngăn chặn và giải quyết các vi phạm các quyền trong Công ước bởi các công ty con và các đối tác kinh

---

<sup>1</sup> Điều khoản về trách nhiệm của nhà nước về các hành vi sai trái, Điều 23, bình luận 2.

<sup>2</sup> Báo cáo của Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký về vấn đề nhân quyền và các doanh nghiệp đa quốc gia và các doanh nghiệp khác tại phiên họp thứ 8 của Hội đồng Nhân quyền, Phụ lục Doanh nghiệp và nhân quyền: một khảo sát về các vi phạm nhân quyền liên quan đến doanh nghiệp, A/HRC/8/5/Add.2 (2008).

doanh như vậy, bất kể họ đặt trụ sở ở đâu.<sup>1</sup> Ủy ban nhân mạnh rằng, mặc dù việc áp dụng nghĩa vụ thẩm định như vậy có ảnh hưởng đến các tình huống nằm ngoài lãnh thổ của nhà nước vì các vi phạm tiềm năng đến các quyền trong Công ước trong chuỗi cung ứng toàn cầu hoặc bởi các tập đoàn đa quốc gia cần được ngăn chặn hoặc giải quyết, điều này không hàm ý việc thực thi quyền tài phán ngoài lãnh thổ bởi nhà nước liên quan. Thủ tục giám sát và trách nhiệm giải trình thích hợp phải được thiết lập để đảm bảo phòng ngừa và thực thi có hiệu quả. Các thủ tục đó có thể bao gồm việc áp đặt cho các doanh nghiệp nghĩa vụ báo cáo về chính sách và thủ tục để đảm bảo sự tôn trọng nhân quyền và cung cấp phương tiện hiệu quả về trách nhiệm giải trình và bồi thường cho sự vi phạm các quyền trong Công ước.

34. Trong các trường hợp xuyên quốc gia, trách nhiệm giải trình và tiếp cận các cơ chế hiệu quả đòi hỏi sự hợp tác quốc tế. Ủy ban đã đề cập vấn đề này tại khuyến nghị trong báo cáo về trách nhiệm giải trình và tiếp cận cơ chế khắc phục cho các nạn nhân của vi phạm nhân quyền liên quan đến kinh doanh do Văn phòng Cao ủy Nhân quyền chuẩn bị theo yêu cầu của Hội đồng Nhân quyền<sup>2</sup> rằng các quốc gia

---

<sup>1</sup> Các Nguyên tắc Hướng dẫn, Nguyên tắc 13.

<sup>2</sup> Res. 26/22.

nên “thực hiện các bước, bằng cách sử dụng hướng dẫn [kèm theo báo cáo đó], để cải thiện tính hiệu quả của sự hợp tác xuyên biên giới giữa các cơ quan nhà nước và các cơ quan tư pháp, liên quan đến việc thực thi cả luật công và luật tư của chế độ pháp lý quốc gia”.<sup>1</sup> Việc sử dụng truyền thông trực tiếp giữa các cơ quan thực thi pháp luật về hỗ trợ lẫn nhau nên được khuyến khích để có thể hành động mau lẹ, đặc biệt trong việc truy tố các tội phạm hình sự.

35. Tăng cường hợp tác quốc tế nên giảm rủi ro xung đột tích cực và tiêu cực về thẩm quyền, điều mà có thể dẫn đến sự không chắc chắn về pháp lý và việc đương sự khó khăn đi tìm các tòa án, hoặc các nạn nhân không thể có được bồi thường. Ủy ban hoan nghênh bất kỳ nỗ lực thông qua văn kiện quốc tế có thể tăng cường trách nhiệm của các quốc gia hợp tác về vấn đề này nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình và tiếp cận các cơ chế khắc phục cho các nạn nhân của hành vi vi phạm quyền trong Công ước trong các trường hợp xuyên quốc gia. Hình mẫu có thể thấy trong các văn kiện lĩnh vực này là Công ước Lao động hàng hải của ILO, năm 2006, có hiệu lực kể từ năm 2013, thành lập một hệ thống

---

<sup>1</sup> A/HRC/32/19, các đoạn 24-28 và Phụ lục Báo cáo, Hướng dẫn tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp và tiếp cận tư pháp cho các vi phạm nhân quyền liên quan đến doanh nghiệp, các đoạn 9.1-9.7 và 10.1, và các đoạn 17.1-17.5 (về thực thi luật công) và 18.1-18.2 (về thực thi luật tư).

pháp luật và thanh tra quốc gia được làm hài hòa bởi cả nhà nước mà tàu mang cờ và nhà nước có cảng, khi có khiếu nại của người đi biển khi tàu đi vào một cảng nước ngoài; hoặc Công ước ILO về lao động trong nước (số 189) và Khuyến nghị ILO về người lao động trong nước (số 201).

*Nghĩa vụ thực hiện bên ngoài lãnh thổ*

36. Điều 2.1 của Công ước đặt ra những kỳ vọng rằng nhà nước thành viên có hành động tập thể, bao gồm việc thông qua hợp tác quốc tế, để giúp thực hiện đầy đủ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của người bên ngoài lãnh thổ quốc gia của mình.<sup>1</sup>

37. Phù hợp với Điều 28 của Tuyên ngôn Nhân quyền Phổ quát,<sup>2</sup> nghĩa vụ này đòi hỏi các nhà nước thành viên góp phần tạo ra một môi trường quốc tế cho phép thực hiện đầy đủ các quyền trong Công ước. Nhằm mục đích này, các quốc gia phải thực hiện các bước trong luật pháp và chính sách cần thiết của mình, bao gồm các biện pháp ngoại giao, quan hệ đối ngoại, và giúp thúc đẩy tạo ra một môi trường như vậy. Nhà nước thành viên cũng nên khuyến khích các chủ thể kinh doanh đang ở vị trí để gây ảnh hưởng đảm bảo

---

<sup>1</sup> Bình luận về Các Nguyên tắc Maastricht về nghĩa vụ ngoài lãnh thổ của nhà nước trong lĩnh vực các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Bình luận về Nguyên tắc 28.

<sup>2</sup> G.A. Res. 217A(III) (10/12/1948), Điều 28.

rằng họ không làm suy yếu các nỗ lực của nhà nước nơi họ hoạt động để thực hiện đầy đủ các quyền trong Công ước, ví dụ bằng cách phải dùng đến chiến lược trốn thuế hoặc tránh thuế tại nước có liên quan. Để chống lại thực hành vi phạm về thuế bởi các tập đoàn xuyên quốc gia, các quốc gia nên chống lại việc chuyển nhượng giá và tăng cường hợp tác quốc tế về thuế, và xem xét khả năng đánh thuế các tập đoàn doanh nghiệp đa quốc gia như doanh nghiệp duy nhất, áp đặt một mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu trong một thời kỳ quá độ với nước kém phát triển. Việc giảm tỷ lệ thuế doanh nghiệp chỉ để nhằm thu hút các nhà đầu tư sẽ khuyến khích một cuộc chạy đua thụt lùi, cuối cùng sẽ làm suy yếu khả năng của tất cả các nước để huy động nguồn lực để hiện thực hóa các quyền trong Công ước trong nước. Như vậy, thực hành này là không phù hợp với nghĩa vụ của nhà nước thành viên Công ước. Việc cung cấp sự bảo vệ quá mức để giữ bí mật ngân hàng và các quy tắc dễ dãi về thuế của công ty có thể ảnh hưởng đến khả năng của các quốc gia khi các hoạt động kinh tế diễn ra để đáp ứng nghĩa vụ của họ huy động tối đa các nguồn lực sẵn có để thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Kết luận quan sát về báo cáo định kỳ thứ 6 của Anh quốc và Bắc Ireland (E/C.12/GBR/CO/6, 14/7/2016), các đoạn 16-17; Kết luận quan sát của CEDAW về báo cáo ghép thứ 4 và 5 của Thụy Sĩ (CEDAW/C/CHE/CO/4-5) (18/11/2016), đoạn 41.



#### IV. CÁC CƠ CHẾ KHẮC PHỤC

38. Khi thực thi nghĩa vụ bảo vệ của mình, nhà nước thành viên phải tạo ra cả khuôn khổ pháp luật, chính sách phù hợp và thực thi các khuôn khổ đó. Do vậy, các cơ chế giám sát, điều tra và trách nhiệm giải trình hiệu quả phải sẵn có để đảm bảo trách nhiệm giải trình và tiếp cận các biện pháp khắc phục, tốt nhất là biện pháp pháp lý, cho những người có quyền theo Công ước đã bị vi phạm từ sự liên quan đến các hoạt động kinh doanh. Nhà nước thành viên nên thông báo cho các cá nhân và nhóm quyền của họ và các cơ chế họ có thể tiếp cận liên quan đến các quyền trong Công ước trong bối cảnh hoạt động kinh doanh, đảm bảo rằng thông tin và hướng dẫn cụ thể, bao gồm đánh giá tác động nhân quyền, có thể tiếp cận bởi người dân bản địa.<sup>1</sup> Nhà nước cũng nên cung cấp cho doanh nghiệp các thông tin, sự đào tạo và hỗ trợ liên quan, để đảm bảo rằng họ hiểu về các nghĩa vụ của nhà nước theo Công ước.<sup>2</sup>

---

<sup>1</sup> Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa, Điều 14; Một hướng dẫn cho doanh nghiệp: Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa LHQ, tr. 21-24; và A/68/279, đoạn 56(d).

<sup>2</sup> Các Nguyên tắc Hướng dẫn, Nguyên tắc 8.

## A. Nguyên tắc chung

39. Các nhà nước thành viên phải cung cấp phương tiện thích hợp để bồi thường cho cá nhân hoặc các nhóm bị thiệt hại và đảm bảo trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.<sup>1</sup> Điều này tốt nhất là mang hình thức bảo đảm quyền tiếp cận các cơ quan tư pháp vô tư và độc lập: Ủy ban đã nhấn mạnh rằng “các phương thức khác [để đảm bảo trách nhiệm giải trình] được sử dụng có thể trở nên không hiệu quả nếu chúng không được tăng cường hoặc bổ sung bởi các biện pháp tư pháp”.<sup>2</sup>

40. Hướng dẫn về các biện pháp cho nạn nhân của các vi phạm có hệ thống luật nhân quyền quốc tế và các vi phạm nghiêm trọng luật nhân đạo quốc tế<sup>3</sup> cung cấp các chỉ số hữu ích về các nghĩa vụ của nhà nước, từ nghĩa vụ chung đến nghĩa vụ bảo đảm sự tiếp cận đến các biện pháp hiệu quả. Đặc biệt, nhà nước nên thực thi tất cả các biện pháp cần thiết để phòng ngừa hành vi vi phạm

---

<sup>1</sup> E/C.12/1998/24 (Bình luận chung Số 9 (1998): việc áp dụng Công ước trong nước), đoạn 2.

<sup>2</sup> Như trên, đoạn 3. Xem thêm I.D.G. v. Spain, Khiếu nại số 2/2014, 13/10/2015 (E/C.12/55/D/2/2014) các đoạn 14-15.

<sup>3</sup> A/RES/60/147 (2005) (Các Nguyên tắc và hướng dẫn cơ bản về quyền có cơ chế bồi thường và khắc phục cho các nạn nhân của các vi phạm có hệ thống luật nhân quyền quốc tế và vi phạm nghiêm trọng luật nhân đạo quốc tế), Điều 3 (a)-(d).

quyền; trong trường hợp những biện pháp phòng ngừa như vậy thất bại, cần điều tra kỹ lưỡng và có các hành động thích hợp đối với người bị cáo buộc phạm tội; cung cấp sự tiếp cận hiệu quả cho các nạn nhân đến công lý “không phụ thuộc ai cuối cùng có thể là người chịu trách nhiệm về vi phạm”; và cung cấp các cơ chế hiệu quả cho các nạn nhân, bao gồm việc bồi thường.

41. Các biện pháp khắc phục sẵn có, hiệu quả và nhanh chóng là bắt buộc phải có để thực hiện đầy đủ các quyền trong Công ước. Điều này đòi hỏi các nạn nhân tìm kiếm bồi thường phải có quyền tiếp cận nhanh chóng một cơ quan công quyền độc lập, mà có thẩm quyền để xác định xem một sự vi phạm đã xảy ra hay chưa và ra lệnh chấm dứt vi phạm, và khắc phục những thiệt hại đã xảy ra. Việc khắc phục có thể theo hình thức bồi thường, đền bù, phục hồi chức năng, thỏa mãn yêu cầu, đảm bảo không lặp lại<sup>1</sup>, và phải xem xét đến quan điểm của những nạn nhân. Để đảm bảo không lặp lại, việc khắc phục hiệu quả có thể yêu cầu cải thiện pháp luật và chính sách, điều này đã được chứng minh hiệu quả để ngăn chặn các vi phạm.

42. Do phương thức tổ chức các tập đoàn doanh nghiệp, các chủ thể kinh doanh thường trốn tránh trách nhiệm bằng

---

<sup>1</sup> Như trên, Phần IX, “Bồi thường cho các thiệt hại”.

cách ẩn đàng sau điều gọi là tấm màn che của công ty, khi công ty mẹ cố gắng lẩn tránh trách nhiệm đối với các hành vi của công ty con ngay cả khi nó đã ở một vị trí để ảnh hưởng đến hành xử của công ty con. Các rào cản khác để tiếp cận hiệu quả cơ chế khắc phục cho các nạn nhân của hành vi vi phạm nhân quyền bởi doanh nghiệp bao gồm khó khăn trong việc tiếp cận thông tin và bằng chứng để chứng minh yêu cầu, phần lớn trong số đó thường nằm trong tay của doanh nghiệp bị đơn; không có sẵn các cơ chế bồi thường tập thể khi các vi phạm tràn lan và tỏa rộng; và thiếu trợ giúp pháp lý và các thỏa thuận tài trợ khác để làm cho các khiếu kiện khả thi về tài chính.

43. Nạn nhân của vi phạm bởi các công ty xuyên quốc gia phải đối mặt với những trở ngại cụ thể trong việc tiếp cận các cơ chế hiệu quả. Bên cạnh những khó khăn trong việc chứng minh những thiệt hại hoặc thiết lập mối liên hệ nhân quả giữa hành xử của các doanh nghiệp bị đơn ở một thẩm quyền tài phán và kết quả vi phạm tại một nền pháp lý khác, kiện tụng xuyên quốc gia là tốn kém và thường tốn nhiều thời gian; và khi vắng mặt cơ chế vững chắc cho tương trợ tư pháp, thu thập chứng cứ và thực hiện tại một nước, bản án của nước khác có những thách thức cụ thể. Trong một số hệ thống pháp lý, việc áp dụng học thuyết về “*diễn đàn bất thuận lợi*”, theo đó một tòa án

có thể từ chối thực hiện thẩm quyền nếu đã có diễn đàn khác cho nạn nhân, có thể tạo thành một rào cản đối với khả năng của các nạn nhân cư trú tại một quốc gia tìm kiếm bồi thường trước tòa án của quốc gia nơi doanh nghiệp bị đơn cư trú. Thực hành cho thấy rằng các khiếu nại thường bị từ chối theo học thuyết này ưu tiên thẩm quyền tài phán khác mà không nhất thiết đảm bảo rằng các nạn nhân có sự tiếp cận các cơ chế hiệu quả trong thẩm quyền tài phán thay thế.

44. Các nhà nước thành viên có nghĩa vụ thực hiện các bước cần thiết để giải quyết những thách thức này nhằm ngăn chặn sự chối bỏ công lý và quyền có cơ chế khắc phục và sửa chữa hiệu quả. Điều này đòi hỏi các nhà nước thành viên phải loại bỏ các rào cản về nội dung, thủ tục và thực hành để khắc phục, bao gồm cả việc xây dựng các chế độ trách nhiệm của công ty mẹ hoặc tập đoàn, cung cấp trợ giúp pháp lý và các chương trình tài trợ khác cho nguyên đơn, cho phép các vụ kiện tập thể và tranh tụng vì lợi ích công cộng liên quan đến nhân quyền, tạo điều kiện tiếp cận thông tin liên quan và thu thập chứng cứ ở nước ngoài, bao gồm lời khai nhân chứng, và cho phép các chứng cứ đó được trình bày trong tố tụng tư pháp. Phạm vi cơ chế hiệu quả có sẵn và thực tế trong hệ thống tài phán thay thế nên được xem xét là có tính tiên quyết so với các quyết định của tòa án dựa vào

cân nhắc về *diễn đàn bất thuận lợi*.<sup>1</sup> Việc doanh nghiệp đưa ra các hành động để ngăn cản các cá nhân hoặc nhóm tiếp cận các cơ chế khắc phục, ví dụ bằng cách cáo buộc rằng gây thiệt hại cho uy tín của công ty, không nên bị lạm dụng để tạo ra một hiệu ứng tiêu cực đến việc thực hiện các biện pháp khắc phục như vậy một cách chính đáng.

45. Các nhà nước thành viên cần hỗ trợ việc tiếp cận thông tin thông qua các luật bắt buộc tiết lộ và đề ra các quy tắc về thủ tục cho phép nạn nhân yêu cầu sự tiết lộ bằng chứng mà bị đơn có. Việc chuyển nghĩa vụ chứng minh có thể biện minh khi các dữ kiện và sự kiện có liên quan để giải quyết yêu cầu bồi thường, toàn bộ hoặc một phần, nằm trong hiểu biết hoàn toàn của của công ty bị đơn.<sup>2</sup> Các điều kiện theo đó bảo vệ các bí mật thương mại và căn cứ khác để từ chối tiết lộ có thể được dẫn chiếu cần được định nghĩa một cách chặt chẽ, không gây nguy hại cho quyền của tất cả các bên tham gia xét xử công bằng. Bên cạnh đó, các quốc gia và các cơ quan tư pháp và thực thi pháp luật của họ có bốn phạm phải hợp tác với nhau để thúc đẩy việc chia sẻ thông tin, sự minh bạch và ngăn chặn việc chối bỏ công lý.

---

<sup>1</sup> Xem thêm Khuyến nghị CM/Rev(2016)/3 của Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu về doanh nghiệp và nhân quyền, Annex, đoạn 34.

<sup>2</sup> Như đã lưu ý bởi Ủy ban trong những hoàn cảnh cụ thể liên quan đến các hành vi bị cáo buộc phân biệt đối xử: GC 20, đoạn 40.

46. Nhà nước thành viên phải đảm bảo rằng người dân bản địa được tiếp cận với các cơ chế hiệu quả, cả tư pháp và phi tư pháp, cho tất cả các hành vi vi phạm các quyền cá nhân và tập thể của họ. Các cơ chế nên có sự nhạy cảm với văn hóa bản địa và dễ tiếp cận với người dân bản địa.<sup>1</sup>

47. Ủy ban nhắc lại rằng tất cả các nhánh quyền lực và các cơ quan của quốc gia thành viên, bao gồm các cơ quan tư pháp và thực thi pháp luật, bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ theo Công ước. Các quốc gia phải đảm bảo rằng hệ thống tư pháp, đặc biệt là các thẩm phán và luật sư, đều nắm rõ các nghĩa vụ theo Công ước liên quan đến hoạt động kinh doanh, và rằng họ có thể thực hiện các chức năng một cách hoàn toàn độc lập.

48. Cuối cùng, Ủy ban lưu ý các nhà nước thành viên về những thách thức đối mặt với người bảo vệ nhân quyền.<sup>2</sup> Ủy ban đã thường xuyên gặp các cáo buộc về đe dọa và tấn công nhằm vào những người hoạt động để bảo vệ quyền của họ hoặc quyền của người khác của, đặc biệt trong bối cảnh các dự án khai thác và phát triển.<sup>3</sup> Bên cạnh đó, các lãnh đạo

---

<sup>1</sup> A/68/279, các đoạn 50-53; Một hướng dẫn cho doanh nghiệp: Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa LHQ, p. 39.

<sup>2</sup> Xem Thông cáo được thông qua ngày 7/10/2016, Những người bảo vệ nhân quyền và các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (E/C.12/2016/2).

<sup>3</sup> Xem E/C.12/VNM/CO/2-4 (Kết luận quan sát về báo cáo định kỳ thứ 2 đến thứ 4 của Việt Nam (2014)), đoạn 11; E/C.12/1/Add.44 (Kết luận quan sát về báo cáo đầu tiên của Ai Cập (2000)), đoạn 19; E/C.12/IND/CO/5 (Kết

công đoàn, lãnh đạo phong trào nông dân, lãnh đạo bản địa, và các nhà hoạt động chống tham nhũng thường phải chịu rủi ro bị sách nhiễu. Nhà nước thành viên nên thực hiện mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ những người vận động nhân quyền và công việc của họ. Tránh dùng đến việc truy cứu hình sự để cản trở công việc của họ, hoặc cản trở hoạt động của họ bằng cách khác.

## **B. Các loại cơ chế**

49. Đảm bảo trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với vi phạm các quyền trong Công ước đòi hỏi sự phụ thuộc vào nhiều công cụ khác nhau. Các vi phạm nghiêm trọng nhất đối với Công ước nên phát sinh trách nhiệm hình sự của các doanh nghiệp, và / hoặc các cá nhân có trách nhiệm. Các cơ quan truy tố phải nhận thức được về vai trò của họ trong việc duy trì các quyền trong Công ước. Nạn nhân của hành vi vi phạm quyền trong Công ước nên có quyền tiếp

---

luyện quan sát về báo cáo định kỳ thứ 5 của Ấn Độ (2008)), các đoạn 12, 50; E/C.12/PHIL/CO/4 (Kết luận quan sát về báo cáo định kỳ thứ 2 đến thứ 4 của Philippines (2008)), đoạn 15; E/C.12/COD/CO/4 (Kết luận quan sát về báo cáo định kỳ thứ 2 đến thứ 4 của CHDCND Congo (2009)), đoạn 12; E/C.12/LKA/CO/2-4 (Kết luận quan sát về báo cáo định kỳ thứ 2 đến thứ 4 của Sri Lanka (2010)), đoạn 10; E/C.12/IDN/CO/1 (Kết luận quan sát về báo cáo đầu tiên của Indonesia (2014)), đoạn 28.



cận bồi thường khi quyền trong Công ước bị đe dọa và cho dù có trách nhiệm hình sự hay không.<sup>1</sup>

50. Các nhà nước thành viên cũng nên xem xét việc sử dụng chế tài hành chính để ngăn cản hành vi của chủ thể kinh doanh dẫn đến, hoặc có thể dẫn đến, sự vi phạm các quyền trong Công ước. Ví dụ, trong chế độ mua sắm công của họ, nhà nước có thể từ chối việc giao kết hợp đồng với các công ty chưa cung cấp thông tin về các tác động xã hội hoặc môi trường của các hoạt động của họ hay chưa đưa vào các biện pháp để đảm bảo rằng họ hành động với sự tích cực để tránh hoặc giảm thiểu bất kỳ tác động tiêu cực đến quyền trong Công ước. Tiếp cận với tín dụng xuất khẩu và các hình thức hỗ trợ của nhà nước cũng có thể bị từ chối trong hoàn cảnh như vậy, và trong bối cảnh xuyên quốc gia, các hiệp định đầu tư có thể từ chối bảo vệ các nhà đầu tư nước ngoài của quốc gia đối tác khác tham gia vào các hành vi dẫn đến một sự vi phạm quyền trong Công ước.<sup>2</sup>

---

<sup>1</sup> Xem thêm Hướng dẫn tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp và tiếp cận tư pháp cho các vi phạm nhân quyền liên quan đến doanh nghiệp, soạn thảo bởi OHCHR (A/HRC/32/19, Annex) (đặc biệt là các Mục tiêu Chính sách 4-8 của Hướng dẫn).

<sup>2</sup> Xem ICSID Case No.ARB/07/26, *Urbaser S.A. et al. v. Argentina*, ngày 8/12/2016, các đoạn 1194-1195.

### *Các cơ chế tư pháp*

51. Các vi phạm quyền trong Công ước thường được khắc phục bởi một khiếu kiện cá nhân chống lại nhà nước, có thể trên cơ sở của chính Công ước, hoặc trên cơ sở các quy định hiến pháp hay luật pháp nước đó kết hợp các bảo đảm của Công ước. Tuy nhiên, trường hợp vi phạm là trực tiếp do một chủ thể kinh doanh, nạn nhân nên khởi kiện tổ chức đó trực tiếp trên cơ sở Công ước tại các quốc gia cho phép Công ước áp đặt nghĩa vụ thực hiện đối với khu vực tư nhân, hoặc trên cơ sở pháp luật trong nước lồng ghép Công ước trong trình tự pháp luật quốc gia. Về vấn đề này, các cơ chế dân sự đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tiếp cận công lý cho nạn nhân bị vi phạm các quyền trong Công ước.

52. Tiếp cận hiệu quả công lý cho người dân bản địa có thể yêu cầu các nhà nước thành viên công nhận các luật tục, truyền thống và tập quán của người dân bản địa và quyền sở hữu đất đai và tài nguyên thiên nhiên của họ trong các thủ tục tố tụng tư pháp.<sup>1</sup> Nhà nước thành viên cũng nên đảm bảo việc sử dụng các ngôn ngữ và/hoặc thông dịch viên bản địa trong tòa án và sự sẵn có của dịch

---

<sup>1</sup> A/68/279, trích dẫn trên n. 44, đoạn 34; và Khuyến nghị chung số 31 của CERD về phòng ngừa phân biệt chủng tộc trong hành chính và hoạt động của hệ thống tư pháp (2005), đoạn 5(e).

vụ pháp lý và thông tin về các biện pháp bằng ngôn ngữ bản địa, cũng như đào tạo để cung cấp cho công chức tòa án về lịch sử, truyền thống và tập quán pháp luật của người bản địa.<sup>1</sup>

### *Các cơ chế ngoài tư pháp*

53. Trong khi, nhìn chung, chúng không nên được xem như một sự thay thế cho cơ chế tư pháp (mà thường vẫn rất cần thiết cho việc bảo vệ hiệu quả chống lại một số vi phạm quyền Công ước), các cơ chế ngoài tư pháp có thể góp phần cung cấp phương tiện hiệu quả cho các nạn nhân của các quyền Công ước đã bị vi phạm bởi các chủ thể kinh doanh đảm bảo trách nhiệm giải trình đối với các vi phạm như vậy. Những cơ chế thay thế nên được phối hợp đầy đủ với các cơ chế tư pháp có sẵn liên quan cả đến việc xử phạt và bồi thường cho các nạn nhân.

54. Các quốc gia nên sử dụng một loạt các cơ chế hành chính bán tư pháp, và nhiều trong số đó đã được quy định và xét xử các khía cạnh của hoạt động kinh doanh ở nhiều quốc gia thành viên, chẳng hạn như cơ quan thanh tra và tòa án lao động, các cơ quan bảo vệ người tiêu dùng, môi

---

<sup>1</sup> Một hướng dẫn cho doanh nghiệp: Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa LHQ, tr. 11-2; và Khuyến nghị chung số 31 của CERD về phòng ngừa phân biệt chủng tộc trong hành chính và hoạt động của hệ thống tư pháp (2005), đoạn 30.

trường và giám sát tài chính. Nhà nước thành viên nên xem xét các khả năng mở rộng thẩm quyền của cơ quan này hoặc tạo ra những cơ quan mới với khả năng tiếp nhận, giải quyết khiếu nại về vi phạm một số quyền trong Công ước bởi doanh nghiệp bị cáo buộc, điều tra cáo buộc, áp dụng chế tài, xác định và thi hành việc bồi thường cho các nạn nhân. Các tổ chức nhân quyền quốc gia cần được khuyến khích để thiết lập cấu trúc thích hợp trong tổ chức của họ để theo dõi nghĩa vụ của nhà nước liên quan đến kinh doanh và nhân quyền, và được trao quyền để có thể nhận các khiếu kiện từ nạn nhân của các hành vi của doanh nghiệp.

55. Cơ chế ngoài tư pháp của nhà nước nên cung cấp sự bảo vệ hiệu quả quyền của nạn nhân. Ở đâu có sự thay thế như vậy, khi cơ chế ngoài tư pháp được thành lập, chúng nên có một số đặc điểm để đảm bảo là đáng tin cậy và có thể đóng góp hiệu quả vào việc ngăn ngừa và sửa chữa vi phạm<sup>1</sup>; các quyết định của chúng nên được bảo đảm thực thi, và các cơ chế như vậy nên dễ tiếp cận bởi mọi người.

56. Các cơ chế ngoài tư pháp cho các nạn nhân bản địa nên được phát triển với các dân tộc bản địa liên quan thông

---

<sup>1</sup> Xem Các Nguyên tắc Hướng dẫn, Nguyên tắc 31.

qua các tổ chức đại diện của chính họ.<sup>1</sup> Như với các cơ chế tư pháp, nhà nước thành viên cần giải quyết các rào cản đối với sự tiếp cận cơ chế của người dân bản địa, bao gồm cả rào cản ngôn ngữ.<sup>2</sup>

57. Bên cạnh đó, các biện pháp ngoài tư pháp cũng nên sẵn có trong bối cảnh xuyên quốc gia.<sup>3</sup> Các ví dụ bao gồm sự tiếp cận bởi các nạn nhân ở bên ngoài lãnh thổ của nhà nước đến các tổ chức nhân quyền hoặc cơ quan thanh tra của nhà nước đó, cũng như các cơ chế khiếu nại được thành lập trong các tổ chức quốc tế, chẳng hạn như Điều mỗi Liên hệ Quốc gia hoạt động theo Hướng dẫn của OECD cho Doanh nghiệp đa quốc gia.

## V. THỰC HIỆN

58. Việc đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh phù hợp với các yêu cầu của Công ước đòi hỏi một nỗ lực không ngừng từ các quốc gia thành viên. Để hỗ trợ điều này, các kế hoạch hành động hoặc các chiến lược quốc gia nên được nhà nước thành viên thông qua để đảm bảo thực hiện đầy đủ các

---

<sup>1</sup> Một hướng dẫn cho doanh nghiệp: Tuyên ngôn về Quyền của các dân tộc bản địa LHQ, tr. 34-35.

<sup>2</sup> A/68/279, đoạn 36.

<sup>3</sup> Các Nguyên tắc Hướng dẫn, Nguyên tắc 27.

quyền trong Công ước, cần giải quyết cụ thể về vai trò của các tổ chức kinh doanh trong việc hiện thực hóa dần dần các quyền trong Công ước.

59. Sau khi Các Nguyên tắc Hướng dẫn về kinh doanh và nhân quyền được thông qua, nhiều quốc gia hoặc tổ chức khu vực đã thông qua kế hoạch hành động về kinh doanh và nhân quyền.<sup>1</sup> Đây là một sự phát triển đáng hoan nghênh, đặc biệt nếu các kế hoạch hành động như vậy đặt ra các mục tiêu rõ ràng và cụ thể, phân rõ trách nhiệm của các chủ thể, xác định khung thời gian và phương tiện cần thiết cho việc thực hiện chúng. Các kế hoạch hành động về kinh doanh và nhân quyền nên kết hợp các nguyên tắc quyền con người, bao gồm sự tham gia có hiệu quả và có ý nghĩa, không phân biệt đối xử và bình đẳng giới, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch. Tiến bộ trong việc thực hiện kế hoạch hành động như vậy nên được theo dõi, và kế hoạch đó đặt trọng tâm bình đẳng giữa tất cả các loại quyền, bao gồm cả các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Liên quan đến yêu cầu của việc tham gia vào thiết kế các kế hoạch như vậy, Ủy ban nhắc lại vai trò quan trọng mà cơ quan nhân quyền quốc gia và các tổ

---

<sup>1</sup> Khuyến nghị CM/Rev(2016)/3 của Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu về doanh nghiệp và nhân quyền, Annex, các đoạn 10-12.

chức xã hội dân sự có thể và cần đóng góp vào việc hiện thực hóa đầy đủ các quyền trong Công ước trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh.

**Phụ lục 5**  
**BÌNH LUẬN CHUNG SỐ 16 CỦA ỦY BAN**  
**QUYỀN TRẺ EM VỀ NGHĨA VỤ CỦA**  
**NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÁC ĐỘNG CỦA**  
**KHU VỰC DOANH NGHIỆP LÊN QUYỀN**  
**TRẺ EM**

**I. GIỚI THIỆU VÀ MỤC ĐÍCH**

1. Ủy ban về Quyền Trẻ em ghi nhận rằng tác động của khu vực doanh nghiệp lên quyền trẻ em đã tăng lên trong những thập kỷ qua do những yếu tố như bản chất của các nền kinh tế và hoạt động kinh doanh đang được toàn cầu quá và xu hướng phi tập trung hóa, thuê khoán dịch vụ và tư nhân hóa các chức năng của nhà nước hiện nay đã ảnh hưởng đến việc thụ hưởng các quyền con người. Doanh nghiệp có thể là một động lực quan trọng để các xã hội tiến lên theo những phương thức làm cho quyền trẻ em được thực hiện tốt hơn, như thông qua tiến bộ về công nghệ, đầu tư và tạo ra việc làm tử tế. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền trẻ em không phải là kết quả tự động của tăng trưởng kinh tế và các doanh nghiệp cũng có thể tạo ra những tác động tiêu cực lên quyền trẻ em.



2. Nhà nước có nghĩa vụ liên quan đến tác động từ các hoạt động kinh doanh và vận hành của doanh nghiệp lên quyền trẻ em theo Công ước Quyền Trẻ em và Nghị định thư tùy chọn về buôn bán trẻ em, mãi dâm và khiêu dâm trẻ em và Nghị định thư tùy chọn về việc trẻ em liên lụy đến xung đột vũ trang. Những nghĩa vụ này bao gồm nhiều vấn đề, phản ánh một thực tế là trẻ em vừa là bên có quyền vừa là bên có nghĩa vụ trong hoạt động doanh nghiệp với tư cách là người tiêu dùng, người lao động hợp pháp, người lao động trong tương lai và thành viên của các cộng đồng và môi trường mà doanh nghiệp hoạt động bên trong. Bình luận chung này nhằm làm sáng tỏ những nghĩa vụ này và đưa ra các biện pháp mà nhà nước cần thực hiện để đảm bảo các nghĩa vụ đó.

3. Trong bình luận chung này, khu vực doanh nghiệp được định nghĩa là bao gồm tất cả các doanh nghiệp, cả nội địa và xuyên quốc gia, bất kể quy mô, lĩnh vực, địa điểm, sở hữu và cơ cấu. Bình luận chung này cũng hướng đến các nghĩa vụ của các tổ chức phi lợi nhuận nhưng có vai trò trong việc cung cấp dịch vụ cần thiết cho việc thụ hưởng quyền trẻ em.

4. Nhà nước cần có các khuôn khổ pháp lý và thiết chế phù hợp để tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền trẻ em, và để cung cấp biện pháp khắc phục trong trường hợp vi phạm

do các hoạt động của doanh nghiệp. Về mặt này, nhà nước cần lưu ý rằng:

(a) Tuổi thơ là một thời kỳ độc nhất để phát triển thể chất, tâm lý, cảm xúc và tinh thần và việc vi phạm quyền trẻ em, như phải tiếp xúc với bạo lực, lao động trẻ em hay các sản phẩm không an toàn hoặc môi trường độc hại có thể có những hậu quả suốt đời, không thể khắc phục, thậm chí kéo dài qua nhiều thế hệ;

(b) Trẻ em thường không có tiếng nói về chính trị và thiếu tiếp cận những thông tin phù hợp. Các em phụ thuộc vào các hệ thống quản trị, trong khi lại có rất ít ảnh hưởng lên các hệ thống này để có thể đảm bảo các quyền của mình. Điều này khiến cho các em khó có tiếng nói gì trong các quyết định như các luật và chính sách có ảnh hưởng đến quyền của các em. Trong quá trình ra quyết định, nhà nước có thể không cân nhắc đầy đủ tác động đến trẻ em của các luật và chính sách liên quan đến doanh nghiệp, trong khi, ngược lại, khu vực doanh nghiệp thường có ảnh hưởng mạnh mẽ lên các quyết định mà không cân nhắc đến quyền trẻ em;

(c) Nhìn chung, trẻ em thường khó với tới các biện pháp khắc phục - dù là tòa án hay các cơ chế khác - khi quyền của các em bị vi phạm, thậm chí còn khó hơn khi bị vi phạm bởi doanh nghiệp. Trẻ em thiếu tư cách pháp lý, thiếu kiến thức

về cơ chế khắc phục, thiếu nguồn lực và thiếu tính hiện diện pháp lý phù hợp. Ngoài ra, có những khó khăn đặc biệt với trẻ em trong việc đạt được sự khắc phục với những vi phạm xảy ra trong điều kiện các doanh nghiệp có hoạt động trên toàn cầu.

5. Với nhiều quyền trẻ em có thể bị vi phạm do các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp, bình luận chung này không đi vào xem xét từng điều cụ thể của Công ước và các Nghị định thư. Thay vào đó, bình luận chung này nhằm cung cấp cho nhà nước một khuôn khổ để thực hiện Công ước một cách tổng thể liên quan đến khu vực doanh nghiệp, trong khi tập trung vào những bối cảnh cụ thể khiến cho ảnh hưởng của các hoạt động doanh nghiệp có thể rõ ràng nhất. Bình luận chung này nhằm cung cấp cho nhà nước hướng dẫn về việc các nhà nước nên hành động như thế nào để:

(a) Đảm bảo rằng các hoạt động và vận hành của các doanh nghiệp không có tác động xấu đến quyền trẻ em;

(b) Tạo ra một môi trường thuận lợi và hỗ trợ doanh nghiệp tôn trọng quyền trẻ em, bao gồm việc tôn trọng xuyên suốt bất kỳ quan hệ kinh doanh nào liên quan đến hoạt động doanh nghiệp, sản phẩm hay dịch vụ và xuyên suốt vận hành toàn cầu của doanh nghiệp; và

(c) Đảm bảo tiếp cận biện pháp khắc phục có hiệu quả dành cho trẻ em có quyền bị một doanh nghiệp xâm phạm dù là tư nhân hay nhà nước.

6. Bình luận chung này được rút từ kinh nghiệm của Ủy ban trong việc xem xét các báo cáo của nhà nước và những ngày thảo luận chung về khu vực tư nhân như là bên cung cấp dịch vụ vào năm 2002.<sup>1</sup> Bình luận chung này cũng là kết quả tham vấn khu vực và quốc tế với nhiều bên liên quan, bao gồm trẻ em, cũng như thông qua các tham vấn công khai tiến hành từ năm 2011.

7. Ủy ban lưu tâm về mối quan hệ giữa bình luận chung này với các chuẩn mực và hướng dẫn chính sách hiện có và đang được xây dựng ở cấp quốc gia và quốc tế về doanh nghiệp và nhân quyền. Bình luận chung này nhất quán với các công ước quốc tế, bao gồm Công ước số 182 (1999) của ILO về việc Cấm và Hành động ngay để xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và Công ước số 138 (1973) về Tuổi tối thiểu để được nhận vào làm việc. Ủy ban ghi nhận mối liên quan với Khôn khổ “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” và Các Nguyên tắc hướng dẫn về Doanh nghiệp và Nhân quyền được Hội đồng Nhân quyền thông qua, và

---

<sup>1</sup> Ủy ban về Quyền trẻ em, báo cáo về kỳ họp thứ 31 của Ủy ban, CRC/C/121, phụ lục II.

Tuyên bố Nguyên tắc ba bên của ILO về các Công ty đa quốc gia và Chính sách xã hội. Các tài liệu khác, như Hướng dẫn cho các công ty đa quốc gia của OECD, Hiệp ước Toàn cầu (Global Compact), Nghiên cứu của LHQ về bạo lực với trẻ em và quyền trẻ em và nguyên tắc kinh doanh là các nguồn tham khảo hữu ích đối với Ủy ban.

## II. PHẠM VI VÀ ÁP DỤNG

8. Bình luận chung này chủ yếu đề cập nghĩa vụ của nhà nước theo Công ước và các nghị định thư kèm theo. Ở đây chưa có một văn kiện ràng buộc pháp lý nào về trách nhiệm của khu vực doanh nghiệp với nhân quyền. Tuy nhiên, Ủy ban ghi nhận rằng các nghĩa vụ và trách nhiệm tôn trọng quyền trẻ em mở rộng đến các thực hành bên ngoài nhà nước và các dịch vụ và thiết chế do nhà nước kiểm soát và áp dụng với các tác nhân thuộc khu vực tư nhân và các doanh nghiệp. Vì vậy, tất cả các doanh nghiệp phải đáp ứng trách nhiệm về quyền trẻ em của mình và các nhà nước phải đảm bảo doanh nghiệp sẽ thực hiện điều này. Ngoài ra, doanh nghiệp không được làm ảnh hưởng xấu đến việc nhà nước thực hiện các nghĩa vụ của nhà nước đối với trẻ em theo Công ước và các nghị định thư tùy chọn kèm theo.

9. Ủy ban ghi nhận rằng những hành động tự nguyện của doanh nghiệp về trách nhiệm doanh nghiệp, ví dụ như đầu tư xã hội, tham gia vào vận động và chính sách xã hội, các bộ nguyên tắc ứng xử tự nguyện, từ thiện và các hành động tập thể khác, có thể thúc đẩy quyền trẻ em. Nhà nước nên khuyến khích các hành động và sáng kiến tự nguyện này như là phương tiện để tạo dựng một văn hóa doanh nghiệp về tôn trọng và hỗ trợ quyền trẻ em. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng những hành động và sáng kiến tự nguyện này không thay thế được các hành động và quy tắc của nhà nước về doanh nghiệp hoặc theo nghĩa vụ do Công ước và các nghị định thư kèm theo đặt ra hoặc để doanh nghiệp tuân thủ trách nhiệm của họ về tôn trọng quyền trẻ em.

10. Cần nhắc lại một điều quan trọng là Công ước và các nghị định thư kèm theo cam kết với nhà nước như một tổng thể, bất kể cấu trúc bên trong, các nhánh hay tổ chức nhà nước thế nào. Thêm nữa, việc phi tập trung hóa quyền lực, thông qua sự ủy thác và ủy nhiệm, không làm giảm trách nhiệm trực tiếp của nhà nước trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình với tất cả trẻ em trong phạm vi tài phán của mình.

11. Bình luận chung này trước hết xem xét đến mối quan hệ giữa trách nhiệm của nhà nước về các hoạt động của doanh nghiệp và những nguyên tắc chung của Công ước.

Sau đó bình luận chung này định nghĩa bản chất chung và phạm vi của nghĩa vụ nhà nước về quyền trẻ em và khu vực doanh nghiệp. Tiếp theo bình luận này xem xét phạm vi nghĩa vụ trong những hoàn cảnh mà ảnh hưởng của các hoạt động và vận hành doanh nghiệp lên quyền trẻ em là rõ ràng nhất, bao gồm khi doanh nghiệp là nơi cung cấp dịch vụ, trẻ em chịu ảnh hưởng trong nền kinh tế phi chính thức, và nhà nước trong mối quan hệ với các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp vận hành ở nước ngoài nơi chưa đủ sự bảo vệ của nhà nước với quyền trẻ em. Bình luận chung này kết thúc bằng việc đưa ra một khuôn khổ thực thi và phổ biến.

### **III. CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA CÔNG ƯỚC TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

12. Quyền trẻ em là phổ quát, không thể bị chia tách, phụ thuộc lẫn nhau và liên quan với nhau. Ủy ban đã đưa ra bốn nguyên tắc chung của Công ước làm nền tảng cho mọi quyết định và hành động của nhà nước về hoạt động và vận hành của doanh nghiệp theo tiếp cận quyền trẻ em.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Xem Bình luận chung số 13 (2011) của Ủy ban về Quyền trẻ em về quyền của trẻ em tự do khỏi tất cả các hình thức bạo lực, Biên bản chính thức của Đại hội đồng, Kỳ họp thứ 67, Phụ chương số 41 (A/67/41), phụ lục V, đoạn 59.

**A. Quyền không bị phân biệt đối xử (điều 2)**

13. Điều 2 Công ước kêu gọi các nhà nước tôn trọng và đảm bảo quyền của mỗi trẻ em trong phạm vi tài phán của mình “không có phân biệt đối xử về bất kỳ điều gì, bất kể vì chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay quan điểm khác, quốc tịch, tộc người hay nguồn gốc xã hội, tài sản, tình trạng khuyết tật, sinh thành hay điều kiện gì khác của một trẻ em hay của cha hoặc mẹ hay của người giám hộ hợp pháp của trẻ”. Nhà nước phải đảm bảo rằng tất cả các quy định pháp luật, chính sách và các chương trình về các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp không có sự phân biệt đối xử cố ý hay vô tình đối với trẻ em, trong nội dung và trong quá trình thực hiện; ví dụ, những quy định, chính sách hay chương trình về tiếp cận việc làm với cha mẹ hoặc với người chăm sóc trẻ, hoặc tiếp cận hàng hóa và dịch vụ cho trẻ em khuyết tật.

14. Nhà nước được yêu cầu phòng, chống việc phân biệt đối xử trong khu vực tư nhân nói chung và cung cấp biện pháp khắc phục nếu xảy ra phân biệt đối xử. Nhà nước cần thu thập số liệu thống kê được phân tích thích đáng và các thông tin khác để xác định việc phân biệt đối xử với trẻ em trong bối cảnh các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp và cần thiết lập các cơ chế giám sát và điều tra các thực hành phân biệt đối xử trong lĩnh vực doanh nghiệp. Nhà nước



cũng cần tiến hành các bước để tạo ra một môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tôn trọng quyền được bảo vệ khỏi phân biệt đối xử bằng cách khuyến khích kiến thức và những hiểu biết về quyền trong khu vực doanh nghiệp, bao gồm trong lĩnh vực kinh doanh truyền thông, tiếp thị và quảng cáo. Việc nâng cao nhận thức và nhạy cảm hóa các doanh nghiệp cần nhằm đến việc thách thức và xóa bỏ những thái độ phân biệt đối xử với tất cả trẻ em, đặc biệt là những trẻ ở trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương.

### **B. Lợi ích tốt nhất của trẻ (điều 3 khoản 1)**

15. Điều 3, khoản 1 của Công ước quy định rằng lợi ích tốt nhất của trẻ phải là một cân nhắc căn bản của nhà nước trong tất cả hành động liên quan đến trẻ em. Nhà nước có nghĩa vụ tích hợp và áp dụng nguyên tắc này trong tất cả các quy định pháp luật, hành chính và tư pháp liên quan đến các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp lên trẻ em. Ví dụ, nhà nước phải đảm bảo lợi ích tốt nhất của trẻ, coi trẻ em là trung tâm của việc xây dựng pháp luật và chính sách quy định các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp, chẳng hạn như những quy định về việc làm, thuế, tham nhũng, tư nhân hóa, giao thông hay các vấn đề kinh tế chung, thương mại hay tài chính.

16. Điều 3, khoản 1 cũng áp dụng trực tiếp cho các doanh nghiệp hoạt động như các cơ quan phúc lợi xã hội công hoặc tư thông qua việc cung cấp bất kỳ dịch vụ nào cho trẻ em, bao gồm các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế, y tế, sức khỏe và việc quản lý các cơ sở lưu trú hay giam giữ.

17. Công ước và các nghị định thư kèm theo đưa ra một khuôn khổ để đánh giá và xác định lợi ích tốt nhất của trẻ em. Nghĩa vụ tạo ra lợi ích tốt nhất của trẻ là một cân nhắc căn bản có vai trò rất quan trọng khi nhà nước cân nhắc các ưu tiên cạnh tranh nhau, ví dụ như lợi ích kinh tế ngắn hạn hay các quyết định phát triển lâu dài. Nhà nước nên đóng vai trò giải thích quyền được cân nhắc lợi ích tốt nhất của trẻ đã được tôn trọng như thế nào trong quá trình ra quyết định, bao gồm việc quyền này đã được coi trọng so với những cân nhắc khác như thế nào.<sup>1</sup>

### **C. Quyền sống, tồn tại và phát triển (điều 6)**

18. Điều 6 của Công ước ghi nhận rằng mỗi trẻ em vốn có quyền sống và các nhà nước phải đảm bảo sự sống còn và phát triển của trẻ. Ủy ban đưa ra cách hiểu về sự phát triển của trẻ trong Bình luận chung số 5 (2003) về các biện pháp

---

<sup>1</sup> Xem Bình luận chung số 14 (2013) về quyền của trẻ em được cân nhắc lợi ích tốt nhất của mình như một ưu tiên căn bản: điều 3, khoản 1 Công ước Quyền trẻ em, đoạn 6.

chung để thực hiện Công ước, như là “một khái niệm toàn diện, bao trùm sự phát triển thể chất, tâm thần, tinh thần, đạo đức, tâm lý và xã hội”.<sup>1</sup>

19. Các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp có thể ảnh hưởng lên việc thực hiện Điều 6 theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ, việc suy thoái môi trường và ô nhiễm do hoạt động của doanh nghiệp có thể làm ảnh hưởng đến quyền về sức khỏe của trẻ, an toàn lương thực và quyền tiếp cận với nước uống an toàn và vệ sinh của trẻ. Việc bán hay cho nhà đầu tư thuê đất có thể tước đoạt quyền tiếp cận tài nguyên thiên nhiên của dân địa phương, vốn kết nối với nguồn sống và di sản văn hóa của họ; các quyền của trẻ em bản địa trong những hoàn cảnh này có thể đặc biệt chịu rủi ro.<sup>2</sup> Việc tiếp thị đến trẻ em những sản phẩm như thuốc lá và đồ uống có cồn cũng như đồ ăn và đồ uống có nhiều chất béo bão hòa, axit béo chuyển hóa, đường, muối hay chất gây nghiện có thể có ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe của trẻ.<sup>3</sup> Khi việc sử dụng lao động trong doanh nghiệp đòi hỏi người lớn phải

---

<sup>1</sup> Xem Biên bản chính thức của Đại hội đồng, kỳ họp thứ 59, phụ lục số 41 (A/59/41), Phụ lục XI, đoạn 12.

<sup>2</sup> Bình luận chung số 11 (2009) về trẻ em bản địa và quyền của các em theo Công ước, Biên bản chính thức của Đại hội đồng, Kỳ họp thứ 65, Phụ chương số 41, (A/65/41), phụ lục III, đoạn 35.

<sup>3</sup> Xem Bình luận chung số 15 (2013) về quyền trẻ em có sức khỏe tốt nhất, đoạn 47.

làm việc kéo dài thời gian, trẻ em lớn, đặc biệt là các em gái, có thể phải gánh vác công việc nhà và trông trẻ của cha mẹ, việc này có thể ảnh hưởng xấu đến quyền học và chơi của các em; ngoài ra, để trẻ em một mình hoặc cho anh chị lớn hơn trông nom có thể có ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc và sức khỏe của trẻ nhỏ.

20. Các biện pháp thực hiện Điều 6 liên quan đến khu vực doanh nghiệp sẽ cần được điều chỉnh theo tình hình thực tế và bao gồm các biện pháp phòng chống như các quy định có hiệu quả và giám sát ngành công nghiệp quảng cáo và tiếp thị và tác động môi trường của doanh nghiệp. Về việc chăm sóc trẻ em, đặc biệt là trẻ nhỏ, sẽ cần các biện pháp để tạo một môi trường thân thiện giúp doanh nghiệp tôn trọng Điều 6 thông qua, ví dụ, giới thiệu chính sách nơi làm việc thân thiện với gia đình. Những chính sách như thế này phải tính đến tác động của giờ làm việc của người lớn lên sự sống còn và phát triển của trẻ em ở mọi giai đoạn phát triển và phải bao gồm quy định nghỉ phép có lương dành cho cha mẹ một cách thích đáng.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Xem bình luận chung số 7(2005) về thực hiện quyền trẻ em ở giai đoạn ấu thơ, Biên bản chính thức của Đại hội đồng, Kỳ họp thứ 61, Phụ chương số 41 (A/61/41), phụ lục III.

#### **D. Quyền được lắng nghe của trẻ em (điều 12)**

21. Điều 12 của Công ước quy định quyền của mọi trẻ em tự do biểu đạt quan điểm của mình, trong tất cả các vấn đề ảnh hưởng đến em, và theo đó, quyền được xem trọng những quan điểm đó một cách đúng mức, theo tuổi và độ trưởng thành của trẻ. Nhà nước cần thường xuyên lắng nghe quan điểm của trẻ - theo Bình luận chung số 12<sup>1</sup> - khi xây dựng luật và chính sách ở cấp quốc gia và địa phương có thể ảnh hưởng đến trẻ. Đặc biệt, nhà nước cần tham vấn những trẻ em gặp khó khăn trong việc làm cho các em được lắng nghe, ví dụ như trẻ em thuộc các nhóm thiểu số và bản địa, trẻ em khuyết tật như quy định trong Điều 4, khoản 3 và 7 của Công ước về Quyền của Người khuyết tật<sup>2</sup>, và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương tương tự. Các cơ quan chính phủ, chẳng hạn như thanh tra giáo dục hay thanh tra lao động, có trách nhiệm đưa đặt ra quy định và giám sát các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp cần đảm bảo rằng họ cân nhắc quan điểm của những trẻ em bị

---

<sup>1</sup> Bình luận chung số 12 (2009) về quyền được lắng nghe của trẻ em, Biên bản chính thức của Đại hội đồng, Kỳ họp thứ 65, Phụ chương số 41 (A/65/41), phụ lục IV.

<sup>2</sup> Bình luận chung số 9 (2006) về quyền của trẻ em khuyết tật, Biên bản chính thức của Đại hội đồng, Kỳ họp thứ 65, Phụ chương số 41 (A/65/41), phụ lục III.

ảnh hưởng. Nhà nước cũng cần lắng nghe trẻ em khi đánh giá tác động lên quyền trẻ em của những chính sách, luật pháp, quy định, ngân sách hay các quyết định hành chính được đề xuất có liên quan đến doanh nghiệp.

22. Trẻ em có một quyền cụ thể “được lắng nghe trong bất kỳ tổ tụng hành chính và tư pháp nào ảnh hưởng đến trẻ” (Điều 12 khoản 3 của Công ước). Điều này bao gồm các thủ tục tố tụng và cơ chế hòa giải và trọng tài liên quan đến việc vi phạm quyền trẻ em do doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra. Như đã đưa ở Bình luận chung số 12, trẻ em phải được cho phép tự nguyện tham gia trong các thủ tục tố tụng này và phải được tạo cơ hội lắng nghe trực tiếp hay gián tiếp thông qua sự hỗ trợ của một người đại diện hoặc một cơ quan phù hợp có đủ kiến thức và hiểu biết về nhiều khía cạnh của quá trình ra quyết định cũng như có kinh nghiệm làm việc với trẻ em.

23. Có thể có những trường hợp doanh nghiệp tham vấn với cộng đồng có thể bị ảnh hưởng bởi một dự án kinh doanh được đề xuất. Trong hoàn cảnh này, doanh nghiệp cần tìm hiểu quan điểm của trẻ em và cân nhắc những quan điểm này trong các quyết định có thể ảnh hưởng đến các em. Nhà nước cần cung cấp cho doanh nghiệp những hướng dẫn chi tiết nhấn mạnh rằng quá trình tìm hiểu này phải tiếp cận được, dung hợp và có ý nghĩa với trẻ em và có cân nhắc

đến năng lực đang phát triển của trẻ em cũng như lợi ích tốt nhất của trẻ trong mọi giai đoạn. Việc tham gia của trẻ phải là tự nguyện và diễn ra trong một môi trường thân thiện và giúp thay đổi chứ không nhấn mạnh thêm những xu hướng phân biệt đối xử với trẻ em. Khi có thể, nên có sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự có năng lực trong việc tổ chức và hỗ trợ sự tham gia của trẻ em.

#### **IV. BẢN CHẤT VÀ PHẠM VI NGHĨA VỤ CỦA NHÀ NƯỚC**

##### **A. Các nghĩa vụ chung**

24. Công ước quy định một số quyền trẻ em đặt ra những nghĩa vụ của nhà nước ở một mức độ nhất định cụ thể trên quan điểm vị thế đặc biệt của trẻ em; việc vi phạm quyền trẻ em có mức độ đặc biệt nghiêm trọng vì những vi phạm này thường có ảnh hưởng nghiêm trọng và lâu dài đến sự phát triển của trẻ. Điều 4 đưa ra nghĩa vụ của nhà nước tiến hành tất cả các biện pháp lập pháp, hành chính và các biện pháp phù hợp khác và dành tối đa nguồn lực có được để thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của trẻ em.

25. Theo luật nhân quyền quốc tế, có ba loại nghĩa vụ áp dụng với nhà nước: tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền

con người.<sup>1</sup> Những nghĩa vụ này bao gồm nghĩa vụ về kết quả và nghĩa vụ về hành động. Nhà nước không thoái bỏ được những nghĩa vụ theo Công ước và các nghị định thư kèm theo khi các chức năng của nó được ủy thác hoặc thuê khoán cho doanh nghiệp tư nhân hoặc các tổ chức phi lợi nhuận. Nhà nước vì thế sẽ vi phạm nghĩa vụ theo Công ước nếu thất bại trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền trẻ em liên quan đến các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến trẻ em. Phạm vi của những nghĩa vụ này được trình bày dưới đây, trong khi khuôn khổ cần thiết để thực hiện được thảo luận ở Chương IV.

## **B. Nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm**

### *1. Nghĩa vụ tôn trọng*

26. Nghĩa vụ tôn trọng nghĩa là nhà nước không nên trực tiếp hay gián tiếp tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích bất kỳ việc xâm phạm quyền trẻ em nào. Thêm nữa, nhà nước có nghĩa vụ đảm bảo rằng tất cả các bên tôn trọng quyền trẻ em, bao gồm cả trong các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp. Để đạt được điều này, tất cả các chính sách, quy định pháp luật hay hành chính cũng như việc ra các quyết

---

<sup>1</sup> Xem Bình luận chung số 13 (1999) của Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa về quyền giáo dục, Biên bản chính thức của Hội đồng Kinh tế và Xã hội 2000, Phụ chương số 2 (E/2000/22), phụ lục VI, đoạn 46.



định liên quan đến doanh nghiệp phải minh bạch, rõ ràng và bao gồm việc cân nhắc đầy đủ và liên tục các tác động lên quyền trẻ em.

27. Nghĩa vụ tôn trọng cũng hàm ý rằng nhà nước không nên có liên quan, hỗ trợ hay bỏ qua các vi phạm quyền trẻ em khi bản thân nhà nước đóng vai trò kinh doanh hay tiến hành kinh doanh cùng doanh nghiệp tư nhân. Ví dụ, nhà nước phải tiến hành các bước để đảm bảo các hợp đồng mua sắm công được giao cho các nhà thầu cam kết tôn trọng quyền trẻ em. Các cơ quan và thiết chế nhà nước, bao gồm lực lượng an ninh, không được hợp tác hay bỏ qua việc vi phạm quyền trẻ em của bên thứ ba. Ngoài ra, nhà nước không nên đầu tư tài chính công hay các nguồn lực khác vào các hoạt động kinh doanh vi phạm quyền trẻ em.

## *2. Nghĩa vụ bảo vệ*

28. Nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ trẻ em khỏi việc vi phạm các quyền được đảm bảo theo Công ước và các nghị định thư kèm theo của bên thứ ba. Nghĩa vụ này có tầm quan trọng căn bản khi nói đến nghĩa vụ của nhà nước liên quan đến khu vực doanh nghiệp. Nghĩa vụ này có nghĩa là nhà nước phải tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết, phù hợp và hợp lý để ngăn ngừa doanh nghiệp gây ra hay góp phần gây ra xâm phạm quyền trẻ em. Những biện pháp này có thể bao gồm việc thông qua luật và quy định, giám sát và

thực hiện các luật và quy định đó, và đưa ra những chính sách quy định việc doanh nghiệp có thể ảnh hưởng lên quyền trẻ em như thế nào. Nhà nước phải điều tra, xét xử và khắc phục những vi phạm quyền trẻ em do doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra. Một nhà nước, vì thế, có trách nhiệm trước việc quyền trẻ em bị vi phạm do doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra vì trong trường hợp này nhà nước đã thất bại trong việc tiến hành những biện pháp cần thiết, phù hợp và hợp lý để ngăn chặn và khắc phục những vi phạm này, hoặc vì đã hợp tác hoặc chấp nhận những vi phạm này.

### *3. Nghĩa vụ bảo đảm*

29. Nghĩa vụ bảo đảm yêu cầu nhà nước phải có hành động chủ động tạo điều kiện, thúc đẩy và cung cấp để đảm bảo việc thụ hưởng các quyền của trẻ em. Điều này nghĩa là nhà nước phải thực hiện các biện pháp lập pháp, hành chính, ngân sách, tư pháp, thúc đẩy và các biện pháp khác theo Điều 4 liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và tác động lên quyền trẻ em. Những biện pháp này cần đảm bảo môi trường tốt nhất cho việc hiện thực hóa Công ước và các nghị định thư kèm theo. Để đáp ứng nghĩa vụ này, nhà nước cần cung cấp một môi trường pháp lý ổn định và đoán trước được, cho phép các doanh nghiệp tôn trọng quyền trẻ em. Điều này bao gồm các luật và chuẩn mực rõ ràng và

được thực thi tốt về lao động, việc làm, sức khỏe và an toàn, môi trường, chống tham nhũng, sử dụng đất và thuế tuân thủ với Công ước và các nghị định thư kèm theo. Việc này cũng bao gồm các luật và chính sách được tạo ra để tạo bình đẳng về cơ hội và đối xử trong công việc; các biện pháp xúc tiến dạy nghề và tạo việc làm tử tế, và nâng mức sống; và các chính sách thuận lợi cho việc thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhà nước cần đưa ra các biện pháp khuyến khích việc hiểu biết về Công ước và các nghị định thư kèm theo trong các cơ quan chính phủ, các thiết chế của nhà nước có trách nhiệm hình thành các thực hành kinh doanh, và thúc đẩy một văn hóa tôn trọng quyền trẻ em.

#### ***4. Khắc phục và sửa chữa***

30. Nhà nước có nghĩa vụ cung cấp các biện pháp khắc phục và sửa chữa hiệu quả những vi phạm quyền trẻ em, bao gồm vi phạm của bên thứ ba, chẳng hạn như doanh nghiệp. Ủy ban nêu trong Bình luận chung số 5 rằng phải có quyền có biện pháp khắc phục hiệu quả và có ý nghĩa để giải quyết các vi phạm.<sup>1</sup> Nhiều điều trong Công ước kêu gọi

---

<sup>1</sup> Bình luận chung số 5 (2003), đoạn 24. Nhà nước cần cân nhắc các Nguyên tắc căn bản và Hướng dẫn về quyền có biện pháp khắc phục và phục hồi cho nạn nhân của những vi phạm lớn với Luật Nhân quyền quốc tế và những vi phạm nghiêm trọng Luật Nhân đạo quốc tế được Đại hội đồng thông qua tại Nghị quyết 60/147 năm 2005.

trừng phạt, bồi thường, có các hành động và biện pháp tư pháp để thúc đẩy việc bồi hoàn những tổn hại do bên thứ ba trực tiếp hay góp phần gây ra.<sup>1</sup> Việc thỏa mãn nghĩa vụ này bao gồm việc có sẵn các cơ chế nhạy cảm với trẻ em - bao gồm các cơ chế hình sự, dân sự hay hành chính - được trẻ em và đại diện trẻ em biết đến, những cơ chế này phải hành động kịp thời, thực sự sẵn có và tiếp cận được và có thể cung cấp các biện pháp sửa chữa phù hợp với những tổn hại trẻ em phải chịu. Các cơ quan có quyền lực giám sát liên quan đến quyền trẻ em, bao gồm thanh tra lao động, giáo dục, y tế và an toàn, các phiên tòa môi trường, cơ quan thuế, cơ quan nhân quyền quốc gia và các cơ quan khác về bình đẳng trong khu vực doanh nghiệp cũng có thể có một vai trò trong việc cung cấp các biện pháp khắc phục. Những cơ quan này có thể tích cực điều tra và giám sát các vi phạm và cũng có thể có quyền đặt ra những quy định cho phép họ áp các chế tài hành chính lên các doanh nghiệp vi phạm quyền trẻ em. Trong tất cả các trường hợp, trẻ em phải trông cậy được vào một hệ thống tư pháp độc lập và vô tư, hoặc việc có cơ quan tư pháp rà soát các thủ tục hành chính.

31. Khi xác định mức độ hay hình thức khắc phục, các cơ chế phải cân nhắc rằng trẻ em có thể dễ bị tổn thương do

---

<sup>1</sup> Ví dụ, xem Công ước Quyền Trẻ em, điều 32, đoạn 2; 19; và 39.

hậu quả của việc xâm hại quyền của các em hơn so với người lớn, và hậu quả có thể không thể đảo ngược và dẫn đến những tổn hại suốt đời. Các cơ chế này cũng cần cân nhắc bản chất của sự phát triển và năng lực trẻ em là tiến triển và biện pháp phục hồi phải kịp thời để hạn chế những tổn hại đang và sẽ diễn ra với trẻ em bị ảnh hưởng; ví dụ, nếu trẻ em được xác định là nạn nhân của ô nhiễm môi trường, các bên liên quan cần tiến hành ngay các bước để hạn chế việc tổn hại thêm cho sức khỏe và sự phát triển của trẻ, và phục hồi những tổn hại đã xảy ra. Nhà nước cần hỗ trợ về y tế và tâm lý, pháp lý và các biện pháp phục hồi cho trẻ em là nạn nhân bị xâm hại và bạo lực do doanh nghiệp trực tiếp hoặc góp phần gây ra. Nhà nước cũng phải đảm bảo sẽ không tái diễn việc xâm phạm, thông qua, ví dụ, cải cách các luật và chính sách và việc áp dụng, bao gồm truy tố hay trừng phạt các doanh nghiệp có dính líu.

## **V. NGHĨA VỤ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ**

32. Các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp có thể có tác động lên một loạt quyền của trẻ em. Tuy nhiên, Ủy ban đã xác định những trường hợp cụ thể nhưng không phải là duy nhất sau đây, trong đó tác động của doanh nghiệp có thể có tác động rõ ràng, đồng thời cũng là những trường hợp

mà khuôn khổ pháp lý và thể chế của nhà nước thường chưa đầy đủ, hiệu quả, hoặc có sức ép.

### **A. Cung cấp các dịch vụ thụ hưởng quyền trẻ em**

33. Doanh nghiệp và các tổ chức phi lợi nhuận có thể có vai trò trong việc cung cấp và quản lý các dịch vụ như nước sạch, vệ sinh, giáo dục, giao thông, y tế, chăm sóc thay thế, năng lượng, an toàn và các cơ sở giam giữ - những dịch vụ quan trọng đối với việc thụ hưởng các quyền trẻ em. Ủy ban không mô tả hình thức cung cấp các dịch vụ này nhưng cần nhấn mạnh rằng nhà nước không được miễn trừ nghĩa vụ khi nhà nước thuê khoán hay tư nhân hóa các dịch vụ có ảnh hưởng đến việc thụ hưởng quyền trẻ em.

34. Nhà nước phải tiến hành các biện pháp cụ thể có tính đến sự phát triển của khu vực tư nhân trong việc cung cấp các dịch vụ để đảm bảo các quyền quy định trong Công ước không bị ảnh hưởng.<sup>1</sup> Nhà nước có nghĩa vụ đưa ra các chuẩn mực phù hợp với Công ước và giám sát chặt chẽ qua các tiêu chuẩn này. Giám sát, thanh tra và quản lý các chuẩn mực này không đầy đủ sẽ dẫn đến các vi phạm nghiêm trọng quyền trẻ em như bạo lực, bóc lột hoặc xao nhãng. Nhà nước phải đảm bảo rằng các quy định chuẩn

---

<sup>1</sup> Xem Ủy ban về Quyền trẻ em, báo cáo kỳ họp thứ 31, CRC/C/121, phụ lục II.

mục không ảnh hưởng xấu đến việc trẻ em tiếp cận các dịch vụ do các tiêu chí mang tính phân biệt đối xử, đặc biệt theo nguyên tắc bảo vệ khỏi phân biệt đối xử, và rằng, trong tất cả các lĩnh vực dịch vụ, trẻ em tiếp cận được với một cơ quan giám sát độc lập, các cơ chế khiếu nại và khi cần, biện pháp tư pháp để có thể khắc phục hiệu quả trong trường hợp có vi phạm. Ủy ban khuyến nghị rằng cần có một cơ chế hoặc thủ tục giám sát cố định nhằm đảm bảo rằng tất cả các cơ quan tổ chức không thuộc nhà nước cung cấp dịch vụ đều có và áp dụng các chính sách, chương trình và thủ tục phù hợp với Công ước.<sup>1</sup>

## **B. Kinh tế phi chính thức**

35. Nền kinh tế phi chính thức thu hút một phần quan trọng trong số dân đang hoạt động kinh tế ở rất nhiều nước và đóng góp đáng kể cho tổng sản phẩm quốc nội. Tuy nhiên, quyền trẻ em có thể đặc biệt gặp nguy hiểm từ các hoạt động kinh tế diễn ra bên ngoài các khuôn khổ pháp lý và thể chế vốn có những quy định để bảo vệ quyền. Ví dụ, các sản phẩm được sản xuất và xử lý trong điều kiện kinh tế phi chính thức như đồ chơi, hàng may mặc hay thực phẩm có thể không tốt cho sức khỏe và/hoặc không an toàn với

---

<sup>1</sup> Xem Bình luận chung số 5, đoạn 44.

trẻ em. Mặt khác, thường thấy rất đông trẻ em trong những khu vực làm việc phi chính thức ẩn kín, như các doanh nghiệp gia đình cỡ nhỏ, lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ lưu trú. Những công việc này thường liên quan đến những việc làm tạm thời, không thường xuyên hoặc không được trả lương, có rủi ro sức khỏe, thiếu bảo hiểm xã hội, hạn chế tự do hiệp hội và thiếu bảo vệ khỏi phân biệt đối xử và bạo lực hay bóc lột. Những việc làm này có thể cản trở trẻ em đi học, làm bài tập hay được nghỉ ngơi và chơi đầy đủ, có thể vi phạm các điều 28, 29 và 31 của Công ước. Thêm nữa, cha mẹ hay người chăm sóc làm việc trong lĩnh vực kinh tế phi chính thức thường phải làm việc nhiều giờ hơn mới đảm bảo được thu nhập đủ sống, vì vậy hạn chế nghiêm trọng cơ hội của họ để thực hành trách nhiệm cha mẹ hay chăm sóc cho con cái mình.

36. Nhà nước cần đặt ra các biện pháp để đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh diễn ra trong khuôn khổ pháp luật và thể chế phù hợp trong tất cả các bối cảnh bất kể quy mô hay lĩnh vực của hoạt động kinh tế để giúp quyền trẻ em có thể được công nhận rõ ràng và được bảo vệ. Những biện pháp đó có thể bao gồm: nâng cao nhận thức, tiến hành nghiên cứu và thu thập dữ liệu về tác động của kinh tế phi chính thức lên quyền trẻ em, hỗ trợ việc tạo việc làm tốt để có thể trả lương thích đáng cho cha mẹ hoặc người chăm



nuôi trẻ đang làm việc; thực hiện các luật về sử dụng đất rõ ràng và có thể đoán trước; cải thiện việc cung cấp bảo trợ xã hội cho các gia đình thu nhập thấp; và hỗ trợ các hoạt động kinh doanh trong khu vực phi chính thức bằng cách cung cấp các đào tạo kỹ năng, đăng ký cơ sở, dịch vụ tín dụng và ngân hàng hiệu quả và linh hoạt, bố trí thuế và tiếp cận thị trường phù hợp, và các biện pháp khác.

37. Nhà nước phải quy định về điều kiện làm việc và đảm bảo các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột kinh tế và những công việc nguy hại hoặc làm ảnh hưởng đến việc học hành hoặc nguy hiểm cho sức khỏe hoặc sự phát triển về thể chất, tâm thần, tinh thần, đạo đức hay xã hội của các em. Những công việc này không chỉ có ở các hoạt động kinh tế phi chính thức hay kinh tế gia đình nhưng thường thấy nhất trong môi trường này. Vì vậy, nhà nước được yêu cầu xây dựng và thực hiện các chương trình nhằm vươn tới các hoạt động kinh tế này, bao gồm việc thực thi các chuẩn mực quốc tế về tuổi lao động tối thiểu và các điều kiện làm việc phù hợp, đầu tư vào giáo dục và đào tạo hướng nghiệp và hỗ trợ để trẻ em có thể chuyển dịch một cách tốt đẹp vào thế giới công việc. Nhà nước cần đảm bảo các chính sách xã hội và bảo vệ trẻ em tiếp cận được với tất cả, đặc biệt là các gia đình làm kinh tế phi chính thức.

**C. Quyền trẻ em và các doanh nghiệp vận hành toàn cầu**

38. Các doanh nghiệp ngày càng hoạt động trên quy mô toàn cầu thông qua các mạng lưới phức tạp gồm các chi nhánh, nhà thầu, nhà cung cấp và các liên doanh. Tác động của các doanh nghiệp này lên quyền trẻ em, dù tích cực hay tiêu cực, ít khi là do kết quả của việc hành động hay không hành động của một đơn vị doanh nghiệp riêng biệt, dù đó là công ty mẹ, chi nhánh, nhà thầu, nhà cung cấp hay gì khác. Thay vào đó, việc này thường liên quan đến hay có sự tham gia của nhiều đơn vị doanh nghiệp khác nhau nằm ở các phạm vi tài phán khác nhau. Ví dụ, nhà cung cấp có thể liên quan đến việc sử dụng lao động trẻ em, chi nhánh có thể tham gia vào việc lấy đất và nhà thầu hay người được cấp đăng ký có thể tham gia vào việc tiếp thị các hàng hóa và dịch vụ có hại cho trẻ em. Đặc biệt thách thức đối với các nhà nước trong việc làm tròn nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền trẻ em trong trường hợp này vì, bên cạnh các lý do khác, thực tế là doanh nghiệp đa quốc gia thường là các thực thể pháp lý riêng biệt đặt tại các quốc gia khác nhau ngay cả khi nó vận hành như một đơn vị kinh tế có trung tâm hoạt động, đăng ký và/hoặc có chính quán tại một nước (nước chính quán) và hoạt động ở một nước khác (nước chủ nhà).

39. Theo Công ước, nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng và bảo đảm quyền trẻ em trong phạm vi tài phán của mình. Công ước không hạn chế tài phán của một nước trong phạm vi “lãnh thổ”. Theo luật quốc tế, Ủy ban trước đây đã khuyến khích nhà nước bảo vệ quyền của trẻ em bên ngoài biên giới lãnh thổ của mình. Ủy ban cũng nhấn mạnh rằng nghĩa vụ theo Công ước và các nghị định thư kèm theo áp dụng với từng trẻ em trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia và với tất cả trẻ em trong phạm vi tài phán của một nhà nước.<sup>1</sup>

40. Nghĩa vụ bên ngoài lãnh thổ cũng được nêu rõ trong Nghị định thư kèm theo công ước về buôn bán trẻ em, mại dâm và khiêu dâm trẻ em. Điều 3, khoản 1 quy định rằng mỗi nhà nước phải đảm bảo rằng, tối thiểu là, việc vi phạm những vấn đề này được quy định đầy đủ trong luật hình sự của mình, dù việc vi phạm đó diễn ra ở trong nước hay xuyên quốc gia. Theo Điều 3, khoản 4 của Nghị định thư về buôn bán trẻ em, mại dâm và khiêu dâm trẻ em, trách nhiệm với những vi phạm này, dù là hình sự, dân sự hay hành chính, phải quy cho thể nhân, bao gồm doanh nghiệp. Tiếp cận này nhất quán với các công ước và văn kiện nhân quyền khác áp nghĩa vụ cho nhà nước trong việc quy trách nhiệm

---

<sup>1</sup> Bình luận chung số 6 (2005) về đối xử với trẻ em không có người đi cùng hoặc trẻ bị cách ly ở bên ngoài nước chính quán, Biên bản chính thức của Đại hội đồng, Kỳ họp thứ 61, Phụ chương số 41(A/61/41), phụ lục II, đoạn 12.

hình sự cho công dân của mình trong những vi phạm như tòng phạm trong tra tấn, mất tích cưỡng bức và phân biệt chủng tộc, bất kể việc vi phạm và hành vi được coi là tòng phạm xảy ra ở đâu.

41. Nhà nước có nghĩa vụ tham gia vào hợp tác quốc tế để thực hiện quyền trẻ em bên ngoài ranh giới lãnh thổ. Phần mở đầu và các điều khoản của Công ước đã nêu một cách nhất quán “tầm quan trọng của hợp tác quốc tế để cải thiện điều kiện sống của trẻ em ở từng quốc gia, đặc biệt ở những nước đang phát triển”.<sup>1</sup> Bình luận chung số 5 nhấn mạnh rằng “việc thực hiện Công ước là một hoạt động thực hành mang tính hợp tác giữa các nhà nước trên thế giới”.<sup>2</sup> Như vậy, việc hiện thực hóa hoàn toàn các quyền trẻ em theo Công ước phần nào là trách nhiệm trong quan hệ giữa các nhà nước. Thêm nữa, Ủy ban nhấn mạnh rằng Công ước gần như đã được phê chuẩn trên toàn cầu; vì thế thực thi các điều khoản của Công ước nên là mối quan tâm chính và bình đẳng của cả nước chính quán lẫn nước chủ nhà của một doanh nghiệp.

---

<sup>1</sup> Xem Công ước về Quyền Trẻ em, Điều 4; 24, đoạn 4; 28, đoạn 3; 17 và 22, đoạn 2; và Nghị định thư tùy chọn về buôn bán, mại dâm và khiêu dâm trẻ em, Điều 10, và Nghị định thư về trẻ em liên lụy đến xung đột vũ trang, đoạn 10.

<sup>2</sup> Bình luận chung số 5, đoạn 60.

42. Nhà nước chủ nhà có trách nhiệm chính về tôn trọng, bảo vệ và đảm bảo quyền trẻ em trong phạm vi tài phán của mình. Nhà nước chủ nhà đảm bảo tất cả các doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp xuyên quốc gia hoạt động trong lãnh thổ của họ, được điều chỉnh bởi một khung pháp lý và thể chế phù hợp đảm bảo rằng các doanh nghiệp không có tác động tiêu cực lên quyền trẻ em và/hoặc hỗ trợ hoặc làm ngơ trước những vi phạm trong phạm vi tài phán nước ngoài.

43. Nhà nước chính quán cũng có nghĩa vụ, theo Công ước và các nghị định thư kèm theo, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền trẻ em trong bối cảnh các hoạt động và vận hành ngoài lãnh thổ của doanh nghiệp, vì có một mối quan hệ nhất định giữa nhà nước và hành vi kể trên. Mối quan hệ nhất định này tồn tại khi một doanh nghiệp có trung tâm hoạt động, hay đăng ký hay địa chỉ pháp lý hay địa điểm kinh doanh chính hay các hoạt động kinh doanh quan trọng ở nhà nước này.<sup>1</sup> Khi đưa ra các biện pháp để thực hiện nghĩa vụ này, nhà nước không được vi phạm Hiến chương LHQ và các luật quốc tế nói chung và cũng không được thu hẹp nghĩa vụ theo Công ước của nước chủ nhà.

---

<sup>1</sup> Xem Nguyên tắc Maastricht về Nghĩa vụ bên ngoài lãnh thổ của nhà nước trong lĩnh vực các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, nguyên tắc số 25 (2012).

44. Nhà nước cần tạo khả năng cho trẻ em và gia đình tiếp cận đến các cơ chế tư pháp và các cơ chế khắc phục khác khi quyền của trẻ em bị vi phạm bởi doanh nghiệp bên ngoài lãnh thổ để khắc phục việc vi phạm khi có một mối liên quan nhất định giữa nhà nước và hành vi kể trên. Ngoài ra, nhà nước cần hỗ trợ và hợp tác quốc tế với các thủ tục điều tra và thực thi luật pháp của nhà nước khác.

45. Các biện pháp ngăn chặn việc xâm hại quyền trẻ em do doanh nghiệp gây ra khi đang vận hành ở nước ngoài bao gồm:

(a) Quy định điều kiện về tiếp cận về tài chính công hoặc các hình thức hỗ trợ công khác, như bảo hiểm, khi một doanh nghiệp tiến hành quá trình xác định, phòng ngừa hoặc giảm thiểu tác động lên quyền trẻ em trong các hoạt động của họ ở nước ngoài;

(b) Cân nhắc lịch sử của doanh nghiệp về quyền trẻ em khi quyết định cung cấp tài chính công hoặc các hình thức hỗ trợ chính thức khác;

(c) Đảm bảo rằng các cơ quan nhà nước có vai trò rõ ràng về doanh nghiệp, ví dụ như cơ quan cấp tín dụng xuất khẩu, tiến hành các bước xác định, ngăn ngừa và giảm thiểu bất kỳ tác động tiêu cực nào mà các dự án họ hỗ trợ có thể gây ra với quyền trẻ em trước khi quyết định hỗ trợ cho các doanh nghiệp hoạt động ở nước ngoài và đặt điều kiện là những cơ

quan này sẽ không hỗ trợ các hoạt động có thể gây ra hoặc góp phần gây ra vi phạm quyền trẻ em.

46. Cả nước chính quán và nước chủ nhà đều nên thiết lập các khuôn khổ pháp lý và thể chế để đảm bảo doanh nghiệp tôn trọng quyền trẻ em trong suốt các hoạt động trên toàn cầu. Nước chính quán cần đảm bảo có các cơ chế hiệu quả để các cơ quan chính phủ và cơ quan có trách nhiệm thực thi Công ước và Nghị định thư tùy chọn kèm theo có thể phối hợp nhịp nhàng với những cơ quan có trách nhiệm về thương mại và đầu tư nước ngoài. Họ cũng cần xây dựng năng lực để các cơ quan hỗ trợ phát triển và các phái đoàn ở nước ngoài có trách nhiệm xúc tiến thương mại có thể tích hợp các vấn đề kinh doanh vào đối thoại nhân quyền song phương, bao gồm về quyền trẻ em, với các chính phủ nước ngoài. Nhà nước có liên quan đến Hướng dẫn của OECD dành cho công ty đa quốc gia nên hỗ trợ đầu mối liên lạc quốc gia của mình bằng cách đảm bảo rằng đầu mối này có nguồn lực thích đáng, độc lập và được trao chức năng để làm việc nhằm đảm bảo sự tôn trọng đối với quyền trẻ em trong bối cảnh các vấn đề doanh nghiệp. Các khuyến nghị của các cơ quan như đầu mối liên lạc quốc gia OECD cũng nên được trao hiệu lực thích đáng.

#### **D. Các tổ chức quốc tế**

47. Tất cả các nhà nước được kêu gọi, theo Điều 4 Công ước, hợp tác trực tiếp để thực thi các quyền trong Công ước

thông qua hợp tác quốc tế và thông qua tư cách thành viên trong các tổ chức quốc tế. Với các hoạt động doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế bao gồm các thiết chế phát triển, tài chính và thương mại quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), và WTO, cũng như các tổ chức khu vực, trong đó các nhà nước cùng hành động chung. Nhà nước phải tuân thủ nghĩa vụ theo Công ước và các nghị định thư kèm theo khi hành xử như một thành viên của các tổ chức này và nhà nước không được chấp nhận khoản vay từ các tổ chức quốc tế, hay đồng ý với những điều kiện do các tổ chức này đặt ra, nếu các khoản vay hay chính sách này có thể dẫn đến vi phạm quyền trẻ em. Nhà nước cũng cần giữ nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực hợp tác quốc tế và cần đảm bảo rằng các chính sách và chương trình hợp tác được thiết kế và thực hiện có tuân thủ Công ước và các nghị định thư kèm theo.

48. Một nhà nước tham gia vào phát triển, tài chính và thương mại quốc tế phải tiến hành tất cả các hành động và biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo rằng các tổ chức hành xử theo Công ước và các nghị định thư kèm theo trong quá trình ra quyết định và hoạt động, cũng như khi tham gia các thỏa thuận hay xây dựng các hướng dẫn liên quan cho khu vực doanh nghiệp. Các hành động và biện pháp này cần vượt trên mức xóa bỏ lao động trẻ em và bao gồm việc thực



thi đầy đủ tất cả các quyền trẻ em. Các tổ chức quốc tế cần có chuẩn mực và thủ tục để đánh giá rủi ro làm tổn hại đến trẻ em cho các dự án mới và có các biện pháp để giảm thiểu rủi ro gây hại. Các tổ chức cần có các thủ tục và cơ chế để xác định, giải quyết và khắc phục các vi phạm quyền trẻ em theo chuẩn mực quốc tế hiện hành, bao gồm khi các vi phạm xảy ra do hoạt động của doanh nghiệp hoặc do kết quả của hoạt động doanh nghiệp do các tổ chức này tài trợ hoặc có mối quan hệ.

### **E. Tình huống khẩn cấp và xung đột**

49. Có những khó khăn đặc biệt cho cả nước chính quán và nước chủ nhà trong việc đáp ứng nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền trẻ em khi doanh nghiệp vận hành trong những điều kiện mà các thiết chế có nghĩa vụ bảo vệ không làm việc hiệu quả được do xung đột, thảm họa hoặc do trật tự xã hội hoặc pháp lý bị phá vỡ. Cần nhấn mạnh rằng Công ước và các nghị định thư kèm theo Công ước và các nghị định thư kèm theo được áp dụng trong mọi thời điểm và không có điều khoản nào cho phép thoái lui nghĩa vụ trong điều kiện khẩn cấp.

50. Trong những hoàn cảnh nêu trên, có rủi ro lớn hơn về doanh nghiệp sử dụng lao động trẻ em (bao gồm trong chuỗi cung ứng và các chi nhánh), về việc có sử dụng lính

trẻ em hay về tham nhũng và trốn thuế. Do rủi ro lớn hơn, nhà nước chính quán cần yêu cầu các doanh nghiệp hoạt động trong những tình huống khẩn cấp và xung đột tiến hành các rà soát nghiêm ngặt về quyền trẻ em trước khi tiến hành công việc, các rà soát này phải được thiết kế riêng cho quy mô và hoạt động của doanh nghiệp. Nhà nước chính quán cũng cần xây dựng và thực hiện các luật và quy định đề cập cụ thể những rủi ro về quyền trẻ em có thể thấy trước do hoạt động của doanh nghiệp vận hành xuyên quốc gia. Các quy định này có thể bao gồm yêu cầu công bố hành động nào đã được xúc tiến để đảm bảo hoạt động của công ty không góp phần vào các vi phạm nghiêm trọng quyền trẻ em, và cần có giai đoạn thử thách với việc bán hay chuyển giao vũ khí và các hình thức hỗ trợ quân sự khác khi đi đến cuối cùng là một nước mà ở đó trẻ em được biết đến hoặc có thể sẽ được tuyển dụng hoặc sử dụng trong chiến sự.

51. Nhà nước chủ nhà cần cung cấp cho doanh nghiệp thông tin kịp thời, chính xác và toàn diện về tình hình trẻ em địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động hoặc dự kiến hoặc động trong các khu vực bị ảnh hưởng của xung đột hay có tình trạng khẩn cấp. Những hướng dẫn như vậy cần nhấn mạnh rằng các công ty có trách nhiệm trong việc tôn trọng quyền trẻ em trong những hoàn cảnh này y như ở tất cả

những nơi khác. Trẻ em có thể phải chịu ảnh hưởng của bạo lực, bao gồm cả xâm hại tình dục và bị bóc lột, buôn bán trẻ em hay bạo lực trên cơ sở giới ở những vùng có xung đột và nhà nước phải công nhận việc này khi cung cấp hướng dẫn cho các doanh nghiệp.

52. Nghĩa vụ của nhà nước nước “đến” và nước chủ nhà theo các điều khoản của Công ước phải được nhấn mạnh khi một doanh nghiệp hoạt động trong khu vực bị ảnh hưởng của xung đột: Điều 38 yêu cầu tôn trọng các nguyên tắc của luật nhân đạo quốc tế, Điều 39 bắt buộc các nhà nước phải cung cấp các biện pháp tái hòa nhập xã hội và phục hồi về tâm lý phù hợp và Nghị định thư tùy chọn về việc trẻ em liên quan đến xung đột vũ trang có các điều khoản về tuyển dụng trẻ em vào lực lượng vũ trang dưới 18 tuổi. Khi hoạt động trong khu vực chịu ảnh hưởng của xung đột, các doanh nghiệp có thể thuê các công ty an ninh tư nhân và có thể gặp rủi ro liên lụy đến các vi phạm như bóc lột và/hoặc sử dụng bạo lực với trẻ em trong quá trình bảo vệ cơ sở doanh nghiệp hay các hoạt động khác. Để ngăn chặn điều này, cả nước chính quán và nước chủ nhà nên giới thiệu và thực hiện một quy định pháp lý của nước mình trong đó có điều khoản cụ thể về cấm các công ty tuyển dụng trẻ em hay sử dụng trẻ em vào chiến sự; yêu cầu có các biện pháp hiệu quả để bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực và bóc lột; và cơ chế quy

định trách nhiệm giải trình cho nhân sự về các xâm hại quyền trẻ em.

## **VI. KHUÔN KHỔ THỰC THI**

### **A. Các biện pháp lập pháp, quy định và thi hành**

#### **1. Lập pháp và quy định**

53. Các văn bản pháp luật và quy định là những công cụ quan trọng và cần thiết để đảm bảo rằng các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp không có ảnh hưởng tiêu cực hoặc vi phạm quyền trẻ em. Nhà nước cần đưa ra các quy định pháp luật giúp cho quyền trẻ em có hiệu lực với cả bên thứ ba, và cung cấp một môi trường pháp lý và quy định rõ ràng, có thể đoán trước nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tôn trọng quyền trẻ em. Để đáp ứng nghĩa vụ đưa ra các biện pháp lập pháp và quy định thích đáng và hợp lý để đảm bảo doanh nghiệp không xâm phạm quyền trẻ em, nhà nước cần thu thập thông tin, bằng chứng và nghiên cứu để xác định các lĩnh vực doanh nghiệp cụ thể có liên quan.

54. Theo Điều 18, khoản 3 của Công ước, nhà nước cần tạo ra điều kiện làm việc trong các doanh nghiệp để hỗ trợ cha mẹ và người chăm nuôi trẻ em đang làm việc có thể hoàn thành trách nhiệm của họ với trẻ em đang được họ chăm sóc, chẳng hạn: đưa ra chính sách nơi làm việc thân

thiện với trẻ em, có ngày nghỉ chăm con; hỗ trợ và tạo điều kiện cho việc nuôi con bằng sữa mẹ; tiếp cận dịch vụ chăm sóc trẻ chất lượng; chi trả lương phù hợp với mức sống chấp nhận được; bảo vệ khỏi phân biệt đối xử và bạo lực ở nơi làm việc; và, an ninh và an toàn ở nơi làm việc.

55. Hệ thống thuế không hiệu quả, tham nhũng và quản lý sai nguồn thu của chính phủ từ các doanh nghiệp nhà nước và thuế doanh nghiệp là một số vấn đề có thể hạn chế nguồn lực sẵn có để thực thi quyền trẻ em theo Điều 4 của Công ước. Bên cạnh những nghĩa vụ hiện có quy định ở các văn kiện về chống dứt lốt và chống tham nhũng,<sup>1</sup> nhà nước cần xây dựng và thực hiện hiệu quả các luật và quy định để thu và quản lý nguồn thu từ tất cả các nguồn, đảm bảo tính minh bạch, giải trình và công bằng.

56. Nhà nước cần thực thi Điều 32 của Công ước để đảm bảo việc cấm bóc lột kinh tế và những công việc nguy hại đối với trẻ em. Một số trẻ em ở trên độ tuổi lao động tối thiểu, theo chuẩn mực quốc tế, và vì thế có thể đủ điều kiện làm việc như một người lao động, trong khi vẫn cần được bảo vệ, ví dụ, khỏi những công việc nguy hại cho sức khỏe, sự an toàn hay sự phát triển về đạo đức của các em, phải được bảo vệ và khuyến khích quyền học tập, phát triển và nghỉ ngơi

---

<sup>1</sup> Ví dụ, Công ước OECD về Chống hối lộ quan chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế và/hoặc Công ước LHQ về Chống tham nhũng.

giải trí.<sup>1</sup> Nhà nước cần quy định tuổi lao động tối thiểu, quy định thời giờ và điều kiện làm việc phù hợp; và quy định các mức phạt để thực thi Điều 32 có hiệu quả. Nhà nước cũng cần có hệ thống thanh tra lao động và hệ thống hành pháp hoạt động tốt và có năng lực. Nhà nước cũng cần phê chuẩn các công ước ILO chính về lao động trẻ em là đưa những công ước này vào luật trong nước.<sup>2</sup> Theo Điều 39, nhà nước cần tiến hành tất cả các biện pháp phù hợp để thúc đẩy việc phục hồi về thể chất và tâm lý cũng như tái hòa nhập xã hội của một trẻ em đã chịu bất kỳ hình thức bạo lực, xao nhãng hay xâm hại nào, bao gồm việc bóc lột kinh tế.

57. Nhà nước được yêu cầu thực hiện các chuẩn mực quốc tế đã cam kết về quyền trẻ em, sức khỏe và doanh nghiệp, bao gồm Công ước khung về kiểm soát thuốc lá của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), và Bộ nguyên tắc quốc tế về tiếp thị các sản phẩm thay thế sữa mẹ cũng như các nghị quyết của Hội đồng Y tế Thế giới về các chủ đề này. Ủy ban lưu ý rằng các hoạt động và vận hành của lĩnh vực được có thể có tác động sâu sắc lên sức khỏe của trẻ em. Các công ty được nên được khuyến khích để cải thiện việc tiếp cận, tình

---

<sup>1</sup> Xem bình luận chung số 17 (2013) về quyền nghỉ ngơi, rảnh rỗi, chơi, các hoạt động giải trí, đời sống văn hóa và nghệ thuật (điều 31).

<sup>2</sup> Công ước ILO số 182 (1999) về việc Cấm và hành động lập tức để xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và 138 (1973) về Tuổi lao động tối thiểu.

trạng sẵn có, mức độ chấp nhận được và chất lượng của thuốc cho trẻ em, có tính đến những hướng dẫn liên quan.<sup>1</sup> Ngoài ra, quyền sở hữu trí tuệ cần được áp dụng theo những cách khuyến khích việc chi phí cho thuốc có thể chấp nhận được.<sup>2</sup>

58. Ngành truyền thông đại chúng, bao gồm công nghiệp quảng cáo và tiếp thị, có thể có tác động tích cực cũng như tiêu cực lên quyền trẻ em. Theo Điều 17 của Công ước, nhà nước có nghĩa vụ khuyến khích truyền thông đại chúng, bao gồm truyền thông tư nhân, phổ biến thông tin và tài liệu có lợi về xã hội và văn hóa cho trẻ em, bao gồm ví dụ về lối sống lành mạnh. Truyền thông phải được quy định phù hợp để bảo vệ trẻ em khỏi các thông tin có hại, đặc biệt là các sản phẩm khiêu dâm và sản phẩm minh họa hoặc nhấn mạnh tính bạo lực, phân biệt đối xử cũng như tính dục hóa hình ảnh trẻ em, đồng thời ghi nhận quyền thông tin và tự do biểu đạt của trẻ em. Nhà nước cần khuyến khích truyền thông xây dựng các hướng dẫn để đảm bảo tôn trọng đầy đủ các quyền của trẻ em, bao gồm bảo vệ các em khỏi bạo lực và những hình thức minh họa dẫn đến phân biệt đối xử, trong tất cả các dạng truyền

---

<sup>1</sup> Hướng dẫn về nhân quyền cho các công ty dược về tiếp cận thuốc chữa bệnh; Nghị quyết số 15/22 của Hội đồng Nhân quyền.

<sup>2</sup> Xem Bình luận chung số 15, đoạn 82; Tổ chức Thương mại Thế giới, Tuyên bố về Thỏa thuận về Sở hữu Trí tuệ và Y tế Công cộng, WT/MIN(01)/DEC/2.

thông. Nhà nước cũng cần thiết lập những ngoại lệ về bản quyền cho phép sao chép sách hoặc các ấn phẩm khác dưới dạng tiếp cận được cho trẻ em có hạn chế về thị lực hoặc các khuyết tật khác.

59. Trẻ em có thể coi các sản phẩm tiếp thị hoặc quảng cáo được truyền bá trên truyền thông là sự thật và khách quan, vì thế dẫn đến việc các em có thể tiêu dùng và sử dụng các sản phẩm này có hại. Quảng cáo và tiếp thị cũng có thể có ảnh hưởng lớn đến nhận thức về bản thân của trẻ em, ví dụ khi các sản phẩm này minh họa hình ảnh cơ thể không thực tế. Nhà nước cần đảm bảo rằng ngành quảng cáo và tiếp thị không có ảnh hưởng xấu lên quyền trẻ em, thông qua việc đưa ra các quy định phù hợp và khuyến khích các doanh nghiệp làm trong những ngành này đưa ra các nguyên tắc ứng xử và sử dụng các sản phẩm có nhãn và thông tin rõ ràng và chính xác, cho phép cha mẹ và trẻ em có những quyết định tiêu dùng dựa trên thông tin đầy đủ.

60. Truyền thông số là mối quan ngại đặc biệt, vì nhiều trẻ em có thể là người dùng Internet đồng thời cũng trở thành nạn nhân của bạo lực như nạn bắt nạt trực tuyến, lừa phỉnh qua mạng, buôn bán người, xâm hại tình dục và bóc lột thông qua Internet. Mặc dù các công ty có thể không trực tiếp liên quan đến những hành vi tội phạm như vậy, họ cũng có thể là đồng lõa trong những vi phạm này thông qua



hoạt động của công ty; ví dụ, du lịch tình dục trẻ em có thể được các đại lý du lịch hoạt động trên Internet tạo điều kiện, vì họ tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin và lập kế hoạch cho các hoạt động du lịch tình dục. Khiêu dâm trẻ em có thể được tạo điều kiện một cách gián tiếp bởi các doanh nghiệp Internet và nhà cung cấp thẻ tín dụng. Như vậy, để đáp ứng nghĩa vụ theo Nghị định thư tùy chọn về buôn bán trẻ em, mại dâm và khiêu dâm trẻ em, nhà nước cần cung cấp cho trẻ em thông tin phù hợp với lứa tuổi về an toàn trên mạng để các em có thể quản lý được rủi ro và biết khi cần giúp đỡ thì tìm tới đâu. Nhà nước cũng cần phối hợp với ngành công nghệ thông tin và liên lạc để ngành này xây dựng và đưa vào các biện pháp phù hợp để bảo vệ trẻ em khỏi các sản phẩm bạo lực và không phù hợp.

## ***2. Các biện pháp thực hiện***

61. Nhìn chung, những vấn đề cấp thiết nhất với trẻ em là do thực hiện không đầy đủ hoặc yếu trong việc hành pháp những quy định với doanh nghiệp. Có một số biện pháp nhà nước cần thực hiện để đảm bảo việc thực thi và hành pháp có hiệu quả, bao gồm:

(a) Tăng cường các cơ quan quản lý có trách nhiệm giám sát các chuẩn mực liên quan đến quyền trẻ em như sức khỏe và an toàn, quyền của người tiêu dùng, giáo dục, môi trường, lao động và quảng cáo và tiếp thị để họ có đủ sức mạnh và nguồn lực để giám sát và xem xét các khiếu nại và

cung cấp cũng như thực hiện các biện pháp khắc phục vi phạm quyền trẻ em;

(b) Phổ biến các luật và quy định về quyền trẻ em và doanh nghiệp cho các bên liên quan, bao gồm trẻ em và các doanh nghiệp;

(c) Đào tạo thẩm phán và các công chức hành chính cũng như luật sư và những người cung cấp hỗ trợ pháp lý để đảm bảo áp dụng đúng Công ước và các nghị định thư trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp và quyền trẻ em, các chuẩn mực nhân quyền quốc tế và các quy định pháp lý trong nước có liên quan, và để khuyến khích sự phát triển của nền tư pháp trong nước; và

(d) Cung cấp các biện pháp khắc phục hiệu quả thông qua các cơ chế tư pháp hoặc không phải tư pháp và tiếp cận công lý hiệu quả.

### ***3. Quyền trẻ em và việc kiểm soát - khắc phục của doanh nghiệp***

62. Để đáp ứng nghĩa vụ có các biện pháp đảm bảo rằng doanh nghiệp tôn trọng quyền trẻ em, nhà nước cần yêu cầu các doanh nghiệp tiến hành rà soát về quyền trẻ em và đưa ra biện pháp khắc phục. Việc này sẽ đảm bảo rằng doanh nghiệp xác định, ngăn ngừa và giảm thiểu tác động của họ lên quyền trẻ em trong suốt các quan hệ kinh doanh hoặc trong vận hành

toàn cầu của doanh nghiệp.<sup>1</sup> Khi có rủi ro cao về việc doanh nghiệp liên quan đến vi phạm quyền trẻ em do bản chất hoạt động của doanh nghiệp hay do bối cảnh vận hành của họ, nhà nước cần đòi hỏi một quy trình rà soát quyền trẻ em nghiêm ngặt hơn và có một hệ thống giám sát hiệu quả hơn.

63. Khi rà soát quyền trẻ em được tiến hành trong một quá trình rà soát nhân quyền chung, cần đảm bảo rằng các điều khoản của Công ước và các nghị định thư kèm theo có ảnh hưởng đến các quyết định. Bất kỳ kế hoạch hành động và biện pháp ngăn ngừa và/hoặc khắc phục vi phạm nhân quyền nào cũng phải cân nhắc đặc biệt đến những tác động riêng rẽ lên trẻ em.

64. Nhà nước cần đi đầu bằng các điển hình, yêu cầu tất cả các doanh nghiệp nhà nước tiến hành rà soát quyền trẻ em và công bố các báo cáo về tác động của các doanh nghiệp này lên quyền trẻ em, bao gồm báo cáo định kỳ. Nhà nước cần đặt điều kiện về tiến hành rà soát quyền trẻ em với các dịch vụ công và các dịch vụ được hưởng hỗ trợ công, như các doanh nghiệp được hưởng tín dụng xuất khẩu, hỗ trợ tài chính hay bảo hiểm đầu tư.

65. Là một phần của rà soát quyền trẻ em, các doanh nghiệp lớn cần được khuyến khích, và khi phù hợp, cần được yêu cầu công bố các nỗ lực của họ để giải quyết tác động lên

---

<sup>1</sup> Xem UNICEF, *Save the Children và Global Compact, Quyền Trẻ em và các nguyên tắc kinh doanh* (2011) (đã có ấn bản tiếng Việt do UNICEF Việt Nam thực hiện).

quyền trẻ em. Những thông tin này phải sẵn có, có hiệu lực, và so sánh được giữa các doanh nghiệp và đề cập những biện pháp doanh nghiệp đã thực hiện để giảm thiểu các tác động có thể xảy ra hoặc đã xảy ra với trẻ em do hoạt động của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần được yêu cầu công bố những hành động đã tiến hành để đảm bảo hàng hóa và dịch vụ họ sản xuất ra hay đưa vào lưu thông không liên quan đến những vi phạm nghiêm trọng quyền trẻ em, chẳng hạn như lao động cưỡng bức hay nô lệ. Nếu việc báo cáo là bắt buộc, nhà nước cần có các cơ chế xác minh và thúc đẩy thực thi nhằm đảm bảo việc thực hiện báo cáo. Nhà nước có thể hỗ trợ việc báo cáo bằng cách tạo ra các công cụ để đánh dấu và công nhận những thực hành tốt về quyền trẻ em.

## **B. Các biện pháp khắc phục**

66. Trẻ em thường gặp khó khăn khi tiếp cận với hệ thống tư pháp để tìm kiếm biện pháp khắc phục hiệu quả những xâm phạm và vi phạm quyền của các em khi có doanh nghiệp liên quan. Trẻ em có thể thiếu tư cách pháp lý, điều này hạn chế việc trẻ em theo đuổi một vụ kiện; trẻ em và gia đình có thể thiếu kiến thức về quyền của các em và cơ chế và thủ tục có thể sử dụng để khắc phục vi phạm hoặc thiếu tự tin trong hệ thống tư pháp. Nhà nước có thể không phải lúc nào cũng điều tra các vi phạm hình sự, dân sự hay hành chính của doanh nghiệp. Có một sự bất cân xứng quyền lực lớn giữa trẻ

em và doanh nghiệp, chi phí thường cao, cũng như có nhiều khó khăn trong việc đảm bảo hiện diện pháp luật của trẻ em nên việc theo đuổi các vụ kiện doanh nghiệp rất khó khăn. Các vụ việc liên quan đến doanh nghiệp thường được giải quyết ngoài tòa và thiếu một tiền lệ pháp lý được xây dựng hoàn chỉnh; trẻ em và gia đình các em ở những quốc gia mà tiền lệ tư pháp có tính tham khảo để có xu hướng bỏ không theo kiện vì không chắc có đạt kết quả không.

67. Có những khó khăn riêng trong việc đạt được khắc phục những vi phạm xảy ra trong trường hợp doanh nghiệp vận hành trên toàn cầu. Các chi nhánh hay các bên khác có thể thiếu bảo đảm hoặc có trách nhiệm hữu hạn; cách thức tổ chức của doanh nghiệp xuyên quốc gia thành các thực thể riêng biệt cũng làm cho việc xác định và quy kết trách nhiệm pháp lý cho mỗi đơn vị trở nên khó khăn; tiếp cận thông tin và bằng chứng nằm ở những nước khác nhau có thể là một trở ngại khi thu thập xây dựng và bảo vệ một vụ việc; có thể khó có được trợ giúp pháp lý ở nước ngoài và những rào cản khác về pháp lý và thủ tục có thể được sử dụng để chặn một vụ kiện từ nước ngoài.

68. Nhà nước cần tập trung chú ý vào việc dỡ bỏ các rào cản xã hội, kinh tế và tư pháp để trẻ em có thể thực sự tiếp cận các cơ chế tư pháp hiệu quả mà không chịu bất kỳ sự phân biệt nào. Trẻ em và người đại diện của trẻ em cần được cung cấp thông tin về các cơ chế khắc phục thông qua, ví dụ,

chương trình học ở trường, các trung tâm dành cho trẻ em và các chương trình dựa vào cộng đồng. Các em và người đại diện cũng cần được phép tự khởi kiện và được tiếp cận với hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ của luật sư và những người hỗ trợ pháp lý để đưa các vụ việc với doanh nghiệp ra các cơ chế này nhằm đảm bảo sự bình đẳng giữa hai bên. Nhà nước nào chưa có quy định về khiếu nại tập thể, như là khiếu nại nhân danh một nhóm hay khiếu nại theo quyền lợi công, cần giới thiệu các biện pháp này như là một cách làm tăng tiếp cận đến tòa án cho một số lớn trẻ em chịu ảnh hưởng giống nhau từ các hoạt động của doanh nghiệp. Nhà nước có thể hỗ trợ đặc biệt những trẻ em gặp khó khăn trong tiếp cận công lý, ví dụ, do ngôn ngữ hoặc do điều kiện khuyết tật hoặc có thể do các em còn quá nhỏ.

69. Tuổi tác không nên là rào cản với quyền tham gia đầy đủ vào quá trình tư pháp của một trẻ em. Tương tự, cần sắp xếp đặc biệt cho các nạn nhân và nhân chứng là trẻ em trong cả tố tụng dân sự và hình sự, theo Bình luận chung số 12 của Ủy ban. Ngoài ra, nhà nước cần thực hiện Hướng dẫn về tư pháp liên quan đến trẻ em và nạn nhân và nhân chứng của tội phạm.<sup>1</sup> Tính cẩn mật và riêng tư phải được tôn trọng và trẻ em phải được thông tin đầy đủ về tiến độ ở tất cả các bước của tiến trình, có cân nhắc thấu đáo đến mức độ trưởng

---

<sup>1</sup> Được Hội đồng Kinh tế và Xã hội thông qua trong Nghị quyết 2005/20.

thành của trẻ và bất kỳ khó khăn nào về diễn đạt, ngôn ngữ hay thông tin mà các em có thể có.

70. Nghị định thư tùy chọn về buôn bán trẻ em, mại dâm và khiêu dâm trẻ em yêu cầu nhà nước đưa vào áp dụng các quy định pháp lý về hình sự cho cả các pháp nhân, bao gồm các doanh nghiệp. Nhà nước cần cân nhắc việc áp trách nhiệm hình sự - hay bất kỳ hình thức trách nhiệm pháp lý nào có hiệu lực tương đương - với các pháp nhân, bao gồm doanh nghiệp, trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng quyền trẻ em, chẳng hạn như lao động cưỡng bức. Các phiên tòa quốc gia cần có quyền tài phán với những vi phạm nghiêm trọng này, theo các nguyên tắc tài phán đã được chấp nhận.

71. Các cơ chế không thuộc tòa án, như dàn xếp, hòa giải, và trọng tài, có thể là những phương án thay thế hữu ích để giải quyết tranh chấp liên quan đến trẻ em và doanh nghiệp. Các cơ chế này phải tồn tại mà không có gì thiệt hại cho quyền tiếp cận biện pháp khắc phục tư pháp. Những cơ chế này có thể đóng vai trò quan trọng bên cạnh quá trình ở tòa án, miễn là có tuân thủ Công ước và các nghị định thư kèm theo và các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về tính hiệu quả, nhanh chóng và thấu đáo và công bằng. Các cơ chế khiếu nại do doanh nghiệp thiết lập cũng có thể cung cấp các giải pháp linh hoạt và kịp thời và đôi khi việc các vấn đề liên quan đến việc hành xử của một công ty được giải quyết thông qua các cơ chế này có thể nằm trong lợi ích tốt nhất

cho trẻ em. Những cơ chế này cần theo các tiêu chuẩn bao gồm: tiếp cận được, chính danh, dự đoán được, tương thích với các quyền, minh bạch, liên tục học hỏi và đối thoại.<sup>1</sup> Trong tất cả các vụ việc, cần có tiếp cận tòa án hoặc xem xét về tư pháp đối với các biện pháp khắc phục mang tính hành chính và các thủ tục khác.

72. Nhà nước cần tiến hành mọi nỗ lực để tạo điều kiện tiếp cận với các cơ chế nhân quyền quốc tế và khu vực, bao gồm Nghị định thư tùy chọn theo Công ước về Quyền Trẻ em về thủ tục khiếu nại, để một trẻ em hoặc một nhóm trẻ em, hoặc những người khác hành động thay mặt em / các em có thể đạt được biện pháp khắc phục khi nhà nước thất bại trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền trẻ em trong mối quan hệ với hoạt động và vận hành của doanh nghiệp.

### **C. Các biện pháp chính sách**

73. Nhà nước cần khuyến khích một văn hóa doanh nghiệp có hiểu biết và tôn trọng đầy đủ quyền trẻ em. Về mặt này, nhà nước cần đưa vấn đề quyền trẻ em và doanh nghiệp vào bối cảnh chung của khuôn khổ chính sách quốc gia để thực thi Công ước. Nhà nước cần xây dựng các

---

<sup>1</sup> Báo cáo của Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký về vấn đề nhân quyền và doanh nghiệp xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác, John Ruggie, Nguyên tắc hướng dẫn về Doanh nghiệp và Nhân quyền: Thực thi Khuôn khổ “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của LHQ, A/HRC/17/31, nguyên tắc hướng dẫn 31.



hướng dẫn chỉ rõ yêu cầu của chính phủ với các doanh nghiệp về việc tôn trọng quyền trẻ em trong chính hoạt động doanh nghiệp, cũng như trong mối quan hệ về vận hành, sản xuất, dịch vụ hay hoạt động ở nước ngoài khi vận hành xuyên quốc gia. Khuôn khổ này cũng cần bao gồm việc thực hiện chính sách không chấp nhận bạo lực trong tất cả các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp. Nhà nước được yêu cầu phải chỉ dẫn và khuyến khích các sáng kiến của doanh nghiệp về mặt này.

74. Trong nhiều bối cảnh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm một phần lớn nền kinh tế và việc nhà nước cung cấp cho họ các chỉ dẫn phù hợp và thực hiện được ngay cũng như hỗ trợ họ để thực hành tôn trọng quyền trẻ em và tuân thủ luật pháp quốc gia trong khi tránh gánh nặng hành chính không cần thiết là rất quan trọng. Nhà nước cũng cần khuyến khích các công ty lớn sử dụng ảnh hưởng của họ với các công ty cỡ nhỏ và vừa để thúc đẩy quyền trẻ em thông qua chuỗi cung ứng.

## **D. Các biện pháp điều phối và giám sát**

### **1. Điều phối**

75. Việc thực thi đầy đủ Công ước và các nghị định thư kèm theo đòi hỏi sự phối hợp hiệu quả giữa các lĩnh vực, giữa các cơ quan và ngành của chính phủ và xuyên suốt các cấp khác nhau trong chính quyền từ địa phương đến khu vực đến

trung ương.<sup>1</sup> Thông thường, những cơ quan và ban ngành trực tiếp liên quan đến chính sách và công việc thực tế với doanh nghiệp làm việc tách biệt với những cơ quan và ban ngành có trách nhiệm trực tiếp về quyền trẻ em. Nhà nước phải đảm bảo rằng các cơ quan của chính phủ, cũng như các nghị sĩ, những người xây dựng luật và thực hành của doanh nghiệp đều nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ của nhà nước về quyền trẻ em. Họ có thể yêu cầu thông tin, đào tạo và hỗ trợ phù hợp để họ có thể được trang bị nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ Công ước khi xây dựng các luật và chính sách cũng như tham gia các thỏa thuận về kinh tế, thương mại và đầu tư. Các cơ quan nhân quyền quốc gia có thể đóng một vai trò quan trọng như chất xúc tác để kết nối các cơ quan chính phủ liên quan về quyền trẻ em và các cơ quan làm việc về doanh nghiệp.

## ***2. Giám sát***

76. Nhà nước có nghĩa vụ giám sát việc vi phạm Công ước và các nghị định thư kèm theo do doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra, bao gồm trong các hoạt động toàn cầu. Việc giám sát có thể thực hiện, ví dụ, thông qua: thu thập dữ liệu có thể dùng để xác định vấn đề và làm cơ sở cho chính sách; hợp tác với xã hội dân sự và cơ quan nhân quyền quốc gia; làm cho doanh nghiệp có trách nhiệm giải trình trước công chúng thông qua báo cáo của doanh nghiệp về

---

<sup>1</sup> Bình luận chung số 5, đoạn 37.

tác động lên quyền trẻ em để đánh giá hoạt động của doanh nghiệp; đặc biệt, các cơ quan nhân quyền quốc gia có thể tham gia vào, ví dụ, tiếp nhận thông tin, điều tra và dàn xếp các khiếu nại vi phạm; tiến hành khảo sát công chúng với những xâm hại ở quy mô lớn; trung gian trong những tình huống xung đột và tiến hành rà soát các văn bản pháp luật để đảm bảo việc tuân thủ Công ước. Khi cần thiết, nhà nước cần mở rộng chức năng theo luật định của cơ quan nhân quyền quốc gia để có thể có thẩm quyền giải quyết vấn đề quyền trẻ em và doanh nghiệp.

77. Khi nhà nước xây dựng các chiến lược và kế hoạch hành động để thực thi Công ước và các nghị định thư tùy chọn kèm theo, các văn bản này cần đề cập rõ ràng những biện pháp yêu cầu để tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền trẻ em trong hoạt động và vận hành của doanh nghiệp. Nhà nước cần đảm bảo việc giám sát tiến độ thực hiện Công ước trong các hoạt động và vận hành của doanh nghiệp. Việc này có thể tiến hành nội bộ thông qua việc ước lượng và đánh giá tác động quyền trẻ em, cũng như thông qua hợp tác với các cơ quan khác như các ủy ban của nghị viện, các tổ chức xã hội dân sự, các hiệp hội chuyên nghiệp và cơ quan nhân quyền quốc gia. Việc giám sát cần bao gồm cả việc hỏi trực tiếp trẻ em về tác động của doanh nghiệp lên quyền của các em. Các cơ chế khác để tham vấn có thể sử dụng, như hội

đồng và nghị viện thanh thiếu niên, truyền thông xã hội, hội đồng trường hay các hội của trẻ em.

### **3. Đánh giá tác động quyền trẻ em**

78. Để đảm bảo rằng lợi ích tốt nhất của trẻ là một cân nhắc căn bản trong việc xây dựng các quy định pháp lý và chính sách và thực hiện ở tất cả các cấp của chính phủ, cần liên tục tiến hành đánh giá tác động quyền trẻ em. Những đánh giá này có thể dự đoán tác động của bất kỳ chính sách, pháp luật, quy định, ngân sách hay quyết định hành chính nào được đề xuất có liên quan đến doanh nghiệp và có ảnh hưởng đến trẻ em và việc thụ hưởng các quyền của trẻ em<sup>1</sup> và cần bổ sung cho việc giám sát và đánh giá tác động của luật, chính sách và các chương trình hiện có lên quyền trẻ em.

79. Có thể xây dựng các phương pháp và thực hành khác nhau khi tiến hành đánh giá tác động quyền trẻ em. Tối thiểu thì các đánh giá này phải sử dụng khuôn khổ của Công ước và các nghị định thư tùy chọn kèm theo, cũng như các kết luận khuyến nghị và bình luận chung của Ủy ban. Khi nhà nước tiến hành đánh giá rộng hơn tác động của các chính sách, quy định pháp luật hay hoạt động hành chính liên quan đến doanh nghiệp, cần đảm bảo những đánh giá này được xây dựng bằng các nguyên tắc chung của Công

---

<sup>1</sup> Bình luận chung số 5, đoạn 45.

ước và các nghị định thư kèm theo và có cân nhắc đặc biệt đến việc các biện pháp được xem xét có những tác động khác biệt lên trẻ em.<sup>1</sup>

80. Đánh giá quyền trẻ em có thể được sử dụng để cân nhắc tác động lên tất cả trẻ em chịu ảnh hưởng của các hoạt động của một doanh nghiệp hay một lĩnh vực kinh doanh cụ thể, nhưng cũng có thể bao gồm việc đánh giá tác động khác nhau của các biện pháp lên một nhóm trẻ em nhất định. Việc đánh giá tác động có thể dựa vào đóng góp đầu vào của trẻ em, xã hội dân sự và chuyên gia, cũng như các cơ quan chính phủ liên quan, các nghiên cứu hàn lâm và những trải nghiệm đã được tài liệu hóa ở trong nước hay nơi khác. Việc phân tích cần đưa ra được các khuyến nghị sửa đổi, thay thế hay cải thiện, và những khuyến nghị này phải được công bố công khai.<sup>2</sup>

81. Để đảm bảo một quá trình vô tư và độc lập, nhà nước có thể cân nhắc bổ nhiệm một tác nhân bên ngoài dẫn dắt quá trình đánh giá. Việc này có thể mang lại lợi thế rõ rệt, nhưng nhà nước, với tư cách là bên có trách nhiệm cuối cùng về kết quả, phải đảm bảo rằng tác nhân tiến hành đánh giá có đủ năng lực, chân thực và vô tư.

---

<sup>1</sup> Bình luận chung số 14, đoạn 99.

<sup>2</sup> Đã dẫn.

### **E. Các biện pháp hợp tác và nâng cao nhận thức**

82. Trong khi nhà nước là bên có nghĩa vụ theo Công ước, nhiệm vụ thực hiện Công ước cần có sự tham gia cả tất cả các lĩnh vực trong xã hội, bao gồm doanh nghiệp, xã hội dân sự và bản thân trẻ em. Ủy ban khuyến nghị nhà nước thông qua và thực thi một chiến lược toàn diện nhằm thông tin tới và giáo dục cho tất cả trẻ em, cha mẹ và người chăm sóc trẻ rằng doanh nghiệp có trách nhiệm tôn trọng quyền trẻ em ở bất kỳ nơi nào doanh nghiệp hoạt động, bao gồm thông qua các thông điệp thân thiện với trẻ em và phù hợp với lứa tuổi, ví dụ thông qua việc cung cấp giáo dục về ý thức tài chính. Việc giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về Công ước cũng nên hướng đến doanh nghiệp để nhấn mạnh vị thế của trẻ em là người có quyền con người, khuyến khích việc chủ động tôn trọng tất cả các điều khoản của Công ước và thách thức, xóa bỏ thái độ phân biệt đối xử với tất cả trẻ em, đặc biệt là những em ở trong tình thế dễ bị tổn thương và bất lợi. Trong bối cảnh này, truyền thông cần được khuyến khích để cung cấp cho trẻ em thông tin về các quyền của trẻ em trong mối quan hệ với doanh nghiệp và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về trách nhiệm tôn trọng quyền trẻ em của doanh nghiệp.

83. Ủy ban nhấn mạnh rằng các cơ quan nhân quyền quốc gia có thể tham gia vào việc nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về các điều khoản của Công ước, ví dụ thông

qua việc xây dựng các hướng dẫn thực hành tốt và chính sách cho doanh nghiệp và phổ biến các thông tin này.

84. Xã hội dân sự có một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em một cách độc lập trong bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp. Việc này bao gồm giám sát doanh nghiệp và giữ cho doanh nghiệp có trách nhiệm giải trình, hỗ trợ trẻ em tiếp cận công lý và các biện pháp khắc phục; đóng góp vào đánh giá tác động quyền trẻ em; và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về trách nhiệm tôn trọng quyền trẻ em. Nhà nước cần đảm bảo điều kiện cho một xã hội dân sự tích cực và cảnh giác, bao gồm việc hợp tác có hiệu quả và hỗ trợ các tổ chức xã hội dân sự độc lập, các tổ chức của trẻ em và do trẻ em lãnh đạo, giới hàn lâm, các hội thương mại và công nghiệp, công đoàn, các hội người tiêu dùng và các hội nghề nghiệp. Nhà nước cần hạn chế can thiệp vào các tổ chức này và các tổ chức độc lập khác, và tạo điều kiện để họ tham gia vào các chính sách và chương trình công liên quan đến quyền trẻ em và doanh nghiệp.

## **VII. PHỔ BIẾN**

85. Ủy ban khuyến nghị nhà nước cần phổ biến rộng rãi bình luận chung này tới các nghị sĩ và các cơ quan của chính phủ, bao gồm các bộ, ngành và các cơ quan cấp địa phương làm việc về vấn đề doanh nghiệp và những cơ quan chịu

trách nhiệm về thương mại và đầu tư nước ngoài, như các tổ chức hỗ trợ phát triển và các phái đoàn ở nước ngoài. Cũng cần phổ biến bình luận chung này đến những người đang làm việc vì trẻ em và cùng trẻ em, bao gồm các thẩm phán, luật sư, người hỗ trợ pháp lý, giáo viên, người giám hộ, người làm công tác xã hội, công chức và nhân viên của các cơ sở phúc lợi công hoặc tư nhân, cũng như tất cả trẻ em và xã hội dân sự. Cần dịch bình luận chung này sang ngôn ngữ phù hợp, làm các phiên bản tiếp cận được và thân thiện với trẻ em, tổ chức các hội thảo và tọa đàm để thảo luận về hàm ý của bình luận chung và làm thế nào thực hiện tốt nhất, và lồng ghép vào việc đào tạo các ngành nghề phù hợp.

86. Khi báo cáo định kỳ lên Ủy ban, nhà nước cần đưa thông tin về những thử thách gặp phải và biện pháp đã được thực hiện để tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền trẻ em trong bối cảnh hoạt động và vận hành của doanh nghiệp cả ở nội địa và, khi phù hợp, xuyên quốc gia.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Guiding Principles on Business and Human Rights: Implementing the United Nations “Protect, Respect and Remedy” Framework*, OHCHR, 2011.
2. *Human Rights Translated 2.0: A Business Reference Guide*, OHCHR & Castan Centre for Human Rights Law, 2016.
3. *Frequently Asked Questions about the Guiding Principles on Business and Human Rights*, OHCHR, 2014.
4. *Guidance on National Action Plans on Business and Human Rights*, UN WG on Business and Human Rights, 2014.
5. *Business and Human Rights: A Guidebook for National Human Rights Institutions*, ICC, 2013.
6. *Business and Human Rights in ASEAN- A Baseline Study*, The Human Rights Resource Centre for ASEAN (HRRC), 2013.
7. *Corporate Accountability in ASEAN: A Human Rights- Based Approach*, Forum-Asia, 2013.
8. *The Corporate Responsibility to Respect Human Rights: An Interpretive Guide*, OHCHR, 2012.